

Văn Chương Nghệ Thuật

Nét đẹp Gia Long không phải chỉ ở
Công Dung Ngôn Hạnh hay ở tấm lòng
rộng mở với tha nhân mà còn ở khả
năng về văn chương, sự linh hoạt về nghệ
thuật...

Ta sẽ cùng đưa nhau vào thế giới hoa
mộng của thơ - văn...

Cùng nghe những lời thủ thỉ tâm tình

*Mười tám tuổi chìm sao vào đáy mắt
Tuổi học trò, tuổi mới chớm yêu
thương...
(Quỳnh Châu GL65)*

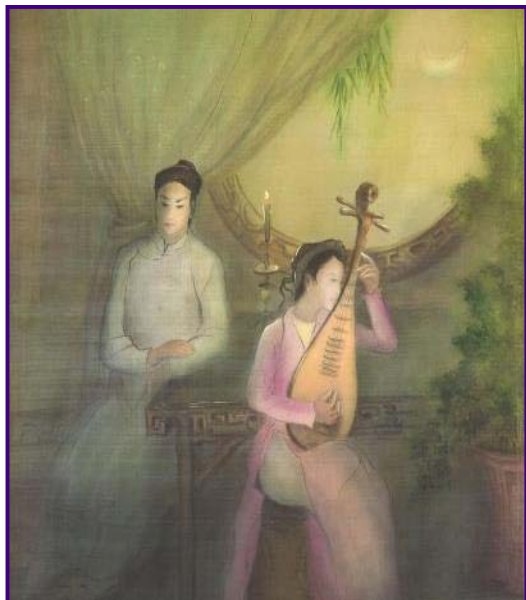
Hay kể cho nhau những giai thoại văn
sử hấp dẫn; những uẩn khúc văn
chương đã một thời làm bao người say
đắm:

*Những nét buồn buồn tơ liễu rủ
Những lời năn nỉ của hư vô
(Hàn Mặc Tử)*

Và đưa nhau đi chiêm ngưỡng một
thắng cảnh xa xôi huyền bí vẫn trơ gan
cùng tuế nguyệt; rồi mời nhau nhấp vị
thanh khiết thoát tục của hương sớm
ban mai thấm đẫm mùi Thiên

*Vô ưu bát ngát cõi lòng
Một mai xin mượn dấu Không tìm về...
(Phổ Như)*





TIẾNG ĐÀN TÁI-NGỘ trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du

(Bài pháp-thoại đề cao tình thương
theo giáo-lý từ-bi của nhà Phật)

GS. Phạm Thị Nhung

A - Trong bài nói chuyện "Kiều và Văn-Nghệ Đứt Ruột" của Thiền-sư Nhất-Hạnh tại San-José California, ngày 21 tháng 10 năm 1993, Thiền-sư đã phân-tích cho biết:

" Khi Thúy-Kiều nhảy xuống sông Tiền-Đường tự tử, Sư Giác-Duyên đã thuê hai ngư-phủ giăng lưới ngang sông Tiền-Đường chờ sẵn, kéo lưới vớt lên; rồi đưa về thảo-am làm lễ xuất-gia và dẫn nàng tu học «Kiều đã có cơ-hội được tiếp-xúc, học-hỏi với đạo-lý giải-thoát... Thúy-Kiều đã tìm được an-lạc thật sự trong nếp sống tu-hành... và Thúy-Kiều đã đạt tới một trình-độ giác-ngộ rất cao..." Giữa người yêu cũ với nàng bây giờ đã có một khoảng cách rất xa... Chính trong đêm tái ngộ, Thúy-Kiều đã dạy cho Kim Trọng con đường tu học. Trong văn Kiều của Nguyễn Du, điều này không có nhắc tới. Nhưng trong Nguyên-lục thì có. Đêm đó Thúy-Kiều làm 10 bài thơ đề hướng-dẫn Kim Trọng tu học...

Đây là bài thơ thứ 10:

*Hôm nay gặp lại chàng
Tử sinh em đã vượt*

*Khuyên chàng hãy định tâm
Một lòng sau như trước.*

Gặp lại chàng hôm nay, em đã trải qua kinh-nghiệm của sống chết, và em đã được giải-thoát rồi. Vậy chàng hãy sớm định tâm trở lại. Chàng hãy cố tu-tập đi. Để trên con đường tâm-linh chàng có thể tới gần em. Và làm người bạn tâm-linh của em. Bài thơ ấy nguyên-tác như sau:

*Kim nhật trùng kiến lang
Bất phục tri hữu tử*

*Nguyện quân tảo định tình
Thận chung như thận thủy.»*

B - Theo thiển-ý, trong đoạn cuối tác-phẩm ĐTTT, Nguyễn Du tuy không cho Thúy-Kiều làm thơ, nhưng đã cho nàng mượn Tiếng đàn tái-ngộ để hướng-dẫn Kim Trọng trên đường tu học. Đời là bể khổ lại sống trong thời mạt-pháp, xã-hội sa-đọa, đầy-dẫy những sự tham-ô, tàn-bạo, bất-công..., khổ-đau của con người càng thêm chồng-chất. Chính Thúy-Kiều đã là nạn-nhân thâm-thâm trong cái xã-hội đó. Bởi thế, nàng Kiều có tâm-nguyện chuyên-hóa những kinh-nghiệm khổ-đau xưa thành hạnh-phúc yêu-thương. Nàng đem những gì mình học-hỏi được về giáo-lý từ-bi của nhà Phật, thực-tập trong cuộc sống để độ mình và độ người.

Sách Phật-giáo chẳng đã dạy, dù sống ở đâu, nếu mình biết sử-dụng một cách khéo-léo tùy duyên, thì tất cả các pháp đều là Phật-pháp, đều có ích cho việc tu-tập của mình và đem lại lợi-lạc cho người.

Đêm nay, giữa không-khí ẩm-cúng nơi động-phòng hoa-chúc, Kim Trọng Thúy-Kiều, đôi tình-nhân xưa, sau 15 năm xa-cách được trùng-phùng trong tình bạn tri-kỷ, tương-kính tương-tri. Sau khi hàn-huyên đã tạm thỏa-thuê, Kim Trọng ngỏ ý mong được nghe lại tiếng đàn tuyệt-diệu năm xưa của Kiều. Kiều đã thổ-lộ ngay với Kim về ảnh-hưởng tai-hại của tiếng đàn đó đối với cuộc đời nàng:

Nàng rằng:-Vì mấy đường tơ

Hại người cho đến bây giờ mới thôi. (cc.3193-3194)

Trước kia, Kiều vì mê-mờ, vị-kỷ, nhiều dục-vọng, đã tự-phụ về tài đàn vượt-trội thiên-hạ của mình, những là:

Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trang.. (c.32)

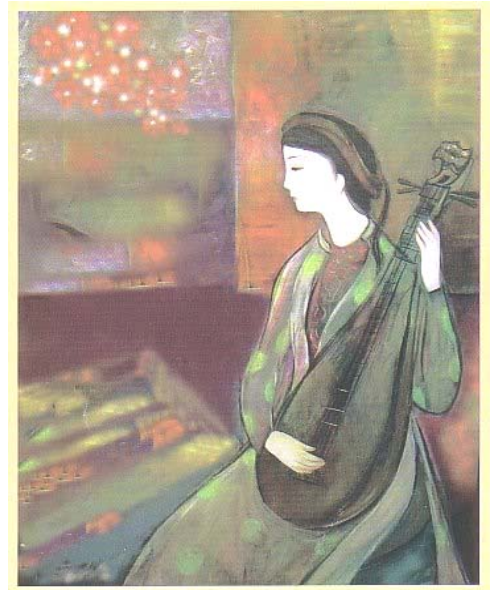
Khúc Bạc-Mệnh-Oán, thuở nàng còn thơ vì thương-cảm số-kiếp hồng-nhan mệnh bạc của bao người xưa mà sáng-tác nên, khi phổ vào đàn, gảy lên càng làm say-đắm lòng người:

Một cung Bạc-mệnh lại càng nảo nhân (c.34)

Chính Kiều cũng mê-say tài đàn của mình, tự ru mình, nuôi-dưỡng mình bằng những chủng-tử ảo-não, bi-thương đó; kết-quả, quen dần thành nết (Rằng quen mất nết đi rồi), rồi thành nghiệp, thành mệnh trói-buộc nàng không sao thoát ra được. Cũng bởi tự-kỷ ám-thị, Kiều cho rằng mình là khách tài-hoa, đa-tình, mẫn-cảm, thì số-kiếp tất cũng sẽ đoạn-trường như ai; giống y như lời Đạo-Cô Tam-Hợp suy-luận, tiên-đoán:

Ma đưa lối, quỷ dẫn đường

Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi. (cc.2665-2666).



Thế nên, sau khi tỉnh-ngộ, nàng đã quyết tâm bỏ đàn để dứt-khoát với quá-khứ mê-lắm.

Nhưng đêm nay, «Nỗi lòng người xưa», nàng xin vâng lời đàn thêm một phen nữa.

Kiều biết Kim Trọng cũng là một tay chơi đàn nguyệt có hạng, nhớ lại lần đầu tiên Kiều gảy đàn cho chàng nghe, chàng đã tỏ ra là một người sành-điệu, biết thưởng-thức tiếng đàn và hiểu được ý đàn của nàng. Do đó, đêm nay nàng cũng muốn mượn Tiếng đàn tái-ngộ, tùy duyên nói pháp, cốt dẫn Kim Trọng hướng về tình thương theo giáo-lý từ-bi nhà Phật, mục-đích giúp chàng thanh-lọc dần tâm-tư, tình-ý, để có thể gần nàng hơn trong đời sống tâm-linh. Kiều bắt đầu đàn:

Phím đàn dịu-dặt tay tiên

Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa. (cc.3197-3198)

Dưới những ngón tay thoăn-thoắt bấm phím của nàng, tiếng đàn dạo nhịp-nhàng, êm-ái vang lên... âm-thanh trầm bổng, lá-lướt theo khói trầm bay, rồi nhẹ-nhàng lan tỏa vào không-gian.

Tiếng đàn đi dần vào nội dung:

Khúc đâu đầm-ấm dương-hòa

Ấy là hồ-điệp, hay là Trang-Sinh?. (cc.3199-3200)

Kim Trọng tưởng đâu như đang nghe một khúc nhạc trầm-ấm, thiết-tha ca-ngợi lòng yêu-thương bao-la, chan-chứa tình người gửi đến muôn loài; khác nào nắng xuân chan-hoà sưởi ấm khắp nơi-nơi. Tiếng đàn còn gợi Kim nhớ chuyện Trang Chu đồng-hóa mình với bướm, thấy bướm chẳng khác gì mình; trong tích Trang Chu ngủ mơ hóa bướm, tỉnh dậy lấy làm ngờ không rõ mình là bướm hay là Trang Chu?

- *Khúc đầu êm-ái xuân-tình*
Ấy hồn Thục-Đế hay mình đồ-quyên? (cc.3201-3202)

Có khi Kim tưởng đầu như đang nghe một khúc nhạc êm-đềm,thắm-thiết, ca-ngợi tình yêu thương hồn-hậu trong-sáng của tuổi trẻ (xuân-tình). Tiếng đàn của Kiều lần này gọi Kim nhớ đến chuyện vua Vọng-Đế nước Thục, khi chết đi hồn hóa thành chim đồ-quyên. Vậy hồn Thục-Đế hay mình đồ-quyên có khác chi đâu, tuy hai mà vẫn là một!

Tóm lại, ý đàn thật rõ ràng, Kiều muốn qua đó nhấn-nhủ chàng Kim, hãy mở lòng từ-bi, đem tình yêu-thương hướng về tất cả, từ con người đến muôn loài chúng-sinh. Song muốn thực-hiện tình yêu-thương vị-tha, cao-thượng ấy một cách tích-cực, thì phải biết dẹp bỏ tình yêu cá-nhân vị-kỷ, bỏ cái tâm cố-chấp phân-biệt đối-đãi mới có thể sống hòa-đồng với mọi người, với muôn loài và xem họ như chính bản thân ta như Trang Chu vậy. Có thế, tình yêu-thương từ-bi cao-thượng kia mới thực sự được trải rộng, bởi không còn một kỳ-thị nào khiến mọi người cũng như muôn loài chúng-sinh đều có thể nhận được ân-hưởng hạnh-phúc của tình yêu-thương ấy. Tiếng đàn lần này toát ra một khí-vị trong sáng, êm ái và ấm-áp quá chừng. Nó phản ánh tâm-hồn Kiều đã thanh-tĩnh, ổn-định; nội-tâm nàng đang thơ-thới, an-vui:

- *Trong sao, châu nhỏ doành-quyên!*
Ấm sao, hạt ngọc Lam-diền mới đông! (cc.3203-3204)

Khi Kiều vừa đàn xong, Kim-Trọng vội lên tiếng về sự ngạc-nhiên thích-thú của chàng, vì chàng nhận ra ngay tiếng đàn tái-ngộ đã có sự thay đổi rõ-rệt; tuy vẫn bản đàn năm xưa (*phổ ấy*), và vẫn một tay Kiều gảy (*tay nào*) mà nay tiếng đàn nghe mới trong-trẻo, đậm-âm làm sao; nó mang sắc-thái «vui vậy» khác hẳn sắc-thái «sầu-thảm» năm xưa:

Chàng rằng:-Phổ ấy, tay nào? Tẻ vui cũng bởi lòng này
Xưa sao sầu-thảm, nay sao vui-vậy! Hay là khổ tận đến ngày cam lai? (cc.3207-3210)

Nghe những lời Kim Trọng nhận-xét, Kiều hẳn rất hạnh-phúc, vì chàng Kim đã không phụ lòng tin-tưởng trông-đợi của nàng, không những về tài thắm-âm của chàng mà còn vì chàng tỏ ra đã hiểu rõ tâm-ý nàng qua những tiếng đàn kia.

Quả thực, ngoài hạnh-phúc đã thoát khỏi mọi khổ-nạn, được sum-hợp với những người thương, đồng thời cũng đã giải-quyết ổn-thỏa được mọi vướng-mắc trong lòng (Chàng kim đã chấp-thuận lời thỉnh-cầu của Kiều "Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ"); Kiều còn một niềm vui lớn, phát-xuất từ nội-tâm, đó là niềm vui tinh-thức. Nhờ tinh-thức, Kiều biết đem tình thương-yêu vị-tha theo giáo-lý từ-bi của nhà Phật hướng về tất cả, để giải-tỏa những hờn-oán xưa, cùng thoát khỏi những ràng-buộc của thế-tính, những hệ-lụy của nhân-sinh.

Và cũng bởi Kiều biết đem tình thương-yêu hướng về tất cả, nên nàng cũng được hưởng sự sum-vầy với tất cả trong hạnh-phúc yêu-thương. Đây chính là điều nàng muốn tri-kỷ, muốn tâm-tĩnh với chàng Kim đêm nay, và Chàng Kim cũng tỏ ra đã tiếp-nhận đầy-đủ. Kiều thông-thả tháo dây đàn rồi cuốn lại:

Một phen tri-kỷ cùng nhau
Cuốn dây từ đấy, về sau cũng chừa. (cc.3213-3214)

Vì hiểu rằng, thông-diệp nàng gửi cho Kim-Trọng qua Tiếng đàn tái-ngộ, như thế là đã hoàn-tất. Kiều hy-vọng Kim Trọng sẽ tìm được niềm vui, niềm phấn-khởi trong những bước đầu tu-tâm dưỡng-tính, và đôi bạn tương-tri Kim-Kiều sẽ sớm được gần nhau hơn trong đời sống tâm-linh, trở thành đôi thiện-hữu trí-thức, dắt-dìu nhau trên đường tiến tu.

Tóm lại, Tiếng đàn tái-ngộ của Thúy-Kiều chẳng những có giá-trị về nghệ-thuật mà còn mang giá-trị của một bài pháp-thoại, một bài pháp-thoại rất hay. Nó không chỉ hướng-dẫn Kim Trọng mà còn cả chúng ta, những độc-giả của Nguyễn Du, hướng về đạo từ-bi, giúp ta tu-tập bỏ dần tham-sân-si,

thanh-tĩnh-hóa dần thân-khẩu-ý, để biết hành-xử theo tinh-thần yêu-thương bình-đẳng, vong-ngã của con nhà Phật. Nhờ đó, ta vừa độ được cho ta tránh bớt những sâu-não, những hệ-lụy ở đời; vừa có thể ban vui (**từ**), cứu khổ (**bi**) đến cho nhiều người, nhiều chúng-sinh kém may-mắn hơn ta.

Trong đoạn kết tác-phẩm ĐTTT, Nguyễn Du viết:

Thiện-căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. (cc.3251-3252)

là vô-hình-trung tác-giả đã nói rõ ý thêm cho bài Tiếng Đàn Tái-Ngộ của Thúy-Kiều. Đúng thế, chữ tâm ở đây mang nghĩa thiện-tâm. Thiện-tâm hay lòng nhân của đạo Nho, hay Phật-tính, tức tình thương từ-bi-hỷ-xả trong Tứ vô-lượng-tâm của đạo Phật; nói chung là tình thương từ-bi, bác-ái, vị-tha, cao-thượng mà tất cả các tôn-giáo lớn trên thế-giới xưa nay hằng rao giảng, đề-cao, đã có gốc rễ sẵn trong lòng mỗi chúng ta (câu 1).

Vấn hay tài-năng và thiện-tâm đều rất cần cho đời sống nhân-loại, nhưng Nguyễn Du nhất-thiết đề cao thiện-tâm hơn tài-năng (câu 2). Chính vì, tài-năng cần phải có thiện-tâm hướng-dẫn (ý-nghĩ, lời nói, hành-động) mới mong đem lại nhiều điều ích-quốc, lợi-dân; bằng thiếu thiện-tâm, tài-năng sẽ trở thành mối nguy-hại cho chính bản-thân, đồng thời cho cả xã-hội. Bởi dục-vọng, bởi tham sân si, con người lại tự đẩy-đọa mình và đồng-loại trầm-luân trong bể khổ, làm cho trần-gian này trở thành địa-ngục.

Một khi hiểu rõ thiện-tâm, hay tình thương từ-bi, bác-ái vị-tha kia mới là thiết-yếu, là nền-móng căn bản tạo-dựng hạnh-phúc cho đời sống nhân-loại, ta mới quyết-tâm tu-tập, nuôi-dưỡng cho nó càng ngày càng lớn mạnh thêm, để tiến tới khả-năng hóa-giải được lòng tham-lam, đồ-kỵ, sân-hận nơi ta; cao hơn nữa là cảm-hóa được kẻ gian-ác, giúp giảm-thiểu những bạo-lực, bất-công trong xã-hội. Như thế, nó không những làm vơi bớt bao khổ-đau cho muôn loài mà còn đem lại sự bình-an, hạnh-phúc đích-thực đến cho mọi người.

Mới hay mệnh của con người ta sướng hay khổ không phải do sự quyết-định từ một đấng tối-cao nào, cũng không bởi luật "Tài mệnh tương đố" (hay "Hồng-nhan bạc- phận"), mà do ở nơi tâm ta quyết-định. Hoà-bình hạnh-phúc của nhân-loại không thể giải-quyết bằng chiến-tranh. Chỉ có tình thương mới cứu con người thoát khỏi địa-ngục trần-gian.

Hiện nay nhân-loại đang sống trong một thời-đại đầy bạo-động, đạo-đức con người mỗi ngày một xuống dốc, người ngay-thẳng, kẻ hiền-lương bị vùi-dập, thì lời kêu-gọi của ND về thiện-tâm, về lòng từ-bi, bác-ái, vốn là căn-bản đạo sống văn-hóa muôn đời của dân-tộc Việt-Nam "*Thương người như thể thương thân*", phải hiểu là một thông-điệp có ý-nghĩa nhất mà ND muốn truyền-đạt đến tất cả các độc-giả của ông, trước khi cuốn ĐTTT được khép lại.

Phải chăng thế-giới đã nhận chân được giá-trị thi-ca của Nguyễn Du, rõ-rệt nhất là đại-thi-phẩm ĐTTT, đã được dịch ra hơn 30 ngoại-ngữ và năm 1965, đúng 200 năm sau năm sinh Nguyễn Du, Hội-Đồng Hòa-Bình Thế-Giới đã quyết-định đặt ông lên đài cao vinh-dự cùng với các nhà văn-hóa lỗi-lạc của nhân-loại.

GS. Phạm Thị Nhung

Tài-liệu tham- khảo:

Hòa-Thượng Thích Thanh-Từ: Bát-Nhã Tâm-Kinh giảng-giải, Tịnh-xá Minh-Đăng-Quang xb, Westminster, California, Mỹ-Quốc.

Thiền-Sư Thích Nhất-Hạnh: - Đường Xưa Mây Trắng, Lá-Bối xb lần thứ nhất tại San-José, CA, Mỹ-Quốc.

Kiều và Văn-Nghệ Đứt Ruột (Bài nói chuyện của Thiền-Sư Nhất-Hạnh tại San-José, California. Ngày 21-10-1993).

Lê Hữu-Mục, Phạm thị Nhung, Đặng Quốc-Cơ: Truyện Kiều Và Tuổi Trẻ, Làng Văn, Toronto Canada xb. Lần hai 2001.



Sáng nay thức dậy sớm
Nhấp ly cà phê đen
Lòng an nhiên vô hạn
Biết rằng ta vẫn còn

Đường về gần hay xa
Ngày tháng dần trôi qua
Trong mênh mông vô tận
Một mình ta với ta

Sáng nay thức dậy sớm
Đạo bước ra vườn sau
Nhìn giọt sương trên cỏ
Chợt thấy đời qua mau

Chim muông về réo gọi
Râm rít trên cành cây
Đời vui không muốn biết
Đời buồn không muốn hay

Ngày lên ngày tiếp nối
Sân khấu đời miên man
Vai diễn bao giờ hết
Trả ta về thành thang



Cappadocia sự kỳ diệu của đá

Bài và ảnh: Lương Nguyên Hiền

Chúng tôi đáp xuống phi trường Istanbul vào một buổi tối trời đầu tháng chín, thời tiết ở Âu châu chuyển vào thu, lá trên cây bắt đầu đổi màu. Ở Đức đã bắt đầu lạnh, nhưng ở Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn nóng ấm. Ra đón đoàn du lịch là một hướng dẫn viên Thổ Nhĩ Kỳ trạc trên 40 tuổi, anh sẽ đi theo chúng tôi trong suốt tuần lễ đầu tiên. Theo chương trình, chúng tôi sẽ ở Thổ Nhĩ Kỳ hai tuần. Ba ngày đầu ở Istanbul, sau đó bay đi Kayseri rồi theo xe bus đến Cappadocia và sẽ ở đó bốn ngày, tuần cuối là bảy ngày nhàn hạ hít thở gió biển ở Alanya. Alanya nằm phía nam của Thổ Nhĩ Kỳ thuộc Địa Trung Hải quanh năm đầy nắng ấm, mưa thuận, gió hòa, một nơi để dưỡng sức sau những chuyến đi dài.



Nhà thờ Hagia Sophia

Mặc dù nói là ở Istanbul ba ngày, nhưng thực sự ra tôi chỉ hưởng được một ngày đứng nghỉ của nó. Ngày đầu tiên, tôi đến quá khuya, sau khi làm thủ tục giấy tờ để nhận phòng, tôi chỉ còn đủ thì giờ ăn qua loa rồi lên giường ngủ để mai dậy sớm đi thăm thành phố Istanbul, ngày thứ ba cũng vậy, tôi phải dậy từ 6 giờ sáng để khẩn gói bay tới Cappadocia. Đi du lịch kiểu này hơi vất vả, nhiều khi mỗi ngày ở một Hotel khác nhau, nên hành trang lúc nào cũng phải sắp sẵn. Istanbul là thành phố lớn trên 12 triệu dân, không phải là thủ đô nhưng lại là trung tâm kinh tế, tài chính và văn hóa của Thổ Nhĩ Kỳ. Một thành phố duy nhất nối liền hai lục địa Á Âu, nơi gặp gỡ của nền văn minh Đông và Tây. Với lịch sử sống động và đầy biến chuyển, Istanbul công hiến cho du khách rất nhiều kỳ quan để chiêm

ngưỡng. Như nhà thờ Hagia Sophia được xây vào thời Đông La Mã, thế kỷ 6, rất nguy nga và tráng lệ. Nguyên trước đây, Hagia Sophia là một nhà thờ Thiên Chúa giáo sau đó bị đổi ra nhà thờ Hồi giáo và hiện tại là bảo tàng viện. Người ta sẽ ngạc nhiên vô cùng trước sự hòa hợp của hai tôn giáo được thể hiện qua kiến trúc, trang trí trong nhà thờ này. Đây là điều có một không hai trên thế giới. Tôi còn được hướng dẫn đi thăm ngôi đền Sultan Ahmed hay là đền xanh (the Blue Mosque) nổi tiếng với 20.000 viên gạch màu xanh được lát chung quanh tường. Rồi đến thăm đền Süleymaniye tráng lệ được xây dựng vào thế kỷ 16 do một kiến trúc sư danh tiếng tên là Koca Mimar Sinan. Ông được coi là "Michelangelo của thời đại Ottoman" và đã để lại rất nhiều công trình đồ sộ cho hậu thế, đặc biệt về đền thờ.

Sau đó đi tới hoàng cung Topkapi, nơi các vua Sultan ngự trị và cũng là trung tâm quyền lực của đế chế Hồi giáo Ottoman một thời oanh liệt. Tôi còn được thăm khu Harem trong hoàng cung, một loại tam cung lục viện của Thổ Nhĩ Kỳ, nơi ăn chốn ở của các cung tần mỹ nữ của các vua chúa. Chiều đến, tôi ngồi hưởng gió mát trên một du thuyền chạy dọc theo eo biển Bosphorus, ngắm cây cầu cũng mang tên Bosphorus, nối liền châu Âu và châu Á. Một ngày ở Istanbul chỉ đủ để cỡi ngựa xem hoa, thật là quá ngắn ngủi cho một thành phố đầy những di tích lịch sử. Tôi phải hứa với mình sẽ trở lại đây một lần nữa nếu có dịp thuận tiện.

Sáng sớm hôm sau, tôi rời Istanbul với nhiều tiếc nuối để bay đến thành phố Kayseri cách Istanbul khoảng hơn một giờ rưỡi bay, nằm trên cao nguyên Cappadocia. Từ phi trường tôi được chở bằng xe bus thẳng tới Hotel Kral ở thành phố Ürgüp, cách Kayseri khoảng chừng 60 km. Tôi sẽ ở lại đây trong suốt thời gian tham quan Cappadocia. Đây là một khách sạn nhỏ chứa độ chừng 30 đến 40 khách, được xây bằng đá hạt mịn tạo thành từ tro núi lửa (Tuff stone). Điểm đặc biệt của những ngôi nhà xây bằng thứ đá núi lửa này là mùa đông thì ấm áp và mùa hè thì mát rượi. Mặc dù khách sạn không có máy điều hòa



Tảng đá hình lạc đà

không khí và ngoài trời nóng trên 35 độ Celcius, nhưng tôi vẫn cảm thấy thật dễ chịu không bị cái cảm giác bịt bùng, ớn lạnh như trong những căn phòng có máy điều hòa không khí. Chủ nhân khách sạn là một người đàn ông cao niên, lịch sự và hiếu khách. Một buổi tối tôi được ngồi hầu chuyện ông. Ông mời tôi uống trà “Çay”, một thứ trà đen đặc sệt như trà cấm tằm của Việt Nam, thường được uống với đường ngọt lịm. Ai uống không quen sẽ dễ bị mất ngủ vì độ đậm đặc của nó. Ông kể tôi nghe giấc mơ thời son trẻ là xây được một khách sạn truyền thống bằng đá lấy từ tro núi lửa. Trải qua bao nhiêu năm tháng thăng trầm, giấc mơ của ông được toại nguyện. Bây giờ mỗi tối ông ngồi uống trà ở sân trước để chiêm ngưỡng công trình của mình.

Ngủ một đêm, sáng sớm hôm sau tôi lên đường làm cuộc hành trình khám phá Cappadocia, một di sản của thế giới được UNESCO công nhận từ năm 1985. Cappadocia là một cao nguyên lớn nằm ở giữa trung tâm Anatolia, còn gọi là Tiểu Á, tập hợp của những đô thị nhỏ như *Nevsehir*, *Nigde*, *Aksaray*, *Kirsehir* und *Kayseri*. Người địa phương gọi Cappadocia là Katpatuka, nghĩa là “vùng đất của những con ngựa đẹp”, bởi vì vùng đất này xưa kia nổi tiếng có loài ngựa rất đẹp, dai sức và đắt giá. Người ta kể lại là các ông hoàng Sultan đã có một thời bắt người dân phải nộp những con ngựa quý thay vì đóng thuế.

Cappadocia đã có một nền văn minh cổ đại rất sớm. 6.000 năm trước công nguyên (CN) đã có sự hiện diện của loài người ở đây. Từ năm 1800-1200 trước CN, xuất hiện đế chế Hittite rất hùng mạnh, có một nền văn minh rực sáng.

Mặc dù thời đó là thời kỳ đồ đồng, nhưng các nhà khảo cổ đã phát hiện những khí giới làm bằng sắt. Vì nằm trên một vị trí có tính cách chiến lược quan trọng trên con đường tơ lụa, nên

sau khi đế chế Hittite bị sụp đổ, Cappadocia đã lần lượt bị các đế chế khác xâm chiếm và ngự trị như: Ba Tư, Hy Lạp với Alexander Đại đế, La Mã, Byzantine, cuối cùng là Ottoman. Tất cả các đế chế đều để lại đây những dấu vết của mình.

Thung lũng nấm:



Những cây nấm khổng lồ

Ngày đầu tiên tôi được chở đi thăm thung lũng nấm (Mushroom valleys), nơi thiên nhiên độc đáo với những cấu trúc của đá mang hình cây nấm khổng lồ. Ở đây có hàng vạn cây nấm đá như vậy. Từ lâu tôi đã được nghe kể về Cappadocia, nhưng “trăm nghe không bằng một thấy”, phải tới đây một lần để nhận hết được vẻ đẹp thiên nhiên của nó.

Thung lũng nấm nằm chung quanh các thị trấn *Göreme*, *Uchisar*, *Ürgüp* và *Nevsehir*. Hàng chục triệu năm về trước một trận núi lửa khủng khiếp đã phun lên với một số lượng khổng lồ nham thạch phủ kín một vùng có diện tích khoảng 10.000km². Lớp nham thạch bên trên gặp không khí lạnh đông cứng lại, lớp bên dưới do không tiếp xúc với không khí nên từ từ nguội dần và tạo thành một lớp đá mềm. Thời gian trôi qua với nắng, mưa, gió, tuyết đã “đào gọt” những lớp đá cứng trên cùng thành hình nón và lớp đá mềm ở dưới thành hình thân cây, trông xa tựa như những cây nấm khổng lồ cao đến 30-40m. Tùy theo độ khoáng chất ở trong đá, cây nấm đá có nhiều màu sắc khác nhau. Nhà ở, nhà

thờ và tu viện đều được đục sâu trong những tảng đá mềm to lớn này.



Những cây nấm khổng lồ

Du khách có cảm tưởng như mình đang đi ngược lại thời gian, lạc vào thế giới thần thoại xa xưa chung quanh đây những cây nấm kỳ dị cao ngất và những căn nhà trong truyện cổ tích nằm sâu trong núi đá. Cũng không nên lấy làm lạ khi người địa phương đặt tên cho những cây nấm đá này là “peri bacaları” có nghĩa “ống khói tiên” (fairy chimney).

Chiều đến, đứng trên đồi cao nhìn xuống thung lũng, những “ống khói tiên” bắt đầu chuyển màu, tia nắng cuối ngày đang trải dài trên đá. Tôi cảm thấy lòng mình như bị chấn động trước cái không gian bao la và tĩnh lặng nhưng không phải không gian chết bởi vì màu sắc ở đây quá rực rỡ, quá sống động. Chưa bao giờ tôi được có cảm giác lạ lùng như thế.

Bảo tàng ngoài trời Göreme:

Hôm sau, tôi đi thăm Bảo tàng ngoài trời Göreme (Göreme Open Air Museum). Đây là một bảo tàng lộ thiên, cách thị xã Göreme khoảng chừng 1,5 km, tập hợp rất nhiều tu viện và nhà thờ khoét sâu trong hang đá. Hiện nay còn lại đến 30 nhà thờ. Trên tường, trên trần nhà, chung quanh các cột đá được chạm khắc thật tỉ mỉ, nghệ thuật và sống động. Một số lớn những bức bích họa tuyệt vời này đã được khắc vào thế kỷ 9-11. Cho thấy nghệ thuật vẽ hội họa ở Cappadocia đã phát triển rực rỡ cách đây 1.000



Bảo tàng ngoài trời Göreme

năm. Ở thế kỷ thứ 2 đến 3 sau CN, cộng đồng Thiên chúa giáo bắt đầu phát triển, nhưng bị đế chế La Mã đàn áp thẳng tay. Để trốn tránh sự truy lùng của quân La Mã, người theo đạo Thiên chúa đã phải đào hầm dưới đất để ở. Theo thời gian, người tới càng ngày càng đông, hệ thống đường hầm trở nên hoàn chỉnh hơn, có những đường hầm nối từ nhà này đến nhà khác, có chỗ để chứa lương thực, nước uống, hầm rượu và nhà thờ, như một đô thị lớn nằm sâu dưới đất. Thế kỷ thứ 7, khi Hồi giáo trên đà phát triển mạnh mẽ, Cappadocia bị các quốc gia Ả Rập tấn công. Hệ thống hầm an toàn vì đó lại càng được làm rộng hơn, nhiều nơi có thể chứa cả chục ngàn người.



Khu nhà đồ nát ở trong đá

Sau khi đế chế La Mã sụp đổ, là đến thời kỳ đế chế Byzantine còn gọi là đế chế Đông La Mã hay đế chế Hy Lạp. Do đế chế Byzantine thừa hưởng trực tiếp nền văn minh Hy Lạp, nên hầu hết người dân ở đây thời đó đều theo đạo Thiên Chúa giáo chính thống (Orthodoxe). Từ thế kỷ 11 đến 13, thời kỳ cực thịnh của Thiên Chúa Giáo, các tu viện mọc lên rất nhiều và thành phần tu sĩ rất đông. Nhờ một thời gian được thanh bình, người ta bỏ hầm trú ẩn để lên mặt đất

đục hang núi làm nhà ở, tu viện, nhà thờ. Đây là lúc khu Bảo tàng ngoài trời Göreme được thành hình.

Rồi theo quy luật đào thải, đế chế Byzantine sụp đổ, nhường sự thống trị cho Ottoman, một đế chế theo Hồi giáo. Cộng đồng Thiên Chúa Giáo dần dần bị đẩy xuống thành thiểu số. Cho đến sau thế chiến thứ nhất, vì có sự tranh chấp giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, người dân theo đạo Thiên chúa bị đuổi về Hy Lạp, chấm dứt mấy ngàn năm lịch sử của đạo Thiên chúa ở Cappadocia.

Trở về khách sạn khi trời bắt đầu tắt nắng. Sau khi ăn tối xong, bên ngọn đèn dầu leo lét, chúng tôi ngồi quanh anh hướng dẫn viên du lịch. Anh vừa hát nhạc vừa đánh đàn “Saz” cho chúng tôi nghe. Trong không khí tĩnh mịch của ban đêm, mặc dù tôi không hiểu lời ca, nhưng qua những âm thanh vang lên, tôi cảm nhận được sự náo nùng ai oán, như than thân như trách phận của một dân tộc đã có lịch sử huy hoàng rực rỡ mà ngày nay nơi đây chỉ còn lại hoang tàn đổ nát. Lòng tôi chợt chùng xuống:

*Dấu bình lửa nước non như cũ,
kẻ hành nhân qua đó chạnh thương*
(Chinh Phụ Ngâm Khúc)

Những thành phố ngầm dưới lòng đất:

Ngày thứ ba tôi được chở tới thăm thành phố ngầm dưới lòng đất ở Özkönak thuộc thị xã Nevşehir. Ở Cappadocia hiện nay còn khoảng trên 40 thành phố ngầm và nằm rải rác khắp nơi. Kaymakli, Derinkuyu là hai địa danh mà du khách thường hay lui tới nhất. Chuyện khám phá ra thành phố ngầm ở Özkönak cũng rất ngẫu nhiên kỳ thú như phần đông tất cả các thành phố ngầm khác. Một ngày trời đẹp vào năm 1972, một cậu bé chăn cừu trong lúc đi kiếm nhưng con cừu của đi lạc của mình đã tìm thấy đường vào hầm. Tôi may mắn được gặp cậu bé của 40 năm về trước, bây giờ là ông chủ quán với mấy đứa con trai trưởng thành đang giúp ông bán hàng cho du khách.

Những thành phố ngầm mới đầu được xây dựng rất thô sơ vào những thế kỷ 2 - 3 để trốn lính La



Đường vào thành phố ngầm ở Özkönak

Mã, sau đó vào thế kỷ thứ 7 được hoàn thiện hơn để tránh sự tấn công của người Ả Rập. Đây cũng là thời kỳ mà đời sống ở dưới lòng đất được tổ chức có tính cách rất quy mô và khoa học, như ở Derinkuyu. Thành phố này được phát hiện năm 1963, có một diện tích khoảng 2.500 cây số vuông, 8 tầng hầm, sâu 55 m dưới mặt đất và có thể chứa đến 50.000 người. Nơi đây được xây dựng để có thể sống lâu dài dưới lòng đất, như chuồng nuôi thú vật phần đông ở từng thứ nhất, nhà thờ ở từng thứ hai, kho lương thực, nhà bếp ở từng thứ ba và thứ tư. Trong nhà ở của người dân, những đồ dùng thường ngày như bàn, ghế, giường thường được làm bằng đá. Trong những nhà thờ ngầm cũng được trang trí bằng những bức tranh điêu khắc có tính cách tôn giáo rất đẹp.

Hệ thống ống thông hơi, ống thông khói, hành lang nối từ hầm này qua hầm khác chằng chịt như một mạng nhện. Riêng về hệ thống phòng thủ rất hữu hiệu, như cửa bằng đá chỉ mở được từ bên trong, ống thông hơi được ngụy trang rất khéo léo, hầm thoát hiểm cũng được tính toán cẩn thận, nếu không thì họ sẽ không thể tồn tại được trước quân thù. Đừng quên rằng họ đã phải sống một thời gian ở đây rất lâu, trên mấy trăm năm.

Buổi trưa chúng tôi được dẫn đi bộ ngắm cảnh ở gần vùng Göreme. Đi theo những con đường mòn quanh co dưới tàn cây Olive, vượt qua cánh đồng khô, bò lên ngọn đồi trọc, men qua một vài tảng đá chắn ngang. Một buổi “hiking” kéo dài khoảng 4 tiếng đồng hồ để được “sờ tận tay, day tận mắt” thiên nhiên ở đây. Tối về ai cũng rã rời chân tay nhưng thật vui

Giã biệt Cappadocia:

Rồi ba ngày trôi qua rất nhanh, hôm nay chúng tôi phải rời Cappadocia lên đường hướng tới bờ biển vùng Alanya. Quay lại lần cuối nhìn Cappadocia, nỗi xúc động chợt dâng trào, chưa bao giờ tôi lại có cái ấn tượng như vậy. Có lẽ cái bao la vô tận của không gian, màu sắc sống động rực rỡ của trời đất và cái tĩnh lặng đến nao lòng của Cappadocia làm cho tâm thức được mở rộng để đón nhận những cái đẹp của thiên nhiên. Và rồi con người lúc đó chợt thấy mình bé nhỏ và chỉ còn lại:

Một mảnh tình riêng, ta với ta

(Bài thơ “Qua đèo Ngang”, Bà Huyện Thanh Quan)

Mùa đông 2012



*Trăng nhẹ quá rơi vàng trên mái tóc
Trăng rụt rè nghe lóm chuyện tình yêu
Của những chàng trai cô gái mộng nhiều
Đêm thanh quá chuyện tình trong xanh quá*

*Trăng chẳng dám tỏ hồng trên đôi má
Trăng dẫu dùm nổi e thẹn không đâu
Bởi những chàng trai cô gái lần đầu
Chuyện người ấy nhỏ to cùng kẻ lạ*

*Này cô gái hát chi lời vĩnh biệt
Cho trăng buồn bỗng chốc ánh trăng chao
Đôi mắt cô trăng không dám lọt vào
E có kẻ đêm nay về thao thức*

TT

Tạ Ôn

Tạ ơn lần nữa vào đời
Ôn dòng sinh diệt, ơn nôi Ta bà
Ôn Cha Mẹ, ơn Ông Bà
Ân tình suối ngọt ấm ra từ nguồn.
Quá giang bóng sắc làn hương
Gá thân tứ đại đắm buồn lang thang
Sáu căn sáu thức mơ màng
Trăm năm một thoáng bàng hoàng tử sinh.
Níu nhau chút nghĩa chút tình
Niềm vui, nỗi khổ vô minh bủa về
Ý căn, Ý thức u mê
Ba tâm gói lại nãi nề một thân
Lên non ngắm cuộc phù vân
Xuống non phiêu lãng mấy tầng lao xao
Hỏi thăm mười ngón chiêm bao
Ngón mê ngón tỉnh ngón nào dấu trắng?
Sóng cồn tâm thức băng khuâng
Bụi tung trước mắt dầu tẩm mịt mù
Tạ ơn Bồ Tát Văn Thù
Đài cao đạp núi thiên thu đáp lời
Ưu đàm giữa hội trùng khơi
Ánh gương trí tuệ phủ lời đại bi

Tạ ơn chiếc bát tề mi
Pháp y ba tấm sá gì sắc không
Bỏ sau lưng cuộc xoay vần
Tạ ơn ý ngọc giữa lòng hoa sen
Ôn huynh đệ, ơn chị em
Lênh đênh một chuyến dò duyên mấy lần
Ân Sư tạ nghĩa vô cùng
Niệm Biết trước mặt Lời Không trao truyền.
Thâm sâu tạ mối nhân duyên
Đến để mà thấy nghĩa huyền vô sanh.
Rỗng rang nhập cuộc hành trình
Thênh thang sóng dội Tâm kinh một hàng
Tạ ơn mấy tấm bồ đoàn
Tiếng sấm đóng lại hân hoan lửa mồi.
Tạ ơn sáu cõi ba đời
Ôn bài Huyền hoá, ơn lời Vô ngôn.
Vô ưu bát ngát cõi lòng
Một mai xin mượn dầu Không tìm về...



Phổ Như
Rằm tháng 10 năm 2012

Phân Tích Độ Biến Thiên Tình Cảm Trong Truyện Kiều.

Tác phẩm Vui Đời Toán Học
Lược trích dành riêng cho Đặc San Trăm Năm Áo Tím – Gia Long.
Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh.

Ý nghĩ dùng toán để phân tích tình cảm trong Truyện Kiều đã nảy ra trong tâm thức tôi cách đây mấy chục năm khi còn trong quân đội. Hàng tuần tôi được phép Bộ Quốc Phòng dạy ít giờ toán ở Trung học Chu Văn An. Mục đích của tôi khi nói chuyện văn chương trong lớp là cho giờ toán đỡ khô khan và cũng để nhắc nhở học sinh biết tôn trọng những thi phẩm tuyệt tác của tiền nhân. Tôi cũng dùng cách đó để mở đầu câu chuyện nói với các thanh niên học sinh các trường trung học muốn gia nhập Không Quân Việt Nam, lúc đó dưới quyền chỉ huy của tôi. Nhờ vậy mà giờ toán của tôi được học sinh chăm chú theo dõi và một số các trường trung học tư thục mời tôi đứng tên vào ban giảng huấn. Bộ Quốc Gia Giáo Dục cũng ấn hành mấy cuốn sách toán tôi viết. Một trong những cuốn được các giáo sư trung học dùng để giảng dạy là cuốn *Cơ Học* lớp Đệ Nhất ban Toán.

Bài luận thuyết *“Những hàm số tình cảm trong Truyện Kiều”* cho đến bây giờ tôi mới thực sự viết ra trên giấy, sau khi đã đọc những sách về tâm lý học và biết rằng người ta đã có những phương sách để đo sự rung cảm của con người. Ngoài một vài trích đoạn dưới đây, tôi đã diễn tả thêm với tính cách văn học hơn trong một bài với tựa đề là *“Nguyễn Du với Dòng Thời Gian”*. Trong một ấn trình của bài này cho một số báo Xuân, nhà thơ họa Vũ Hối với nét bút tuyệt vời, đã thư họa gần một trăm câu thơ lục bát Kiều tôi trích dẫn trong bài. Tạm lấy một phân tích sau đây làm ví dụ.

Kim Trọng sau khi gặp nàng Kiều về nhà tương tư đã được Nguyễn Du tả như sau:

*Chàng Kim từ lại thư song,
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.
Sầu đông càng khắc càng đầy,
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.
Mây Tần toả kín song the,
Bụi hồng lèo đẽo, đi về chiêm bao.
Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao
Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng”.*



Nếu gọi Δt là số gia của thời gian và Δx là số gia của tình cảm, hàm số của thời gian, thì ta thấy ở hai câu cuối khi nói đến tuần trăng tròn rồi khuyết, đĩa dầu đầy rồi vơi là thi hào Nguyễn Du đã tả là thời gian đang trôi đi, tức là Δt có trị số dương và khi nói đến nhớ mong, mơ ước là biểu thị rằng Δx cũng có trị số dương, và có một độ lớn. Hai câu này đã dùng lượng để tả mỗi tình đang tăng lên điệu vơi, Kim Trọng đang tương tư nàng Kiều như ở đoạn sau đã có những câu nói thêm:

*“Mành Tương phát phát gió đàn,
Hương gậy mùi nhớ, trà khan giọng tình”.*

Để nói về những mối tình đã tăng, hay giảm theo thời gian và qua những mức độ cực đại hay cực tiểu, ta có thể lấy mỗi tình của Thúc Sinh đối với nàng Kiều là người vợ thứ, và đối với Hoạn Thư là người vợ chính. Sau khi Thúc Sinh lấy Kiều làm vợ thứ, ăn ở được gần một năm, Kiều khuyên Thúc Sinh về thăm nhà để dò ý người vợ chính:

*“Phận bỏ từ vẹn chữ tòng,
Đổi thay nhận, yến đã hồng đầy niên.
Tin nhà, ngày một vắn tin,
Mặn tình cát lũy, nhạt tình tao khang.”*

Khi nói chim nhận đến mùa thu, và chim én tới mùa xuân, Nguyễn Du đã tả thời gian trôi qua, mà thực sự nói rằng đã gần trọn một năm trời. Như thế số gia của thời gian Δt đã có trị số dương. Trong khi đó số gia của tình cảm, gọi là Δx , của Thúc Sinh đối với nàng Kiều thì lại mặng mà, vì tình cát lữ là tình với loài dây leo, thân phận nhờ vả, ý nói người vợ thứ; còn tình với người vợ chính là tình tao khang, là bổng và cảm, ý nói người chính thê, lấy nhau từ thuở hàn vi, thì lại nhạt dần. Vì vậy Δx của Thúc Sinh đối với Kiều có trị số dương, tình cảm tăng theo với thời gian và Δx của Thúc Sinh đối với Hoạn Thư có trị số âm, tình cảm đối với người vợ chính đã giảm đi theo với thời gian.



Sau đó khi mẹ Hoạn Thư là Lại Bộ Thượng Thư phu nhân cho gia nhân đi bắt cóc Kiều nương, đốt nhà sau khi bỏ vào thầy người vô chủ, nên khi về tới, Thúc Sinh tưởng Kiều đã bị tai nạn hoả thiêu. Chàng than khóc và thương nhớ Kiều bội phần:

**“Lâm Truy từ thuở uyên bay,
Buồng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.
Mây ai trắng mới in ngần,
Phấn thừa, hương cũ, bội phần xót xa.”**

Mấy câu này chứng tỏ rằng, qua với thời gian đang trôi đi, tình thương nhớ cũng tăng lên vòn vọt. Nhưng mối tình này của Thúc Sinh đối với Kiều, rồi sẽ giảm đi, sau khi qua một cực đại, cũng như tình của chàng đối với Hoạn Thư tuy đang lạnh nhạt, nhưng khi đã xuống đến mức độ thấp nhất rồi cũng sẽ lại tăng lên. Muốn chứng

tỏ điều này ta đọc mấy câu viết tiếp của thi hào Nguyễn Du:

**“Sen tàn, cúc lại nở hoa,
Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân.
Tìm đâu cho thấy cố nhân?
Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương.
Trạnh niềm nhớ cảnh gia hương,
Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.”**

Hai câu đầu tả cảnh ngày tháng dần dần qua đi, hết mùa hạ sen tàn lại tới mùa thu cúc nở khoe ánh vàng chói lọi. Rồi ngày ngắn đi trong những tháng đông, tiếp theo là mùa xuân trở lại. Đọc hai câu tiếp theo, ta thấy tình thương nhớ người xưa đang bớt dần dần. Độ dốc của tình yêu, $\Delta x / \Delta t$ có trị số âm. Vì chuyển từ dương sang âm phải qua trị số không và tình của Thúc Sinh với Kiều đã qua trị số cực đại. Ngoài ra, hai câu cuối cho thấy Thúc Sinh đã nhớ quê, tìm đường về thăm chính thê, mối tình của chàng với Hoạn Thư đã ấm lại. Một khi độ dốc của tình cảm đã chuyển từ âm sang dương, tình cảm tất nhiên đã qua mức độ thấp nhất trước đó rồi.

Tôi muốn kết luận bài này với một điều thắc mắc trong thơ Kiều. Như ở trên tôi đã viết về mối tình tương tư của Kim Trọng với Thúy Kiều:

**“Sầu đông càng khắc càng đầy,
Ba thu dồn lại một ngày, dài ghê”**

Câu ở trên có bản chép là “càng lắc càng đầy”, ý nói sầu như hạt ngũ cốc đọng bằng đầu, càng lắc thay vì rơi xuống lại càng tăng lên. Dù dùng chữ “lắc” hay chữ “khắc”, câu thứ nhất ám chỉ thời gian trôi đi, nghĩa là Δt có trị số dương và mối tình tăng lên, tức là Δx cũng có trị số dương. Như thế, tỷ số $\Delta x / \Delta t$ có trị số dương và cho ta biết độ tăng theo với thời gian của mối tình. Câu thứ hai đều được các giáo sư Việt văn dẫn giải là dịch chữ trong Kinh Thi: **“Nhất nhật bất kiến, như tam thu hề”** là “một ngày không được nhìn thấy nhau thì tưởng như dài bằng ba năm”. Ông Vân Hạc Lê Văn Hòe, trong cuốn Truyện Kiều Chú Giải cũng đã nhận ra rằng câu của Nguyễn Du là câu dịch ngược lại vì thi hào đã viết là ba năm nay thu lại thành một ngày nghĩa là làm ngắn đi vào khoảng một ngàn lần. Ông Vân Hạc cho rằng vì thế mà câu dịch lại hay hơn nguyên tác

Thử đặt câu hỏi là làm sao làm ngắn thời gian mà cụ Nguyễn Du, một người văn võ song toàn, hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ, rất sáng suốt về khoa học, khi diễn tả tâm tình biến đổi theo thời gian ở những câu thơ khác, lại tự viết mâu thuẫn ở đây; làm ngắn mà lại thành dài ra. Suy luận thì ta có thể hiểu câu đó là thời gian đã thu gọn lại làm cho mỗi tình tăng lên vòn vọt. Nếu giữ nguyên giá số của tình mong nhớ Δx mà cho giá số của thời gian Δt thay vì 3 năm, nay là một ngày, thì mức độ tăng của tỷ số $\Delta x/\Delta t$ sẽ lớn lên một ngàn lần, làm chi mà chàng Kim chẳng lần la tìm mọi cách để gặp lại Vương Thúy Kiều. Thi hào Nguyễn Du, trong bài thơ “Độc Tiểu Thanh Ký” đã viết hai câu kết

*“Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?”*

dịch là:

*“Ba trăm năm lẻ nào hay biết,
Thiên hạ ai người khóc Tố Như?”*

Hai câu thơ của tác giả ngụ ý là không biết sau này có còn ai hiểu mình không. Cụ Nguyễn Du mất năm Minh Mệnh nguyên niên (1820), tới nay chưa tròn hai trăm năm. Giờ nếu con em chúng ta đọc không thông văn quốc ngữ thì câu viết của tác giả truyện Kiều sẽ thành câu tiên tri về đời sau.

Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh

Thơ đố vui:

CÁC LOẠI HOA

- | | |
|--|---------------------------------------|
| 1 Hoa gì báo hiệu mùa Xuân? | 17 Hoa gì chỉ nở về đêm? |
| 2 Hoa gì mọc ở trong rừng anh ơi? | 18 Hoa gì anh hái cho em gọi đầu? |
| 3 Hoa gì biết nói biết cười? | 19 Hoa gì ăn ghém với rau? |
| 4 Hoa gì trông giống mặt người xinh sao? | 20 Hoa gì mới nở mà sao vội tàn? |
| 5 Hoa gì mọc ở trên cao? | 21 Hoa gì ngủ dưới chân nàng? |
| 6 Hoa gì mọc ở bờ ao nhà nàng? | 22 Hoa gì trôi nổi nhẹ nhàng êm ru? |
| 7 Hoa gì mọc ở bên đàng? | 23 Hoa gì chỉ nở mùa Thu? |
| 8 Hoa gì anh để tặng nàng làm duyên? | 24 Hoa gì đưa lối dẫn đường cho anh? |
| 9 Hoa gì anh phải trả tiền? | 25 Hoa gì làm thuốc cứu người? |
| 10 Hoa gì anh biết của riêng học trò? | 26 Hoa gì quý nhất trên đời người ta? |
| 11 Hoa gì dùng để ướp trà? | |
| 12 Hoa gì trẻ mãi không già anh ơi? | |
| 13 Hoa gì trông giống hoa hồng? | |
| 14 Hoa gì như gấm như nhung mượt mà? | |
| 15 Hoa gì Chúa của muôn hoa? | |
| 16 Hoa gì màu tím đậm đà xinh thêm? | |

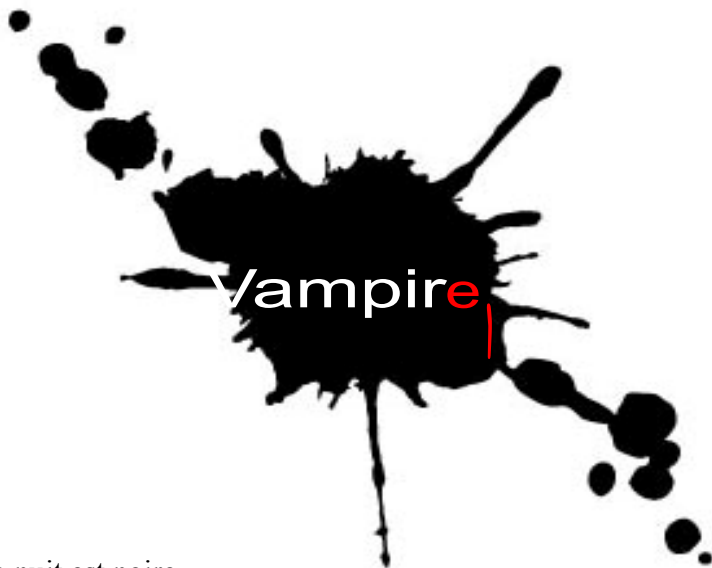
Sài Gòn, Xuân Nhâm Thìn 2012

Như Uyên

(GS Lê Thị Hồng Mận)

Giải đáp:

1. Hoa mai, đào, mơ mận 2/Hoa lan, hoa đại 3/Hoa khô, hoa hậu 4/Hoa soan 5/Hoa cau, hoa dừa 6/Hoa súng 7/Hoa đại 8/Hoa tai 9/Hoa mua 10/Hoa phượng 11/Hoa sen, hoa sồi 12/Hoa nylon, hoa giả 13/Hoa tường vi 14/Hoa cẩm nhung 15/Hoa mẫu đơn 16/Hoa thạch thảo 17/Hoa quỳnh 18/Hoa bưởi, hoa chanh 19/Hoa súng, hoa so đũa 20/Hoa phù dung 21/Hoa trinh nữ 22/Hoa lục bình 23/Hoa cúc 24/Hoa tiêu 25/Hoa hoè 26/ Hoa đồng tiền

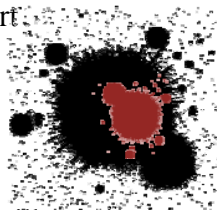


La nuit est noire
Et tout est noir dans le noir la neige noire
Ne bouge pas



Ma nuit est blanche
Dans l'obscurité quand crie le silence
Je ne dors pas

Je ne dors jamais
La nuit mes yeux brillent si fort
Jamais je ne dors
Ils m'empêchent de dormir



La nuit est noire
Comme mon cœur et mes entrailles noires
Regorgés de Son sang si précieux

La nuit est d'un seul bloc
Comme un mur d'obsidienne
Sali de quelques poussières d'étoiles

Et je la fends
Feulant exultant ronronnant
Mon corps si dur si résistant
Tout revigoré de Son sang
La traverse comme un éclair
Et l'air
Derrière
Moi

Siffle
Soudain
Mon conducteur
Appuie sur l'accélérateur
Et je fonce
Mon moteur
Mes 80 CV
A 120 à l'heure

La nuit est noire
Comme le sang que je suce
Qu'on appelle aussi l'Or Noir
Le sang de la Terre sucé Par
des foreuses de fer
Son sang noir et pour
l'extraire Et le boire et le
recraché Tant de terres tant
de mers Tant de poissons
De mammifères
Ont
Eté
Tués

La Terre meurt la Terre crie
Seule au beau milieu de la nuit
Et mon conducteur me nourrit

Et le vampire
C'est qui
Moi
Ou lui ?

Nguyễn Trang Anh - 2011





Quỉ hút máu

Đêm tối đen
Và tất cả đều đen
Trong đêm đen
Tuyết đen không động đậy.

Tôi thức trắng đêm
Trong bóng tối đen
Hoàn toàn lặng êm
Khi tôi thao thức

Không bao giờ tôi ngủ
Trong đêm tối mắt tôi sáng oắc.
Tôi không ngủ bao giờ :
Họ không cho tôi ngủ.

Đêm tối đen
Tim lòng tôi cũng đen
Đầy áp máu
Rất quỉ báu.

Đêm tối đen
Thành một khối đen
Như bức tường đá đen
Điểm một vài bụi sao.

Và tôi đánh tan khối đen
Kêu gào phẫn khởi bằng lòng
Chân cứng-cáp đây nhựa sống
Như tia chớp xuyên màn đêm.

Thình lình
Người lái tôi tăng tốc độ
Và máy tám mươi ngựa của tôi
Phóng tới trăm hai mươi cây số giờ.

Đêm tối đen
Như máu đen tôi hút
Người đời cũng gọi Vàng Đen
Thứ Vàng Đen do máy sắt hút

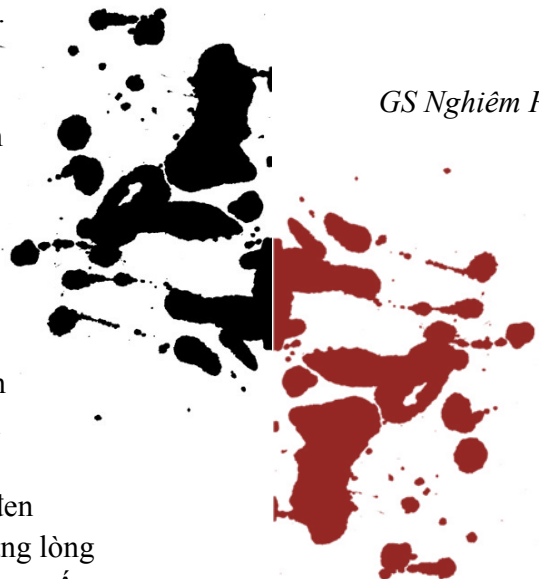
Muốn hút được thứ Vàng Đen ấy
Biết bao nhiêu biển rộng sông dài
Biết bao nhiêu của cải đất đai
Một mai tàn phá.

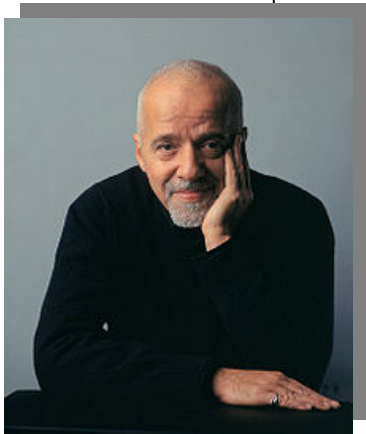
Muốn hút được thứ Vàng Đen ấy
Biết bao nhiêu chim cá phơi thây
Biết bao nhiêu bông trái cỏ cây
Từ đây tiêu diệt.

Đất chết đất hết lên
Cô đơn trong đêm đen
Và người lái tôi
Nuôi dưỡng tôi

Quỉ hút máu là người lái tôi
Hay là tôi ?

GS Nghiêm Phú Phi phỏng dịch





PAULO COELHO (1947-)

Ảnh và tư liệu: từ Wikipedia

Paulo Coelho, tiểu thuyết gia nổi tiếng người Brazil, sinh tại thành phố Rio de Janeiro. Từ thuở thiếu thời, Paul Coelho đã muốn trở thành nhà văn. Nhưng theo ước muốn của cha mẹ, ông ghi danh vào trường Luật rồi bỏ trường Luật một năm sau đó. Ông từng sống như một hippie với nỗi ám ảnh về những vấn đề tâm linh. Ông đi du lịch nhiều nơi trên thế giới và tìm hiểu về những tôn giáo phương Đông... Sau đó trở về Brazil ông sáng tác ca khúc cùng với những nhạc sĩ tên tuổi của Brazil như Elis Regina, Rita Lee và Paul Seixas. Ông còn là một đạo diễn, một diễn viên, một nhà báo trước khi dần thân trọn vẹn vào con đường văn chương.

Tác phẩm thành công vang dội của ông là *The Alchemist* (Nhà Giả Kim) được dịch ra 71 thứ tiếng, trong đó có tiếng Việt, và bán ra hơn 65 triệu bản, trở thành cuốn sách bán chạy nhất trong lịch sử; điều đó chứng tỏ ảnh hưởng sâu rộng của ông trên toàn cầu.

Ông đã nhận được nhiều giải thưởng danh giá toàn cầu như giải Crystal Award của Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới, giải Chevalier de l'Ordre National de la Légion d'Honneur của Pháp, giải Bambi 2001 Award của Đức và nhiều giải thưởng khác.

*

*

*

ĐÁM MÂY VÀ CÒN CÁT

PAULO COELHO

Người dịch: *Giáo Sư Cao Thu Cúc*

“Như mọi người đều biết, đời sống của một đám mây rất bận rộn và rất ngắn ngủi.” nhà văn Bruno Ferero đã viết như vậy, và đây là một câu chuyện liên quan đến câu nói đó:

Một đám mây trẻ được sinh ra giữa một cơn bão lớn trên biển Địa Trung Hải, nhưng cậu ta thậm chí không có đủ thì giờ để lớn lên tại đó vì một cơn gió mạnh đã thổi tất cả những đám mây trôi dạt về phía Châu Phi.

Ngay khi những đám mây đó trôi đến lục địa thì thời tiết thay đổi: mặt trời rực rỡ chiếu sáng trên bầu trời, những bãi cát vàng của sa mạc Sahara đang nằm phơi mình bên dưới. Bởi vì ở sa mạc trời hầu như không bao giờ mưa, cơn gió tiếp

tục đẩy những đám mây về phía những khu rừng ở miền nam.

Trong lúc đó, như thường xảy ra với những người trẻ tuổi nữa, đám mây trẻ quyết định rời bỏ cha mẹ và những người bạn lớn tuổi để đi khám phá thế giới. Ngọn gió kêu lên:

- “Cậu đang làm gì thế? Sa mạc ở đâu cũng thế cả. Cứ nhập bọn với những đám mây khác để đi đến Trung Phi nơi có những rặng núi và những rừng cây đáng kinh ngạc!”

Nhưng đám mây trẻ, bản chất là một kẻ nổi loạn, từ chối không vâng lời, và từ từ hạ xuống cho đến khi cậu tìm được một cơn gió nhẹ

nhàng hào phóng cho phép cậu bay lửng lơ trên những bãi cát vàng.

Sau khi lượn lờ tới lui nhiều lần, cậu chú ý thấy một trong những cồn cát đó đang mỉm cười với cậu. Cậu thấy cồn cát đó cũng trẻ, vừa mới được tạo thành do một cơn gió chỉ mới thổi qua. Ngay tại đó và vào lúc đó cậu yêu ngay mái tóc vàng của cô nàng. Cậu nói:

- “Chào buổi sáng. Cuộc sống ở dưới đó như thế nào.

- “Tôi bầu bạn với những cồn cát khác, với mặt trời với gió, và với những đoàn lữ hành thỉnh thoảng đi ngang qua đây. Đôi khi trời thực rất nóng, nhưng vẫn chịu đựng được. Thế cuộc sống trên đó như thế nào?”

- “Chúng tôi cũng có mặt trời và gió, nhưng có điều tốt là tôi có thể đi du lịch khắp bầu trời và nhìn thấy nhiều thứ hơn.”

Cồn cát nói:

- “Với tôi, đời sống rất ngắn. Khi cơn gió từ những cánh rừng trở về tôi sẽ biến mất.”

- “Và điều đó có làm cho bạn buồn không?”

- “Nó làm cho tôi cảm thấy rằng cuộc sống của tôi không có mục đích.”

- “Tôi cũng cảm thấy giống như vậy. Ngay khi một cơn gió khác thổi đến, tôi sẽ bay về phương nam và sẽ biến thành mưa, nhưng đó là định mệnh của tôi.”

Cồn cát ngập ngừng một lúc rồi nói:

- “Bạn có biết rằng ở đây trong sa mạc này chúng tôi gọi mưa là Thiên Đường không?”

Đám mây hãnh diện:

- “Thế mà tôi đã không biết là tôi có thể quan trọng đến như vậy.”

- “Tôi đã từng nghe những cồn cát lớn tuổi kể những câu chuyện về mưa. Họ nói rằng, sau cơn mưa tất cả chúng tôi đều được bao phủ bởi cỏ xanh và nhiều bông hoa. Nhưng tôi sẽ không

bao giờ có kinh nghiệm đó, bởi vì ở sa mạc trời mưa rất hiếm hoi.”

Giờ đến phiên đám mây ngập ngừng. Rồi cậu ta cười một cách cởi mở:

- “Nếu bạn muốn tôi có thể mưa lên người bạn bây giờ. Tôi biết tôi chỉ vừa mới đến đây, nhưng tôi yêu bạn và muốn ở lại đây mãi mãi.”

Cồn cát nói:

- “Khi lần đầu tiên tôi nhìn thấy bạn ở trên bầu trời, tôi cũng đã yêu bạn, nhưng nếu bạn chuyển mái tóc trắng đáng yêu của bạn thành mưa, bạn sẽ chết.

Đám mây đáp:

- “Tình yêu không bao giờ chết. Nó được chuyển hoá và hơn nữa, tôi muốn cho bạn thấy Thiên Đường là như thế nào.”

Và cậu ta bắt đầu ve vuốt cồn cát bằng những hạt mưa nhỏ. Bằng cách đó chúng có thể ở cùng với nhau lâu hơn, cho đến khi một cầu vồng xuất hiện.

Ngày hôm sau, cồn cát nhỏ được phủ đầy hoa. Những đám mây khác khi bay ngang qua đây để tiến thẳng về Phi Châu, nghĩ rằng đây hẳn là một phần của khu rừng chúng đang tìm kiếm và rải xuống nhiều mưa hơn nữa. Hai mươi năm sau, cồn cát đã biến thành một ốc đảo và che mát khách du lịch bằng những tàng cây của nó.

Và tất cả chỉ vì, có một ngày, một đám mây đã yêu và không ngại dâng hiến cuộc đời mình cho tình yêu ấy.

Dịch từ The Cloud and The Sand Dune, tác phẩm Like The Flowing River của Paulo Coelho, bản dịch tiếng Anh của Margaret Jull Costa, nxb Madison Park Press, NY, 2006



Những Biến Đổi Trong Văn Hóa Việt Nam

Giáo Sư Nguyễn Thanh-Liêm.

Tác phẩm Kỷ Niệm về Giáo Sư Nguyễn Thanh Liêm

Nhà văn Hóa Giáo Dục Nhân Bản Việt Nam.

Bài lược trích dành riêng cho Đặc San Trăm Năm Áo Tím - Gia Long

Văn hóa cổ truyền Việt Nam

Nói đến văn hóa Việt Nam ta nghĩ ngay đến nền văn hóa từ thuở xa xưa đến giờ và từ Nam Quan đến Cà Mau, với những đặc tính gắn liền với con người và xã hội Việt Nam. Nó bao gồm tiếng Việt, tư tưởng, tín ngưỡng,



quần áo thức ăn, v.v... và thường được đồng hóa với văn hóa cổ truyền hay truyền thống văn hóa Việt Nam. Hầu hết người Việt đều nghĩ rằng nó là của chung và do tổ tiên ta dựng nên từ hơn bốn ngàn năm qua.

Văn hóa biến đổi

Những người thiết tha đến văn hóa Việt Nam, muốn làm cái gì tốt đẹp cho văn hóa nước nhà thường nghĩ đến một mặt bảo tồn nền văn hóa cổ truyền của dân tộc, mặt khác phát huy, tân tiến hóa nền văn hóa đó để xây dựng một nền văn hóa mới. Khi nói đến bảo tồn, phát huy hay tân tiến hóa là nói đến sự biến đổi của văn hóa. Không có nền văn hóa nào có thể giữ nguyên trạng thái của nó từ buổi ban đầu cho đến bây giờ dù người ta có cố bảo tồn duy trì nó mãi. Những công trình nghiên cứu về văn hóa của các nhà văn hóa nhân loại học (cultural anthropology) cho thấy không có nền văn hóa nào giữ được nguyên vẹn đặc thù của nó. Bất cứ nền văn hóa nào, dù trong những xã hội đóng kín không tiếp xúc với bên ngoài, vẫn ít nhiều thay đổi theo thời gian. Tốc độ biến đổi có thể từ rất nhanh, đến nhanh, hay chậm và rất chậm, tùy theo hoàn cảnh và từng trường hợp. Phần nhiều các nền văn hóa đều thay đổi rất chậm nếu không có những va chạm hay xung đột lớn

lao như sự va chạm hay xung đột giữa văn hóa Á Đông và văn minh Âu Tây hồi thế kỷ thứ XIX-XX.

Sự biến đổi trong văn hóa Việt Nam

Từ trước thời Bắc Thuộc cho đến thế kỷ XX nền văn hóa Việt Nam đã có nhiều thay đổi theo thời gian. Một số những tập tục xưa được ghi chép trong sách sử bây giờ không còn tồn tại, hoặc chỉ còn sót lại ở một ít vùng quê xa xôi mà thôi; như tục xăm mình, ăn trầu, nhuộm răng.



Ngược lại có những thói quen mới chỉ xuất hiện gần đây như thói quen uống cà phê buổi sáng hay bắt tay khi chào nhau. Tư tưởng, khoa học, kỹ thuật thay đổi nhiều từ khi có sự đô hộ của người Pháp hồi cuối thế kỷ thứ XIX

Trong quá trình bành trướng lãnh thổ từ Miền Bắc vào Miền Nam nền văn hóa Việt Nam cũng có nhiều thay đổi theo không gian, theo môi trường sinh sống, từ thức ăn,

quần áo, đến cách phát âm tiếng Việt, làng mạc, tôn giáo, tín ngưỡng, nghệ thuật, tâm lý, tư tưởng, v.v..

Về thức ăn chẳng hạn. Người Bắc có bún chả, người Nam thì có bún thịt nướng, tuy cả hai thứ đều dùng những mẫu số chung là bún, thịt nướng, rau sống và nước mắm, chỉ khác ở phần sắp xếp trình bày. Người Bắc để chung thịt nướng vào trong chén với nước mắm, bún với rau thì để riêng cho khách tùy nghi. Người Nam để chung tất cả các thứ vào trong cái tô với một chén nước mắm để riêng để thực khách tùy nghi chan vào

Cách ăn mặc cũng thay đổi: từ chiếc áo tứ thân của người Bắc đến chiếc áo bà ba của người Nam. Dân ông miền Nam ăn mặc theo Tây sớm hơn. Hồi thập niên 1950 ở Đại Học Văn Khoa và Cao Đẳng Sư Phạm Sài Gòn người ta thấy mấy cụ giáo sư Cử hay Tú miền Bắc vào (cụ Bình, cụ Nghinh, cụ Quỳnh, cụ Chiêu, trừ cụ Nghè Giác) mặc áo dài khăn đóng đi dạy còn các giáo sư lớn tuổi miền Nam (thầy Tấn, thầy Lúa, thầy Trụ, cụ Sến) ăn mặc theo Tây.

Về phương diện ngôn ngữ, tuy cả ba miền đều sử dụng một thứ tiếng chung, nhưng ngoài các ngữ vựng thông dụng cho cả ba miền còn có những tiếng địa phương đặc biệt chỉ xài cho một vùng nào đó. Củ sắn của người Bắc là củ khoai mì của người Nam. Cũng có khi cùng một từ nhưng nghĩa lại khác nhau. Cái “hòm” đối với người miền Nam là cái hàng để liệm người chết còn người Bắc, “hòm” nghĩa của cái rương của người Nam. Khác biệt rõ nhất là cách phát âm tiếng Việt của mỗi địa phương. Người miền Bắc phát âm đủ cả năm dấu, phân biệt được rõ ràng dấu hỏi và dấu ngã, phân biệt được phụ âm t và c ở cuối chữ (như phứt và phứt), nhưng lại không phân biệt được hai phụ âm tr và ch (trên châu và chân trâu). Phần đông người miền Nam đều phân biệt các phụ âm tr và ch nhưng không phân biệt hỏi ngã và các phụ âm t và c ở cuối chữ. Người Huế phát âm các dấu hỏi dấu ngã như dấu nặng. Người Quảng Nam, Quảng Ngãi thì phát âm những nguyên âm a như ơ, và ơ như ô.

Trên phương diện tôn giáo, tín ngưỡng, mặc dù hầu hết người Việt Nam đều chịu ảnh hưởng của tam giáo; xem thờ cúng tổ tiên như một đạo. Miền Nam ngoài căn bản tín ngưỡng đó

còn có thêm những tôn giáo khác như Cao Đài, Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật Giáo Hòa Hảo. Với nghệ thuật thì tuồng cải lương và câu vọng cổ là đặc biệt của người Nam. Hát chèo, hát quan họ chỉ có người Bắc mới biết.

Tiểu thuyết (như của Hồ Biểu Chánh); nói chung văn chương miền Nam, có sắc thái đặc biệt của người Nam mà chỉ những người sanh trưởng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long mới thường thức được trọn vẹn cái hay, cái thích thú trong đó.



Tổ chức làng xã trong Nam cũng không giống xã thôn ở ngoài Bắc. Ngoài Bắc các xã thường được bao bọc bởi lũy tre xanh với một cái cổng vào làng. Các làng cách biệt với nhau bằng những ranh giới dễ nhận biết. Vùng đồng bằng sông Cửu Long làng này tiếp nối với làng khác, không cổng làng, không lũy tre làm ranh giới.



Chỉ có người ở tại địa phương mới biết được đâu là ranh giới. Tổ chức hành chánh địa phương cũng khác miền Bắc. Ở Bắc mỗi làng, dưới thời Pháp thuộc có ban hội tề gồm hương quan và chánh lục bộ lo về cai trị, hành chánh. Ngoài ra còn có các vị bồi, bãi, kẻ hiền... là những người lớn tuổi có uy tín trong làng, giữ

vai trò như cổ vấn nhất là trong những việc tế tự lễ nghi. Ở miền Nam thời Pháp thuộc có những chức vụ không có ở miền Bắc như, Cai Tổng, Hội Đồng. Tóm lại từ châu thổ sông Hồng Hà đến châu thổ sông Cửu Long lối sống của người dân Việt cũng như tổ chức xã hội Việt Nam đều có nhiều biến đổi.

Điều kiện cần để có biến đổi

Tại sao có những biến đổi như vậy? Môi trường sinh sống mới và sự tiếp xúc với những nền văn hóa khác là những điều kiện cần đưa đến những biến đổi. Từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa xây dựng nên Đàng Trong thì bắt đầu có một nhánh văn hóa Việt biến dạng dần dần trở thành một chi nhánh văn hóa (subculture) có phần khác biệt với văn hóa cổ truyền ở miền Bắc. Sự đứt liên hệ chính trị giữa Đàng Trong (Chúa Nguyễn) và Đàng Ngoài (Chúa Trịnh), sự phân tranh Nam Bắc, chia đôi lãnh thổ là cơ hội để tạo nên một chi nhánh văn hóa mới. Đến thế kỷ 17 khi họ Nguyễn chiếm hết miền Trung, một số người vào miền Nam khẩn hoang lập ấp xây dựng miền Nam thì một chi nhánh văn hóa khác nữa lại thành hình. Chi nhánh văn hóa mới này lại càng cách biệt với văn hóa gốc ở miền Bắc hơn nữa. Địa lý và môi trường sinh sống khác với những vùng đất đai chật hẹp khô cằn nằm giữa núi non và ven biển, miền Nam là cả một miền đất hoang mênh mông, chằng chịt sông rạch với không biết là bao nhiêu cá tôm rau cỏ cây trái. Đất đai rất phì nhiêu do phù sa mang lại. Khẩn hoang lập nghiệp tuy có cực nhọc nhưng kết quả thu lượm khá quan, đời sống tự nhiên ung dung thoải mái. Vùng mới lập này tuy có ít nhiều liên hệ với Chúa Nguyễn nhưng triều đình ở xa, tổ chức cai trị ít chịu ảnh hưởng triều đình Huế, thêm vào đó còn có những biến đổi chính trị làm thay ngôi đổi chủ nhiều lần nên có nhiều tự do địa phương. Đời sống dễ dãi, thừa thãi về vật chất và tự do về tinh thần đã không bắt buộc người dân Việt ở đây phải theo đúng phong tục tập quán đã được mang vào Đàng Trong từ mấy thế kỷ trước. Sự lỏng lẻo của khuôn phép qua nhiều thế hệ đã tạo nên một nếp sống mới phóng khoáng, với tâm hồn chân thật, chất phác, mở rộng để đón nhận những cái mới lạ hơn là khép kín để duy trì những cái đã có.

Ngoài ra trong quá trình mở rộng đất đai về phương Nam, chi nhánh văn hóa Đàng Trong phải tiếp xúc và chạm với những văn hóa khác

tạo nên điều kiện cần cho sự biến đổi. Từ sự tiếp xúc đó sẽ có những thích nghi với nhau, vay mượn lẫn nhau ít nhiều từ tập quán, kỹ thuật, đến tín ngưỡng và nghệ thuật. Từ thế kỷ 17 người Đàng Trong đã gần gũi với văn hóa Chiêm Thành, đã nhìn thấy và hiểu biết lối sống của người Chăm. Sang thế kỷ 18 người Việt khi bành trướng lãnh thổ về miền Nam lại có dịp sống cạnh người Miên và người Trung Hoa (Minh Hương, Triều Châu). Gần đây hơn, từ thế kỷ 19 người Miên Nam lại có dịp biết đến đạo Thiên Chúa và văn minh Tây Phương do người Pháp mang đến. Có thể nói miền Nam cũng náo nức như xứ Mỹ, nó là một xã hội mới thành hình với nhiều chủng tộc sống lẫn lộn trong đó. Với một nền văn hóa ít nhiều pha trộn đủ thứ, nó cũng như cái ‘melting pot’ hay cái ‘salad bowl’ của Việt Nam. Nó mang rất ít tính chất cổ truyền của nền văn hóa gốc.

Điều kiện đủ để có biến đổi

Sự gặp gỡ, tiếp xúc giữa các nền văn hóa chỉ là điều kiện cần chứ không phải là điều kiện đủ để cho sự vay mượn, học hỏi xảy ra. Trường hợp bốn bộ lạc lân cận trên vùng Nilgiri (Ấn Độ) chẳng hạn, cho thấy tuy có tiếp xúc văn hóa với nhau nhưng bốn bộ lạc này không hề vay mượn tí nào trong lối sống của họ. Các nhà văn hóa nhân loại học gọi trường hợp trên là ‘kinh tế, xã hội cộng sinh’ (economic and social symbiosis) nghĩa là cùng sống với nhau về phương diện xã hội và kinh tế nhưng không vay mượn hay thích nghi với nhau về văn hóa (acculturation). Điều kiện đủ để đưa đến vay mượn và thích nghi văn hóa là sự có mặt của những yếu tố sau đây:

1) tinh thần khai phóng của người vay mượn, 2) sự tự do chấp nhận cái mới lạ của người vay mượn, và 3) sự lợi ích của những gì được vay mượn học hỏi. Văn hóa không thay đổi nếu con người không có tinh thần cởi mở, không chấp nhận những cái mới lạ của văn hóa khác. Mặt khác dù có chấp nhận cái mới lạ của văn hóa khác nhưng không có tự do để học hỏi, thực hiện thì văn hóa cũng không có cơ hội thay đổi. Có thể vì luật lệ cứng rắn của quốc gia, tính khắt khe của phong tục tập quán mà người ta không có đủ tự do để học hỏi và thực hiện điều mới lạ. Sau hết người ta chỉ học hỏi vay mượn khi nào điều đó đáp ứng được nhu cầu của người ta. Đây không phải là những đòi hỏi ở hạ tầng sinh lý (primary drives) như đói, khát, làm tình ... mà là những thôi thúc ở giai tầng cao hơn (secondary drives) như phẩm chất và sự

tiện lợi của đồ ăn thức uống, hay của loại đồ dùng nào đó, cao hơn nữa là nhu cầu tinh thần như tôn giáo tín ngưỡng, nghệ thuật, v.v..

Thích ứng với môi trường: sinh tồn và tiến hóa

Phải hội đủ những điều kiện trên thì văn hóa mới có thể thay đổi được. Người Việt Nam ở Phương Nam đã có đủ những điều kiện ghi trên.

Họ có tinh thần rộng rãi khai phóng, không mù quáng tôn sùng cổ nhân, không khép kín, bế quan tỏa cảng. Họ có ít nhiều tự do, ít bị ràng buộc bởi luật lệ cứng rắn của triều đình hay tập quán khắc khe của xã hội. Điều kiện cần và đủ cả có thì tất nhiên ở vùng đất mới này văn hóa phải thay đổi. Có thể nói người Việt Nam có một nền văn hóa chung (general culture) là văn hóa Việt Nam (Vietnamese Culture), và dưới nền văn hóa chung đó có những chi nhánh văn hóa (subculture) như chi nhánh văn hóa sông Hồng, chi nhánh văn hóa miền Trung, chi nhánh văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các chi nhánh văn hóa có cùng một số đặc tính, cùng mẫu số chung, nhưng trên mẫu số chung đó vẫn có những nét khác biệt của mỗi vùng. Khác biệt đó là do những biến đổi tự nhiên của văn hóa Việt Nam qua bao thế hệ và qua quá trình bành trướng lãnh thổ, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác. Biến đổi để thích ứng với môi trường và hoàn cảnh mới, đó là điều kiện cần yếu để nền văn hóa sinh tồn và tiến hóa.

Ý Kiến để kết thúc

Những ai tha thiết với nền văn hóa nước nhà cần phải nhìn thấy sự khác biệt giữa những chi nhánh văn hóa và những lý do đưa đến sự khác biệt đó. Nhận biết như vậy không phải để cố võ cho sự chia rẽ hay gây kỳ thị địa phương mà để có thể đi đến tinh thần đa nguyên đa văn hóa (cultural pluralism). Tinh thần này đòi hỏi người ta phải thấy và chấp nhận sự khác biệt giữa các nền văn hóa hay giữa các chi nhánh văn hóa với nhau. Từ sự chấp nhận đó ta mới có thể hiểu nhau và cộng tác với nhau lâu dài, hữu hiệu được. Ngược lại nếu phủ nhận sự khác biệt để đi đến cái nhìn thiên lệch, cho rằng văn hóa mình là tốt nhất thì khó tránh được hậu quả tai hại là sẽ rơi vào chủ nghĩa ‘chúng tộc độc tôn’ (ethnocentrism) và tinh thần kỳ thị chủng tộc. Sự đoàn kết quốc gia và sự thống nhất ý chí để làm một việc lớn nào cũng phải dựa trên tinh thần đa nguyên, đa văn hóa. Phải khởi sự bằng sự chấp nhận sự khác biệt trước rồi mới có thể đi đến những cuộc đối thoại thông cảm xây dựng có hiệu quả thật sự. Hơn nữa, muốn dân tộc tiến bộ, muốn hiện đại hóa xã hội, phải biết rõ những điều kiện cần và đủ để làm cho văn hóa biến đổi theo chiều hướng tiến bộ chung của nhân loại. Đó là những điều kiện đã đưa xã hội miền Nam đến chỗ giàu có và dân Miền Nam đến chỗ thịnh vượng, hạnh phúc.

Giáo Sư Nguyễn Thanh Liêm

Giọt mưa cuối phố

Giọt mưa cuối phố chao nghiêng
Nỗi buồn em cất giữ riêng góc nào?
Khi không trời đổ mưa rào
Đem sầu nhân thế đổ ào mái hiên
Mịt mù mây xám ưu phiền
Đi tìm sách vở thánh hiền dạy quên
Thánh nhân chắc chả biết yêu
Cho nên muôn thuở tình nhiều khô sâu
Mưa dòn nước lũ về đâu?
Có giòng sông nhỏ đi lâu quên bờ
Trời làm mưa rất thờ ơ
Có ai ngồi nhớ giấc mơ ...đã tàn...

Hột Sen GL75





Tôi yêu Sydney như yêu người tình, một người bạn đường quán quýt đã gần 40 năm.

Ngày xưa, khi tôi mới đến, Sydney như một cậu nhà quê lên tỉnh, dân Sydney mộc mạc hiền lành, thành thật và rộng lượng, cá tính của những người lớn lên với nhiều ưu đãi. Sau này khi kinh tế khó khăn, khi phải cạnh tranh nhiều với thế giới, thì dân Sydney có phần hung hăng hơn, nhưng không bao giờ mất đi sự rộng lượng của tâm hồn.

Kể về vẻ đẹp bên ngoài, Sydney đã nổi tiếng xưa nay về những cảnh thiên nhiên phong phú. Những hôm đi làm về, trên xe lửa qua cầu Harbour vào lúc nắng chiều xuống, làm sáng lên những vùng vịnh chung quanh với đủ sắc màu, tôi thấy như đi lạc vào một bức tranh đang vẽ.

Ngày còn là sinh viên đại học, mùa hè là mùa chúng tôi dầm mình trong biển Bondi, Coogee, Bronte, Clovelly, Maroubra ... Cát biển Sydney không trắng xóa như những vùng biển khác, như biển Hyam ở miền nam tiểu bang NSW là nơi có cát trắng nhất thế giới, hoặc biển White Haven trên miền bắc Úc, nhưng sóng biển lớn đủ để lướt sóng, cát biển trắng đủ để khoe những thân hình nâu dòn của tuổi mới lớn.

Sau này, khi tôi đi du lịch và thăm quan những bãi biển nổi tiếng trên thế giới, biển Sydney vẫn là nơi tôi yêu thích nhất.

Bây giờ tôi sẽ dẫn các bạn đi một vòng thăm các bãi biển nổi tiếng của Sydney, những bãi biển tôi đã đi qua trong thời sinh viên nhé.

Từ trung tâm thành phố, chỉ cần đáp một chuyến xe buýt là tới được bãi biển Bondi. Bondi beach rất nổi tiếng với nước biển

trong xanh, sóng to nên thu hút được rất đông du khách cũng như dân địa phương đến chơi môn thể thao lướt sóng. Những quán cà phê, nhà hàng dọc bờ biển lúc nào cũng đầy cả du khách.



Có thể đi bộ dọc theo bờ biển từ Bondi tới Bronte và Tamarama, đây là quãng đường đi bộ mà tôi thích nhất, vì rất dễ đi và lại thấy được tất cả những vẻ đẹp của biển Sydney. Đi xa hơn dọc theo bờ biển, sẽ thấy cảng Clovelly và vịnh Gordon, nhìn tương tự như ở Địa Trung Hải, bãi biển Coogee yên bình với những người đi chơi cuộc bộ và Maroubra với những con sóng khổng lồ thích hợp cho những người thích lướt sóng.





Phía đông Sydney là Vịnh Watsons, làng chài lâu đời nhất của Úc, tại đây có những nhà hàng hải sản nổi tiếng nhất Sydney. Từ đây có thể đi bộ đến bãi biển Tasman, qua những ngọn hải đăng và The Gap rồi bơi ở những vịnh nhỏ vắng người.

Để thăm phía bắc của cảng, hãy lên một chiếc phà hay Jetcat để tới Manly, đây là địa điểm yêu thích của những du khách tới thăm Sydney. Đường đi bộ từ Manly đến cầu Spit là một trong những con đường tôi thường đi với nhóm bạn, một bên là cây lá, một bên là biển trong vắt. Manly cũng có những cửa hàng tuyệt vời và những địa điểm ăn uống với khung cảnh đưa các thực khách đi vòng quanh thế giới.

Từ Manly, xe bus địa phương đưa du khách tới các bãi biển ở phía nam của Curl Curl, Dee Why, Narrabeen, Mona Vale, Newport và Avalon – tất cả đều nổi tiếng vì nếp sống thoải mái của dân địa phương và các con sóng lớn.

Cuối cùng bạn sẽ đến Palm beach, một bãi biển với cát vàng trải dài và đẹp, dẫn tới khu đánh gôn. Bãi Biển Palm là nơi nghỉ mát được ưa chuộng bởi những dân thượng lưu của Sydney, vì vậy đi dọc biển này bạn sẽ thấy những ngôi biệt thự rất đẹp.

Ngoài biển, Sydney còn nổi tiếng với Opera House, Sydney Harbour Bridge; hai biểu tượng đặc trưng của thành phố.

Operara House có kiến trúc hình con sò (nên đôi khi được gọi nhà hát con sò), hay những cánh buồm no gió ra khơi. Tọa lạc tại Bennelong Point ở bên cảng Sydney, gần với Sydney Harbour Bridge, cây cầu treo bắc ngang Sydney Harbour, có hình

dáng giống như cái mắc áo nên còn có tên gọi là The Coathanger.



Đây là hai công trình kiến trúc độc đáo của Sydney nói riêng và nước Úc nói chung, thu hút nhiều du khách đến thăm.

Bên cạnh nhà hát Opera là vườn thực vật hoàng gia Sydney (Sydney Royal Botanical Garden), một trong những công viên đẹp nhất ở Úc, không phải chỉ vì những cây, hoa và hồ nước, mà vì phong cảnh xung quanh vườn: Sydney Harbour.



Nếu bạn muốn đến xem Sydney vào những ngày đẹp nhất, thì không thể nào bỏ qua mùa hoa phượng tím, những ngày cuối tháng 10, đầu tháng 11. Cái nắng hanh của ngày cuối xuân, đầu hè, làm hoa phượng tím nở rộ một khung trời, lác đác thêm vài khóm hoa giấy đỏ, được lồng trong biển xanh biêng biếc, là lúc Sydney rực rỡ nhất. Đó là những ngày tôi đeo ba lô vào, đi bộ quanh hết những con đường đầy hoa tím.

Giới thiệu Sydney với các bạn thì phải nhắc đến Cộng đồng người Việt ở đây. Khi tôi đặt chân tới Sydney, số người Việt lúc bấy giờ không quá 200, chỉ là những sinh viên du học cộng với một số rất nhỏ những phụ nữ theo chồng lính Úc về nước.

Ngày ấy, thức ăn Việt Nam chưa được biết tới. Những vật liệu, rau trái để nấu món Việt không bán trên thị trường.

Sau 30/4/75, một vài nhóm nhỏ thuyền nhân Việt Nam tìm đường đến thành Darwin, phía Bắc Úc. Sau đó làn sóng người Việt Nam đi tìm tự do ngày càng đông, chính phủ Úc đã dang tay đón nhận một số lớn dân tị nạn Việt Nam từ các trại ở Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân...vào định cư tại Úc.



Sydney là thành phố lớn nhất, với khí hậu ôn hòa và nhiều cơ hội để tìm việc, nên được nhiều người Việt tị nạn chọn làm quê hương thứ hai. Ngày nay, số người Việt ở Sydney đã lên khoảng 150,000. Một số lớn tập trung ở những vùng ngoại ô tây nam, lớn nhất là ở Cabramatta, sau đó là Bankstown.

Thập niên 80 và 90 là điểm đen trong lịch sử của người Việt ở Sydney. Thiếu sự hướng dẫn và sống trong những mặc cảm, khác biệt trong văn hóa gia đình giữa người Việt và xã hội Úc đã khiến cho một số thế hệ trẻ bị lạc bước và sa ngã vào tội lỗi, họ đã bị những băng đảng xã hội đen quấy rối, cuộc sống đường phố, đâm chém, cướp bóc và ma túy bủa vây và trói chặt họ. Ngày ấy, Cabramatta bị coi là "thủ đô bạch phiến"

của Úc. Sau nhiều nỗ lực của chính phủ tiểu bang và liên bang và của cả cộng đồng, giờ đây Cabramatta là một nơi hoàn toàn khác biệt so với thập niên 80-90, nơi đây trở thành một phần của xã hội đa văn hóa của Úc và cộng đồng Việt Nam hoạt động rất tích cực giúp đỡ người đồng hương cũng như góp phần xây dựng cho quê hương thứ hai của mình.

Thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên ở Sydney bây giờ đã gia nhập vào cuộc sống, tên Việt xuất hiện trong tất cả mọi ngành nghề, rất nhiều bác sĩ, nha sĩ, luật sư, chính trị gia ...và trong nhiều lãnh vực khác nữa.



Ngày nay đi quanh Sydney, không có khu phố nào là không có một tiệm bánh mì Việt Nam. Bánh Mì Thịt và Phở là hai từ đã được cho vào tự điển tiếng Úc, là những món ăn đặc sản Việt Nam

Những năm đầu xa Việt Nam, tôi hay dùng chữ 'nhà', 'home', để nói về Việt Nam, nhưng không biết tự bao giờ đã đổi thành Sydney. Sydney đã trở thành nơi chốn quê tôi, đã ấp ủ và bảo bọc tôi suốt bốn mươi năm nay và có lẽ suốt cả cuộc đời còn lại của tôi nữa

Nam Hàn GL74

Đừng đi trước tôi; có thể tôi sẽ không theo. Đừng đi sau tôi; có thể tôi sẽ không dẫn lối. Hãy đi bên cạnh và trở thành bạn của tôi.

Don't walk in front of me; I may not follow. Don't walk behind me; I may not lead. Just walk beside me and be my friend -

Albert Camus

HÀN MẠC TỬ LÀ TÌNH YÊU ĐẦU ĐỜI CỦA MỘNG CẨM ?

Giáo Sư Hoàng Quỳnh Hoa



Gần đây khi biết tôi đang viết tuyển tập Hàn Mạc Tử và mối tình đầu của thi sĩ thì hai em cựu học sinh Gia Long niên khóa 1973, Phương Thúy và Phi Nga, gởi cho tôi xem hai bài về Mộng Cẩm từ trên mạng. Đọc xong bài viết “Giải mã bí ẩn cuộc tình Hàn Mạc Tử & Mộng Cẩm” tôi ngạc nhiên lắm, vì đây là lần đầu tiên tôi được thấy một tài liệu ghi Mộng Cẩm thú nhận Mạc Tử là tình yêu đầu đời của bà. Càng ngạc nhiên hơn nữa là được biết Mộng Cẩm “ghét cay ghét đắng” bài thơ Thôn Vỹ -- bà ghen với mối tình đầu của thi nhân?-- Tác giả bài viết tả rõ, “Bà [Mộng Cẩm] trải các câu thơ và dần từng tiếng, khác với các nghệ sĩ ngâm thơ ngọt ngào. Và dần cho đến câu cuối:

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền...”*

Tôi có dịp đọc nhiều sách báo về Hàn Mạc Tử khi thu thập tài liệu để viết tuyển tập, tôi chưa hề thấy Mộng Cẩm ra mặt nhìn nhận mình đã



Mộng Cẩm khi mới quen HMT

từng yêu Hàn mà cũng không hề thấy nói bà ghét bài thơ “Đây Thôn Vỹ Dạ”, bài thơ Hàn Mạc Tử làm năm 1939 gởi tặng người ông từng thương mến ở Thôn Vỹ.

Tác giả bài “Giải mã bí ẩn cuộc tình Hàn Mạc Tử & Mộng Cẩm”

[trên mạng, không thấy ký tên] kể rõ vào mùa hè, năm 1997, tình cờ ông (hay bà?) được gặp Mộng Cẩm - lúc bấy giờ là một cụ bà 80 tuổi - ở tại quán cà phê sân vườn mang tên Mộng Cẩm do con gái bà là bác sĩ Mộng Đào và chồng là Phạm Thiên Bê làm chủ. Mộng Cẩm nói rằng, “Vào tuổi này rồi chẳng còn gì để dấu.” Và thế là bà xả bầu tâm sự và thật thà cho biết Hàn Mạc Tử là tình yêu đầu đời của mình và giải thích lý do tại sao mối tình ấy chẳng đi đến đâu. Bà nói là con nhà phong kiến, cha mẹ không bằng lòng gả con cho một người công giáo, mà lại là văn nhân thi sĩ. Nhưng, bà nhân mạnh, lý do chính là vì lúc ấy bà quá thương yêu Hàn mà theo sự hiểu biết của bà thì người bị bệnh phong gần đàn bà mau chết, cho nên bà cố tránh né để Hàn mau bình phục; sau đó sẽ liêu lẩn với cha mẹ. Nhưng tiếc thay là Hàn không qua khỏi. Tác giả viết tiếp rằng Mộng Cẩm lập gia đình sau khi Hàn Mạc Tử qua đời. Không biết ông lấy tài liệu này ở đâu chứ ai cũng biết Mộng Cẩm lấy chồng chỉ sáu tháng sau khi chia tay với Hàn (Vũ Hải, tr 55).

Tôi cho rằng lúc tâm sự với tác giả bài văn này năm 1997, vì tuổi hạc đã cao, có thể Mộng Cẩm không còn nhớ rằng 36 năm trước đó, bà đã

từng tuyên bố công khai là không hề có chuyện yêu đương với Hàn Mạc Tử. Và lời tuyên bố này đã gây ra nhiều bất bình, thị phi vì theo cuốn *Hàn Mạc Tử - Thân thể và Thi văn* của Trần Thanh Mại (bạn của Hàn Mạc Tử) xuất bản năm 1942 thì mối quan hệ giữa hai người được coi như “một cặp vợ chồng chưa cưới”. Trần Đức Thu, tác giả một loạt bài trên mạng với tựa đề “Hàn Mạc Tử kỳ 1,2,3,4.....”, đã viết về Mộng Cầm với tiêu đề “*Mối tình Mộng Cầm và Hàn Mạc Tử đã được tái hiện qua phim.*” ghi lại bài phỏng vấn của Châu Mộng Kỳ [Trần Thị Huyền Trang trong tập *Hàn Mạc Tử - thơ và đời*, tr 264 thì ghi là Châu Hải Kỳ]. Bà Mộng Cầm xưa nay vẫn từ chối các nhà báo xin phỏng vấn cho đến năm 1961, nhờ mối quan hệ đặc biệt là thầy dạy con riêng của chồng Mộng Cầm nên phóng viên Châu Mộng Kỳ của tạp chí Phổ Thông mới được Mộng Cầm tiếp chuyện, và nhờ vậy bài phỏng vấn mới thực hiện được. Tờ Phổ Thông số 63, ra ngày 15/8/1961, đăng lời tuyên bố của Mộng Cầm phủ nhận hoàn toàn chuyện tình cảm giữa mình và Hàn Mạc Tử. Bà nói: “*Một dịp thứ Bảy đi chơi lâu Ông Hoàng, anh thổ lộ mối tình với tôi. Tôi có trả lời anh chắc là không thể đi đến chỗ trăm năm được, tôi nói trước để anh đừng hy vọng. Anh hỏi lý do. Tôi viện lẽ tôn giáo khác nhau, nhưng thật ra vì biết Hàn Mạc Tử mắc chứng bệnh hiểm nghèo, không thể sống lâu được, ý tôi muốn một người chồng mạnh khỏe, tráng kiện... Tuy vậy chúng tôi vẫn giao thiệp thân mật một hai năm như thế. Trong thời gian này, có nhiều lần, Hàn Mạc Tử năn nỉ tôi dẫn về Quảng Ngãi thăm nhà và trong nhiều bức thư, anh đề cập đến vấn đề hôn nhân. Tôi vẫn trả lời nhưng luôn luôn nguy biện để từ chối: ‘Em thiết nghĩ chúng ta sống như thế này thanh cao hơn, tôn giáo bất đồng, chữ hiếu bắt buộc em phải nghe lời thân mẫu.’”* [Trần Thị Huyền Trang trong tập *Hàn Mạc Tử - thơ và đời* của Lữ Huy Nguyên đã dành 7 trang nói về chuyện tình của hai người với đầy đủ chi tiết, từ trang 264 đến 270]

Nguyễn Vũ, chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Phổ Thông, cho biết Mộng Cầm đã đọc bài phỏng vấn của Châu Mộng Kỳ và không có điều gì thắc mắc nên ông kết luận “đã giải đáp dứt khoát một nghi vấn thường bị nhiều người xuyên tạc.” Nhưng sự thật có phải như vậy không?

Quách Tấn, bạn thân của Hàn Mạc Tử, viết trong cuốn hồi ký *Đôi nét về Hàn Mạc Tử* (tr 39):

Nguyên Tử có một người yêu ở Phan Thiết bí danh Mộng Cầm. Hai bên đã nặng lời thề thốt “trăm năm cùng già”. Nhưng sau khi lâm bệnh nguy –nghèo thì Mộng Cầm đi lấy chồng, gieo vào lòng Tử một mối buồn thương vô hạn...

Cuộc tình duyên giữa Tử và Mộng Cầm, trong thời kỳ Tử còn lành mạnh, rất có nhiều thơ mộng. Nhưng hiện Mộng Cầm có gia đình. Cuộc đời quá vắng không gây hạnh phúc cho cuộc đời hiện tại. Nên chỉ xin đưa ra những gì không thể dấu được vì liên hệ đến văn chương.

Nói vậy nghĩa là Quách Tấn đã dấu đi những gì có thể dấu được và ông cho rằng việc đi lấy chồng của Mộng Cầm không có chi đáng trách mà có thể là đáng thương nữa. Sự thật thì cũng không ai nỡ trách quyết định đi lấy chồng của người con gái chưa đầy 20 tuổi trong hoàn cảnh như thế. Nhưng đáng trách là việc nàng phủ nhận mối tình ấy, cố tình che đậy một sự thật mà nhiều người biết với lời nói dối ngây ngô. Nếu Mộng Cầm thẳng thắn thú nhận mối quan hệ khăng khít giữa mình và Hàn thì có thể người đời tôn trọng bà hơn, yêu mến bà hơn và có thể làm cho nhà thơ được an ủi hơn, đỡ đau khổ hơn. Nhưng, nếu Hàn Mạc Tử không “chết lịm đi trong cảm giác mất mát sững sờ” vì nỗi đau tình phụ như nhà văn nữ Trần Thị Huyền Trang ghi nhận trong chương *Những bóng dáng khuynh thi* trong cuốn *Hàn Mạc Tử - thơ và đời* của Lữ Huy Nguyên (tr 268) thì có thể chúng ta đã không được đọc những vần thơ tuyệt tác như:

*Họ đã xa rồi không níu lại
Lòng thương chưa đã mền chưa bura
Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ...*

(Những giọt lệ)

hay:

*Không rên xiết là thơ vô nghĩa lý
Em có chồng mà đành đoạn chia đôi
Xưa thứ gì dính dáng ở đầu môi
Nay trả lại để tôi làm dấu tích...*

(Dấu tích)



Mộng Cầm (1999)

Năm 1961, Mộng Cầm trả lời phóng viên Châu Mộng Kỳ: “Chúng tôi rất mến nhau. Nhưng đó là mối tình văn thơ. Còn xác thịt hoàn toàn không nghĩ tới.” (Trần Thị Huyền Trang trong tập *Hàn Mạc Tử* của Lữ Huy Nguyên, tr 267).

Mộng Cầm cũng tâm sự với tác giả bài viết “Giải mã ‘bí ẩn’ cuộc tình Hàn Mạc Tử & Mộng Cầm” -- người được tiếp chuyện với bà năm 1997 -- rằng giữa bà và Hàn Mạc Tử không có chuyện gì ra ngoài lễ giáo. Ông viết, “Bây giờ người đọc thấy những vần thơ hai người viết cho nhau rất thâm thiết, nhưng thật sự cho đến lúc Hàn Mạc Tử mất, giữa Mộng Cầm và Hàn Mạc Tử không hề có chuyện gần gũi. Thời ấy, mới cầm tay nhau là đã run lắm rồi.” Chúng ta không thể biết hết tất cả sự thật, bởi vì như Nguyễn Đình Niên trong tập luận án về Hàn Mạc Tử của ông đã nói rằng: “Tình ái là phạm vi bí mật nhất, u uẩn nhất của một đời người.....Tình ái là một cuộc yêu dấu, trong đó chỉ có tay đôi, không có và không thể là tay ba. Cho nên, thiết tưởng ta chỉ nên xem những lời chứng của các chứng nhân -- tức là những người thứ ba -- đối với cuộc tình người, cuộc tình thi sĩ, như là những giai thoại, những mẩu chuyện nên thơ, những huyền thoại ở cái mặt ngoài sáng sủa nhất, rõ ràng nhất của chúng...” (tr 128,129). Nhưng, qua những vần thơ để lại, ta có thể đoán được một phần nào những gì đã xảy ra mà người trong cuộc không muốn hay không tiện nói. Tôi không thể tin lời tuyên bố của Mộng Cầm rằng sự quan hệ giữa bà và Hàn Mạc Tử chỉ là mối tình văn thơ. Mối tình văn thơ không thể làm cho thi sĩ bị lụy, rạn rụa nức nở như bài Phan Thiết (Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử trong riêng tư*, tr 41):

*Ôi trời ơi! Là Phan Thiết! Phan Thiết!
Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi
Ta đến nơi Nường ấy vắng lâu rồi
Nghĩa là chết từ muôn trắng thế kỷ
Trăng vàng ngọc, trăng ân tình chưa phí!*

....

*Hỡi Phan Thiết! Phan Thiết!
Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu,
Mi là nơi ta sầu muộn ngất ngư.*

Mối tình văn thơ không thể làm cho thi sĩ nhớ thương thâm thiết đến thân tàn ma dại:

*Nghệ hồi Nghệ, muôn năm sầu thảm
Nhớ thương còn một nắm xương thôi
Thân tàn ma dại đi rồi
Rầu rầu nước mắt bồi bồi ruột gan
.....
Nhớ lắm lúc như si như dại
Nhớ làm sao bãi hoải tay chân
Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều
Dấu đau đớn vì điều phụ rẫy...*

(Muôn năm sầu thảm)

Nếu không có sự gần gũi thì thi nhân không thể kêu rên thảng thốt “nhớ hàm răng, nhớ hàm răng!”

Quách Tấn viết trong cuốn hồi ký, “Mối tình giữa Tử và Mộng Cầm rất đậm đà thâm thiết, ít ra cũng đậm đà thâm thiết về phần Tử”, (tr 60) còn về phía Mộng Cầm thì ông không dám nói vì muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình cho nàng, nhưng câu chuyện yêu đương giữa cô nàng và Hàn Mạc Tử có quá nhiều chứng cứ không thể dấu được. Bích Khê, cậu ruột của Mộng Cầm, đã trả lời câu hỏi của Quách Tấn: Mộng Cầm có yêu Hàn Mạc Tử chẳng như sau:

*Không yêu mà chiều thứ bảy nào, Tử
cũng ra Phan Thiết để cùng Mộng Cầm
đi chơi với nhau cho đến chiều chủ nhật
hôm sau mới vào Sài Gòn. Hai bên giao
tiếp thân mật với nhau ngót hai năm trời
mà nếu không yêu nhau thì chỉ có gỗ đá.
(Lữ Huy Nguyên, tr 269)*

Và đây là lời Quách Tấn nói với một người bạn:

Tôi đã từng đọc thơ Mộng Cầm gởi cho Tử. Nếu anh được xem bức thư nàng gởi cho Tử năm 1936 lúc anh Mộng Châu bị nạn mất ở Phú Yên, chỉ xem một bức ấy thôi, thì anh cũng có thể đo được mức thiết tha của tình yêu đôi bên...Mộng Châu là anh ruột Tử và Mộng Cầm tỏ ý muốn... Thôi nàng đã có chồng rồi, nhắc lại không hay ho gì” (Lữ Huy Nguyên, tr 270).

Bức thư Mộng Cầm gởi cho Tử mà Quách Tấn không muốn nhắc lại thì nhà phê bình Trần Thanh Mại đã kể chi tiết trong cuốn *Hàn Mạc Tử* của ông xuất bản năm 1942. Vũ Hải ghi lại

trong cuốn *Hành trang cho thơ và sự trở lại chính mình của Hàn Mạc Tử*, tr. 55, 56:

Mộng Cầm được Hàn Mạc Tử yêu say đắm và chắc rằng tình yêu của nàng cũng nồng nàn không kém gì thi nhân. Cả hai cùng thể nguyện gắn bó keo sơn. Nàng tự xem mình là vợ chưa cưới của Hàn Mạc Tử. Khi hay tin anh cả của nhà thơ, ông Nguyễn Bá Nhân [thi sĩ Mộng Châu] mất, nàng viết thư xin được để tang, và đây là thư nàng viết cho Hàn Mạc Tử: “Lệ Thanh [một biệt danh của Hàn] anh ơi! Em không thể ra tận ngoài ấy để đưa linh cữu ông anh cả về nơi an nghỉ cuối cùng. Vậy anh cho phép em thành tâm cư tang cho ông anh một năm cũng như anh, nghe anh. Ở trên mấy tầng mây, vong linh ông anh cả nếu có linh thiêng nên nhận người đang cầm bút viết mấy hàng thơ trên đây là người em dâu chắc chắn, nhất định của ông anh rồi. Vậy ông anh nên phù hộ cho chúng em thương nhau đến bạc đầu.

Như Quách Tấn nói chỉ xem một bức thư này thôi thì ai cũng có thể đo được mức thiết tha của tình yêu đôi bên. Chắc năm 1961, 25 năm sau khi Mộng Cầm viết bức thư tình nghĩa kia (1936) thì bà quên rồi mới có thể mạnh dạn trả lời Châu Mộng Kỳ, “Chúng tôi rất mến nhau. Nhưng đó là mối tình văn thơ...” Không những thư của Mộng Cầm nói lên hết tấm lòng của mình mà bút tích của thi sĩ cũng ghi rõ người tình đã phụ mình vì chứng bệnh hiểm ác. Nguyễn Đình niên viết: “Hàn Mạc Tử lật lại những lá thư cũ Mộng Cầm gởi cho chàng, rồi ngoài lề, ngay những chỗ nàng thề thốt chung tình, chàng đánh những dấu hỏi (?) và những dấu cảm thán (!) to tướng. Có chỗ chàng phê: “Lạy trời! Em X đã phụ tôi, khi thấy tôi đau yếu, lâm phải tai nạn, nghĩa là em X đã phạm lời thề thốt trên mảnh giấy này. Tôi lạy trời xóa bỏ lời thề ấy đi, đừng hành phạt em X tôi, tội nghiệp.” (Nguyễn Đình Niên, tr 139.)

Đến năm 1990, 29 năm sau ngày tuyên bố phủ nhận tình yêu đối với Hàn Mạc Tử, Mộng Cầm dường như quên hết sự đời, đã vui vẻ cùng Phạm Xuân Tuyền, tác giả cuốn *Đi tìm chân dung Hàn Mạc Tử*, ngày 18.8.1990, đi thăm lầu Ông Hoàng ở Phú Hải, nơi bà có nhiều kỷ niệm với người yêu đầu đời của mình. Mộng Cầm còn muốn dẫn Phạm Xuân Tuyền đến Mũi Né, vùng biển tình sử, nơi gặp gỡ đầu tiên giữa bà và Hàn Mạc Tử, để tìm lại dấu vết mối tình đầu

của mình với nhà thơ gần 60 năm về trước. Nhưng vì tuổi cao sức yếu đi lại khó khăn nên bà về một sơ đồ tỉ mỉ hướng dẫn Phạm Xuân Tuyền đi tìm lại dấu vết ghi mối tình đầu xa xưa ấy (Phạm Xuân Tuyền, tr 89. Phạm Xuân Tuyền dành 10 trang, 89-99, nói về mối tình Mộng Cầm + Hàn Mạc Tử).

Giờ đây Mộng Cầm mới công khai nhìn nhận câu chuyện tình của mình. Khi thăm lại lầu Ông Hoàng, bà xúc cảm quá đã làm ra những vần thơ:

*Lầu Ông Hoàng đây anh ở đâu?
Hồn xưa đi mất cảnh gieo sầu
Mây mù phủ kín vùng bình địa
Tháp cũ căm hờn cuộc bể dâu
.....
Rời như khói lạnh tro tàn
Tình xưa âu hắt mơ màng chiêm bao
Biệt ly cách trở thương đau
Hình anh, em giữ lắng sâu đáy lòng...*

hay:

*Rời có khi nào trong phút giây
Trăng lên khỏi núi, gió đưa mây
Thì anh nên nhớ người năm nọ
Xưa đã cùng anh sống những ngày...*

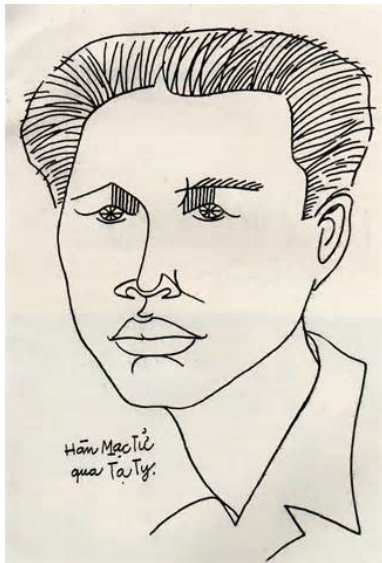
Và Mộng Cầm cũng không dấu diếm rằng mình đã có những ngày yêu đương đắm thắm. Mỗi cuối tuần trong suốt một thời gian hai năm tròn, từ 1934 đến giữa năm 1936, khi bà ra ga xe lửa Phan Thiết đón người yêu Hàn Mạc Tử ở Sài Gòn ra (Phạm Xuân Tuyền tr 99) thì đó là mùa xuân của hai người. Khi đưa tiễn người yêu ở nhà ga trở lại Saigon thì lòng bà phơi phới trông chờ đón người tình vào cuối tuần tới. Mùa xuân của đất trời mỗi năm mới đến một lần nhưng đối với Mộng Cầm thì mỗi lần gặp gỡ người yêu là lòng bà rộn rã như mùa xuân mới:

*Cả năm chỉ có một lần xuân
Nhưng với lòng em xuân mỗi tuần...*
(Chan Chứa, thơ Mộng Cầm)

Theo nhà sưu khảo Phạm Xuân Tuyền (tr 83) thì trước khi đi lấy chồng, Mộng Cầm đã đến thăm nhà thơ lần cuối cùng. Quá đau thương, không kim nén được nên Hàn Mạc Tử thốt lên:

*Nghệ hỡi Nghệ, muôn năm sầu thảm
Nhớ thương còn một nắm xương thôi*
(Muôn Năm sầu thảm – Đau thương)

Nhưng theo bút tích của Nguyễn Bá Tín – em ruột Hàn Mạc Tử -- trong cuốn *Dang Dở Thi Tập* của ông kể lại lần cuối Mộng Cầm đến thăm Hàn Mạc Tử thì nhà thơ có thái độ lạnh lùng. Nguyễn Bá tín ghi: “Buổi hội kiến giữa HMT & MC tại số 20 đường Khải Định năm 1936 thật đơn giản và ngắn ngủi... hình như để cỗi ước cho nhau. Anh Trí ngồi khoanh tay nhìn như người ngoại cuộc.” Có lẽ Hàn Mạc Tử ngần ngại chưa hoàn hồn không biết phải cư xử như thế nào khi đối mặt với người vừa viết bức tâm thư xin được để tang anh mình (năm 1936) mà nay đến gặp mặt xin phép đi lấy chồng!



Cũng xin được đính chính một điều là Mộng Cầm không chờ sau khi Hàn Mạc Tử mất mới

đi lấy chồng như tác giả bài “Giải mã ‘bí ẩn’ cuộc tình Hàn Mạc Tử & Mộng Cầm” kết luận. Nguyễn Bá Tín cho biết sau khi đã lập gia đình, Mộng Cầm thỉnh thoảng vẫn đến thăm. Ông viết trong cuốn *Hàn Mạc Tử trong riêng tư*: “Mộng Cầm tuy giải ước với anh, nhưng vẫn thỉnh thoảng ghé Qui Nhơn thăm anh. Có lần mang cả con theo nữa.” tr 41.

Trước khi chấm dứt bài viết, tôi muốn nói đến một người tình của Hàn Mạc Tử rất dễ thương, rất chung thủy, rất can đảm, dám yêu, dám nói:

*Em đã yêu anh đến đại người
Lòng em ngày tháng dễ nào người
Yêu anh trên hết tình yêu mến
Và sẽ yêu anh suốt một đời*

để những bạn đọc nào chưa có dịp đọc sách của nhà sưu khảo Phạm Xuân Tuyền cũng được biết về người đàn bà kỳ lạ, trên đời có một này là Mai Đình nữ sĩ, tục danh Lê Thị Ngọc Mai. Phạm Xuân Tuyền, trang 84, ghi: “...hiện nay dù đã là bà nội, bà ngoại, sống rất hạnh phúc bên người chồng biết cảm thông, cùng các con trai, con gái đều có địa vị trong xã hội, nhưng người nữ sĩ này vẫn một lòng yêu quý người xưa bằng một bàn thờ có ảnh Hàn Mạc Tử và Kim Cúc với đèn hương hoa quả trang nghiêm sạch sẽ ở tư gia.” Không những bà công khai thờ phượng người mình yêu quý ngày xưa mà còn thờ luôn cả người yêu của người ấy nữa.

Giáo Sư Hoàng Quỳnh Hoa

Tài liệu tham khảo:

1. Bài viết trên mạng với tựa đề “Giải mã ‘bí ẩn’ cuộc tình Hàn Mạc Tử & Mộng Cầm”, không biết tên tác giả
2. Bài viết trên mạng “Mối tình Mộng Cầm và Hàn Mạc Tử...” của Trần Đình Thu
3. Quách Tân, **Đôi nét về Hàn Mạc Tử**, nxb Quê Mẹ, Paris 1988
4. Lữ Huy Nguyên, **Hàn Mạc Tử - thơ và đời**, nxb Văn học, Hà Nội 1995
5. Nguyễn Bá Tín, **Hàn Mạc Tử trong riêng tư**, nxb Hội Nhà Văn 1994
6. Vũ Hải, **Hành trang cho thơ và sự trở lại chính mình của Hàn Mạc Tử**, nxb Đà Nẵng 1996
7. Phạm Xuân Tuyền, **Đi tìm chân dung Hàn Mạc Tử**, nxb Văn học Hà Nội 1997
8. Nguyễn Đình Niên, **Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mạc Tử**, nxb SEACAEF (Southeast Asian Culture and Education), Hoa Kỳ 2009
9. Nguyễn Bá Tín, **Dang Dở Thi Tập**, một tập thơ viết tay

Huyền thoại TTKH và Hai sắc hoa ty gön

Gia Long còn được gọi là trường Áo Tím. Khi chúng tôi vào học thì những tà áo tím đã đi qua. Chúng tôi mặc đồng phục trắng, nhưng mỗi đứa đều cố tạo cho tà áo của mình một sắc thái riêng, khác với áo những đứa bạn. Tôi nhớ mình chọn thứ lụa mỏng, nền vải hơi óng lên một chút, từ trước khi có một theo "Áo lụa Hà Đông" của Nguyên Sa (lúc đó hình như thầy Trần Bích Lan còn ở Pháp chưa về) và tôi luôn luôn là áo thật kỹ trước khi đi học, trẻ cũng mặc. Người Bắc vào học Gia Long là một ngoại lệ. Có lẽ tôi đã âm thầm "giao hoà" Nam Bắc ngay từ thuở ấy và sau này khi viết biên khảo, luôn tìm cách bênh vực miền Nam, khai quật những công trình văn học, lịch sử của miền Nam đã bị các học giả hay chính quyền Bắc "cả vú lấp miệng em" làm sai lạc đi. Nhưng đó là một chuyện khác, không bàn đến ở đây.

Tôi nhớ tà áo trắng và mái tóc huyền mun trên vai Bạch Yến, thời đó là một "tuyệt tác", là niềm hãnh diện khôn cùng của chúng tôi. Yến luôn luôn đi học hơi trễ một chút, đợi mọi người đã xếp hàng sắp chào cò mới nhẹ gót vào trường, đi chéo qua chiếc sân rộng, đến lớp. Mấy ngàn học trò chúng tôi ngược mắt nhìn Yến ngưỡng mộ, thầm phục cái nhấc sắc ấy, mái tóc ấy, làn da ấy, dáng dấp ấy, tất cả đều hoàn mỹ. Đến dịp lễ Hai Bà, Bạch Yến "ngự" trên "ngai" cùng với người đẹp Trung Vương, đóng vai Hai Bà, cỡi voi đi diễn hành khắp phố.

Thời ấy là thời lãng mạn tuyệt vời. Thời ấy chúng tôi đọc thơ T.T.Kh.



Trong những bài thơ tác giả ẩn danh hoặc ký tên nhưng không biết rõ là ai, *Hai sắc hoa ty gön* và TTKh là một huyền thoại lãng mạn đã gây niềm trác ẩn cho nhiều thế hệ yêu thơ.

Câu chuyện bắt đầu ngày 27/9/1937 trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy, số 174 xuất bản tại Hà Nội, có đăng truyện ngắn *Hoa ty gön* của Thanh Châu, nội dung kể lại mối tình tan vỡ của đôi trai gái ngày trước đã hò hẹn dưới giàn hoa ty gön. Ít lâu sau, có người đàn bà trẻ, dáng dấp bé nhỏ, nét mặt u buồn, mang đến tòa soạn Tiểu Thuyết Thứ Bảy một phong bì dán kín, gửi cho ông chủ bút, trong có bài thơ *Hai sắc hoa ty gön*, ký tên TTKh. Bài thơ *Hai sắc hoa ty gön* được đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy số 179, ra ngày 30/10/1937, và sau đó còn ba bài nữa cũng ký tên TTKh được gửi bằng đường bưu điện đến tòa soạn:

Bài thơ thứ nhất, Tiểu Thuyết Thứ Bảy số 182 (20/11/1937)

Đan áo cho chồng, đăng trên Phụ Nữ Thời Đàm,

và *Bài thơ cuối cùng*, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, số 217 (23/7/1938).

Ngay khi *Hai sắc hoa ty gön* ra đời, giới văn nghệ sĩ đã xôn xao, thi sĩ J. Leiba, người cùng

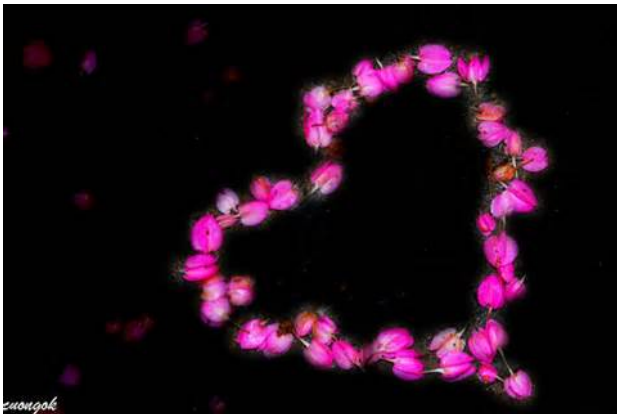
tâm sự với TTKh và là tác giả hai câu thơ nổi tiếng "Người đẹp vẫn thường hay chết yếu. Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai", chép lại nguyên văn bài *Hai sắc hoa ty gôn* trên Ngọ Báo với lời mở đầu:

*Anh chép bài thơ tự trái tim
Của người thiếu phụ lỡ làng duyên
Lời thơ tuyệt vọng ca đau khổ
Yên ủi anh và để tặng em.*

Nguyễn Bính sau khi đọc *Bài thơ thứ nhất* đã viết bài *Dòng dư lệ* để tặng TTKh, in lại trong tập *Lỡ bước sang ngang* và *Thâm Tâm* có ba bài *Màu máu ti gôn*, *Dang dở*, *Gửi TTKh*. Nhiều thế hệ sau còn có những bài thơ khác sụt sùi thương cảm TTKh.

Giọt lệ tương tư mới

Ngoài chuyện thương cảm cho mối tình ngang trái, tại sao bài thơ lại có một tiếng vang mãnh liệt đến thế?



Bởi vì *Hai sắc hoa ty gôn* mở đầu cho một lối lãng mạn khác với lãng mạn Đông Hồ, Tương Phố. Có thể nói *Hai sắc hoa ti gôn* là giọt lệ tương tư mới. Không phải giọt lệ khóc chồng của Tương Phố, khóc vợ của Đông Hồ, mà là giọt lệ khóc cho tình yêu. Hơn thế nữa, khóc người tình ngoài hôn nhân, một đối tượng tự do, phóng khoáng, vượt khỏi khuôn khổ lễ giáo thời bấy giờ. Lần đầu tiên hai chữ *người ấy* được chính thức đưa vào thi ca. Sau này nó sẽ trở thành "cổ điển", trở thành ngôn ngữ gối đầu giường của giới trẻ trong nhiều thế hệ:

*Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đương.*

*Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng
Dải đường xa vút bóng chiều phong,
Và phương trời thăm mờ sương, cát,
Tay vít dây hoa trắng chạnh lòng.*

*Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thở dài trong lúc thấy tôi vui,
Bảo rằng: "Hoa, đáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi!"*

*Thuở ấy, nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan tác của sinh ly,
Cho nên cười đáp: "Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy."*

*Đâu biết lần đi một lỡ làng,
Dưới trời đau khổ chết yêu đương.
Người xa xăm quá! - Tôi buồn lắm,
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường...*

*Từ đây, thu rồi, thu lại thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ...
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.*

*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tim bóng "một người".*

*Buồn quá! hôm nay xem tiểu thuyết
Thấy ai cũng ví cánh hoa xưa
Nhưng hồng tựa trái tim tan vỡ.
Và đỏ như màu máu thấm pha!*

*Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
Một mùa thu trước rất xa xôi...
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã,
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi!*

*Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,
Chiều thu, hoa đỏ rụng chiều thu
Gió về lạnh lẽo chân mây vắng,
Người ấy ngang sông đứng ngóng đò.*

*Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?
Có thăm nghĩ tới loài hoa... vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng?*

Người ấy

Trong văn xuôi Việt Nam, tại miền Nam, hai chữ *người ấy* đã được Nguyễn Trọng Quản dùng để chỉ người tình trong truyện ngắn *Thầy Lazaro Phiên* từ 1887, truyện ngắn đầu tiên của Việt Nam viết theo lối Tây phương. Vậy Nguyễn Trọng Quản là người đầu tiên đưa danh từ *Người ấy* vào trong văn Việt và Thanh Châu xướng lên hình ảnh *hoa ty gôn* trong một truyện ngắn, đăng trước bài thơ của TTKh một tháng, trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*.

Nhưng TTKh chính là người đầu tiên sử dụng hai chữ "người ấy" và hình ảnh "hoa ty gôn" vào thơ, như một hình tượng nghệ thuật mơ hồ và phiếm định về người tình và cuộc tình tan vỡ.



Về mặt tâm lý xã hội, những người đàn bà có chồng thời 1936-37, mấy ai dám nói đến người tình một cách công khai? TTKh đã viết nên những lời tâm sự của bao nhiêu người đàn bà cùng cảnh ngộ ngang trái, sống trong xã hội Khổng Mạnh đầu thế kỷ:

*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tim bóng "một người".*

TTKh là ai?

Trong *Bài thơ thứ nhất*, in sau *Hai sắc hoa ty gôn* hai tháng, có những yếu tố xác định rõ hơn về cuộc tình này:

*Ở lại vườn Thanh có một mình
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh
Yêu trăng lặng lẽ rơi trên áo
Yêu bóng chim xa nắng lướt mảnh.*

Và nhất là hai câu cuối:

Biết đâu tôi một tâm hồn héo

Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi.

Vườn Thanh và *chồng nghiêm* là hai yếu tố gây tranh luận về nơi xảy ra cuộc tình và tên người chồng. *Vườn Thanh* ở đâu? Có phải ở Thanh Hóa không? Và người chồng của TTKh tên là gì? Có phải là *Nghiêm* không?

Đến bài thơ thứ ba, bài *Đan áo cho chồng*, lời thơ xa xót đầy nước mắt:

*Ngoài trời mưa gió xô xao
Ai đem khóa chết chim vào lồng nghiêm
Ai đem lễ giáo giam em
Sống hờ trợn kiếp trong duyên trái đời.*

Và *Bài thơ cuối cùng* có những câu gần như khó hiểu:

*Trách ai mang cánh "ti gôn" ấy
Mà viết tình em được ích gì?*

Bởi nếu TTKh là người đem chuyện của mình ra viết thành thơ, thì tại sao nàng lại *trách ai*? Vậy *ai* đây là ai? Nàng trách chính nàng hay nàng trách người yêu? Nhất là đoạn sau, lời hờn giận càng thêm gay gắt:

*Là giết đời nhau đây biết không?
Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung
Giận anh em viết dòng dư lệ
Là chút dư hương điệu cuối cùng.*

Tất cả những trách móc u uẩn này với nhịp điệu du dương, lời thơ tha thiết, gần bó, *làm cho toàn bộ tác phẩm trở thành huyền thoại*

Nếu so sánh 4 bài thơ ký tên TTKh và 3 bài "trả lời" của *Thâm Tâm* in trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* sau đó, ta có thể mở nắp cửa đầu tiên vào những bí ẩn này. Bài *Gửi TTKH* của *Thâm Tâm* có những câu sau đây:

...
*Tiếng xe trong vết bụi hồng
Nàng đi thuở ấy nhưng trong khói mờ
Tiếng xe trong xác pháo xưa,
Nàng đi có bốn bài thơ trở về
Tiếng xe mở lối vu qui
Nay là tiếng khóc nàng chia cuộc đời!
Miệng chồng, Khánh gắn trên môi
Hình anh, mắt Khánh sáng ngời còn mơ.
Từ ngày đàn chia đường tơ
Sao tôi không biết hững hờ nàng đan
Kéo dài một chiếc áo len
Tơ càng đứt mối, nàng càng nói dây.
Nàng còn gỡ mãi trên tay,*

*Thì tơ duyên mới đã thay hắc màu.
Góp hai thứ tóc đôi đầu,
Sao còn đan nối những câu tâm tình?
Khánh ơi còn hỏi gì anh?
Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng."*

Thâm Tâm nhắc đến người yêu tên Khánh. Vậy TTKh là gì? Có phải là những chữ Thâm Tâm - Khánh, viết tắt? Hay là Tuấn Trình - Khánh (Thâm Tâm tên thật là Nguyễn Tuấn Trình). Hay TTKh là Trần Thị Khánh, người yêu của Thâm Tâm?

Có thể nói hầu hết những nhà biên khảo từ Hoài Thanh, Hoài Chân, trong *Thi Nhân Việt Nam* (1940), Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* (1965), Nguyễn Hữu Long, Nguyễn Tấn Trọng trong *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến* (1968) ... và sau này trong *Tuyển Tập Thơ Mới 1932-1945 Tác Giả và Tác Phẩm* do Lại Nguyên Ân và Ý Nhi tập hợp phát hành năm 1992. Tất cả đều đánh dấu hỏi về TTKh.



Lập luận của Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng

Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng là hai nhà biên khảo đầu tiên có ý tìm hiểu kỹ nhất về cái mà hai ông gọi là "*Nghi án TTKH và Thâm Tâm*". Trong bộ *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến*, hai ông đưa ra những nhân chứng và những giả thuyết đã xuất hiện trên văn đàn từ 1938 đến 68 của Giang Tử, Thạch Hồ, Y Châu, Nguyễn Bá Thế, Lê Công Tâm, Anh Đào. Người thì cho rằng TTKh chính là Thâm Tâm. Người lại quả quyết TTKh là Trần Thị Khánh, người yêu của Thâm Tâm.

Giang Tử thuật lại cuộc gặp gỡ với nhà thơ Tế Hanh, tháng 11/1944 trên chuyến xe đi Quảng Ngãi: "*Tế Hanh cho biết TTKh chính là Trần Thị Khánh, người em gái đồng tông với mình ở Thanh Hoá và kể rõ thiên tình hận của nàng và thi sĩ Thâm Tâm*". Giả thuyết này không vững vì Tế Hanh không phải người Thanh Hoá, và Quảng Ngãi và vườn Thanh trong thơ không chắc đã là Thanh Hoá. Thạch Hồ và Y Châu đều cho biết: TTKh là nhân vật có thật, đã đi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm Tâm ở Khâm Thiên, lúc ông này ở chung với Nguyễn Bính và Trần Huyền Trân. Giả thuyết này phù hợp với lời tường thuật của Nguyễn Vũ về sau. Nguyễn Bá Thế, tức nhà văn Thế Nguyên xác định: TTKh chính là nhà văn Thâm Thệ Hà, tên thật Tạ Thành Kinh. TT là Tạ Thành còn K và H là chữ Kinh viết tắt. Việc này bị Thâm Thệ Hà phủ định hoàn toàn.

Nhưng có ba giả thuyết đáng chú ý:

- Trên tạp chí Giáo Dục Phổ Thông số 49 ra ngày 1/11/1959 tại Sài Gòn, Lê Công Tâm cho biết: TTKh chính là thi sĩ Thâm Tâm, người đã dàn cảnh một thiếu phụ bị ép duyên, khóc tình dang dở bằng những bài thơ *Hai sắc hoa ty gôn* và *Bài thơ thứ nhất*.
- Trên báo Sống ra ngày 15/4/1967,

Nguyễn Tô xác định đã sống chung với Thâm Tâm năm 1936, cùng với Trần Huyền Trân, Vũ Trọng Can. Thâm Tâm có mấy bài thơ ký tên TTKh như bài *Hai sắc hoa ty gôn*. Lúc đó Khánh là người mà Thâm Tâm yêu say đắm, Khánh đi lấy chồng, Thâm Tâm đau khổ gần như phát điên. Lũ chúng tôi vừa giễu cợt, vừa khuyên lơn. Chính trong thời gian thất tình, Thâm Tâm viết được mấy bài thơ ký tên TTKh

- Nhưng trong báo Nhân Loại, bộ mới số 108 ra tháng 7 năm 1958 tại Sài Gòn, Anh Đào lại đưa ra một thoại mới: Năm 1941, trong một đêm thu lạnh lẽo, ông được ngồi giữa hai nhà thơ Nguyễn Bính và Thâm Tâm bên một bàn đèn thuốc phiện và chính ông được nghe Thâm Tâm tâm sự: TTKh. là tên một thiếu phụ mà trước kia tôi yêu. Và Thâm Tâm xác định những bài thơ đăng trên báo là của *nàng*, và ông Anh Đào kết luận rằng Thâm Tâm xứng đáng là "người ấy" của TTKh.

Sau khi đưa ra các luận chứng và giả thuyết trên đây, Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng, tác giả *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến*, kết luận đại ý: TTKh. không thể là sản phẩm tưởng tượng của Thâm Tâm vì đó là nỗi lòng tha thiết của một người. Với những vần thơ lâm ly như thế thì người khác không thể viết thay được. Vậy Thâm Tâm là Thâm Tâm và TTKh là TTKh. Hai người có thể là đôi tri kỷ nhưng không thể cùng là một người. Các tác giả *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến* muốn đóng hồ sơ nghi án trên một huyền thoại.

Sự xác định của Nguyễn Vỹ

Nguyễn Vỹ là một trong những nhà thơ tiên phong trong phong trào Thơ Mới. Sau Phan Khôi, Nguyễn Vỹ cùng với Lưu Trọng Lư, Nguyễn Thị Manh Manh, Thế Lữ... đã phát triển phong trào Thơ Mới. Nguyễn Vỹ và Mộng Sơn lập trường phái Bạch Nga, chú trọng cách tân thơ, chú trọng đến khía cạnh âm nhạc và hình thức xếp chữ trong thơ. Trường phái Bạch Nga bị Thế Lữ và Hoài Thanh đả kích kịch liệt, thơ Nguyễn Vỹ không được tiếp nhận đúng mức. Năm 1970, khi Nguyễn Vỹ xuất bản cuốn *Văn Thi Sĩ Tiền Chiến* tại Sài Gòn, không những ông đã vẽ lại chân dung 35 nhà văn, nhà thơ tiên chiến, trong không khí văn học nửa đầu thế kỷ XX, mà ông còn đưa sự thực về Thâm Tâm và TTKh ra ánh sáng.

Sau hơn 30 năm im lặng, 1970, một năm trước khi mất, Nguyễn Vỹ đã công bố những lời tâm sự của Thâm Tâm, 22 năm sau khi Thâm Tâm qua đời, trong bài viết *Thâm Tâm và sự thật về TTKh* mà chúng tôi xin lược trình lại sau đây:

Năm 1936- 37, xuất hiện ở phố Chợ Hôm, ngoại ô Hà Nội, một nhóm văn sĩ trẻ với bút hiệu Trần Huyền Trân, Thâm Tâm và một vài người nữa. Ít ai để ý đến họ. Huyền Trân và Thâm Tâm đều mới 18, 19 tuổi. Họ có một tờ tuần báo nhỏ, tên là Bắc Hà ở phố Chợ Hôm. Chủ động trên tờ báo là Trần Huyền Trân. Báo Bắc Hà bán không chạy lắm, tuy có vài mục hài hước, vui, nhờ mấy bức vẽ của Tuấn Trình, sau lấy bút hiệu Thâm Tâm. Tuấn Trình vẽ nhiều hơn viết, thỉnh thoảng đăng một bài thơ, vài mẫu truyện ngắn. Đôi khi báo in vài bài thơ có tính cách ca dao, ái tình của Nguyễn Bính, học sinh lớp nhất trường tiểu học Hà Đông. Nguyễn Bính thi rớt, nghỉ học luôn.

Tôi -tức Nguyễn Vỹ- tuy không chơi thân, nhưng quen biết Trần Huyền Trân khá nhiều, anh ta ở trọ một căn nhà trong ngõ Khâm Thiên. Tôi ở một gác trọ đường Khâm Thiên, gần Ô Chợ Dừa. Đôi khi Trần Huyền Trân nhờ tôi viết bài cho tuần báo Bắc Hà "cho vui" vì không có tiền nhuận bút. Tôi quen Tuấn Trình là do Trần Huyền Trân giới thiệu. Nhà anh ở Chợ Hôm. Anh đẹp trai, y phục bảnh bao, người có phong độ hào hoa, lịch thiệp.

Một buổi chiều gần tối, Tuấn Trình đi lang thang gần chợ Khâm Thiên. Tôi từ Hà Nội về nhà, tôi tưởng anh đến Trần Huyền Trân, nhưng anh bảo: Thằng Huyền Trân nó đi đâu, không có nhà. Tôi rủ anh về gác trọ của tôi ở cuối phố. Hôm ấy, tôi có vài chục bạc, có thể làm một tiệc bánh giò chả lụa với Tuấn Trình. Tôi bảo anh ở lại ngủ với tôi cho vui. Đêm ấy cao hứng, Tuấn Trình ngà ngà say rượu Văn Điển, kể chuyện tình của anh với cô Khánh cho tôi nghe.



Trần Thị Khánh là một cô học trò lớp nhất trường tiểu học Sinh Từ. Thi hỏng, cô ở nhà giúp mẹ làm việc nội trợ. Nhà cô cũng ở đường Sinh Từ, ngay cạnh Thanh Giám, nơi đền thờ Không Tử (tức là Văn Miếu hay Quốc Tử Giám). Vào Thanh Giám có cổng tam quan lớn, trước cổng có tấm bia đề hai chữ Hán "Hạ mã" và hai trụ cao. Trong vườn trồng rất nhiều cây cổ thụ và các cây kiểng, nơi đây rất yên tĩnh và mát mẻ, cũng là nơi các cặp trai gái hẹn hò tâm sự. Trước kia có một bầy quạ chiều tối bay về đây ngủ, cho

nên người Pháp cũng gọi là Pagode des corbeaux (chùa quạ) ngoài danh từ lịch sử Temple de Confucius (đền Khổng Tử).

Cô nữ sinh Trần Thị Khánh là một thiếu nữ đẹp. Tuấn Trình có người cô ở phố Chợ Cửa Nam, gần Sinh Từ. Anh thường đến đây thăm cô và trông thấy Khánh đi chợ mỗi buổi sáng. Lúc ấy vào khoảng tháng 2 năm 1936, họa sĩ Tuấn Trình mới 19 tuổi, và Khánh 17 tuổi. Tuấn Trình mới bắt đầu vẽ và viết chút ít trong tờ tuần báo Bắc Hà của Trần Huyền Trân vừa xuất hiện. Sau một vài tháng theo dõi, Tuấn Trình làm quen được với Khánh và gửi báo Bắc Hà tặng cô. Cô gái 17 tuổi, cảm mến người nghệ sĩ tài hoa, tình yêu chớm nở như cành hoa Antigone trắng cũng vừa chớm nở đầu hè trước sân nhà Khánh.

Antigone là loại hoa của người Pháp đem qua hồi đầu thế kỷ, không thơm nhưng đẹp. Nó là loại hoa dây, lá giống như lá nho, cho nên ở miền Nam nhiều người gọi là hoa nho. Có hai loại: hoa trắng và hoa hồng. Hoa nở vào đầu mùa hè thành những chùm rất dễ thương, nụ hoa giống hình trái tim nho nhỏ. Ở Hà Nội người ta trồng rất nhiều và bán cũng rất nhiều ở chợ Đồng Xuân, cũng như ở Chợ Hoa, bờ hồ Hoàn Kiếm. Cắm vào lọ để phòng khách, hoa buông ra một vẻ lãng mạn, khả ái lắm. Người Bắc gọi tất là hoa ty gôn. Ở phố Sinh Từ, Antigone mọc rất nhiều, như trước sân nhà ông Nguyễn Văn Vĩnh và Nguyễn Nhược Pháp. Nhà trọ của Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều ở phố Hàm Long có cả một giàn hoa trắng và hồng. Nhưng mùa đông lá rụng, hoa tàn thì không cảnh nào tiêu sơ quanh quẽ bằng.

Tình yêu của Tuấn Trình và Trần Thị Khánh chớm nở lúc những chùm hoa Antigone vừa hé nụ, và chết giữa mùa đông năm đó, trong lúc giàn hoa ty gôn úa tàn, rụng ngập đầy sân. Thời kỳ mơ mộng ngẩn ngui trong mấy tháng hè, sang hết mùa thu, không đem lại chút thỏa mãn nào cho tâm hồn khao khát của Tuấn Trình. Chính lúc này Tuấn Trình lấy bút hiệu là Thâm Tâm. Một vài bài thơ tình thức đêm làm tặng cô Khánh. Những bài thơ đầu tiên đăng trên tuần báo Bắc Hà đều ký Thâm Tâm, nhưng các tranh vẽ trong báo vẫn ký Tuấn Trình. Nhưng cô gái 17 tuổi, dè dặt, theo lễ giáo của gia đình, chưa thật bao giờ đáp ứng đúng tình yêu tha thiết của Tuấn Trình Thâm Tâm.

Trong lúc những cặp tình nhân trẻ trung dạt nhau đi du ngoạn khắp nơi thơ mộng ở Hà Nội và ngoại ô, thì Trần Thị Khánh phải từ chối những lời mời của Thâm Tâm, cô thường nói: "Thầy mẹ em *nghiêm* lắm, gia đình em *nghiêm* lắm." Lần nào Khánh cũng lặp lại chữ *nghiêm* gia giáo ấy để trả lời kỳ vọng khát khao của người yêu.

Chỉ được hai lần Khánh đến nơi hẹn, nhưng không được lâu. Lần thứ nhất, một đêm trăng, Khánh lên bằng qua đường vào vườn Thanh Giám. Tuấn Trình đã chờ người yêu nơi đây, dưới bóng cổ thụ. Nhưng cả hai cũng không nói được gì, Khánh run sợ. Tuấn Trình bối rối, tất cả những lời lẽ bay bướm đã sắp sẵn, bây giờ quên hết. Cuối cùng lại trách móc nhau vì những chữ "*Thầy mẹ em nghiêm lắm*", rồi Khánh cũng vội vã chạy về nhà. Lần thứ hai, vườn Thanh Giám đêm ấy cũng ngập ánh trăng thu. Nhiều người nói Thanh là Thanh Hóa, là hoàn toàn sai sự thật. Nhưng thái độ của Khánh lạ lùng, khó hiểu. Hình như Khánh muốn nói với Tuấn Trình một điều gì, nhưng ngại ngùng không nói. Rồi nàng buồn bã hỏi: "*Anh định bao giờ đến xin thầy mẹ cho chúng mình?*" Chàng họa sĩ bối rối trước câu hỏi bất ngờ, lo lắng bảo: "*Anh chưa nghĩ đến việc ấy, vì...*" Câu chuyện bị bỏ dở nơi đây cho đến khi từ giã. Hai người vẫn thư từ với nhau cho đến một hôm... Tuấn Trình nhận được bức thư của người yêu, không, của người đã hết yêu, báo tin nàng sắp lấy chồng.

Thư viết bằng mực tím, trên bốn trang giấy học trò, xé trong một quyển vở Nam Phương Hoàng hậu (loại vở học trò rất thông dụng lúc bấy giờ). Đại khái trong thư Khánh nhắc lại tình yêu "thơ mộng" của cô với "người nghệ sĩ tài hoa son trẻ", đó là những chữ cô dùng trong thư. Tình yêu rất đẹp, nhưng vì thầy mẹ của cô rất "*nghiêm*" theo lễ giáo, nên dù vị hôn phu của cô là một người chỉ mới biết sơ thôi nhưng cô vẫn có "*bốn phận phải giữ tròn chữ hiếu*", cô than thở đời cô khổ nên tình duyên ngang trái, cô khóc suốt đêm, v.v... Cuối thư ký tắt Kh.

Tuy Khánh không viết gì về vị hôn phu và ngày cưới, nhưng sau dò hỏi, Tuấn Trình được biết chồng Khánh là một nhà buôn giàu có ở phố Hàng Ngang, 39 tuổi, đẹp trai, góa vợ, không con. (Câu thơ «Bên cạnh chồng

nghiêm luống tuổi» rồi là chỉ sự cách biệt tương đối giữa tuổi 39 của người chồng và tuổi vị thành niên của Khánh). Tiệc cưới rất linh đình, rước dâu bằng 10 chiếc Citroën mới. Cô dâu đeo nữ trang rực rỡ, mặc chiếc áo màu đỏ tươi, lồng lẩy ngồi cạnh người chồng mặc áo gấm xanh. Đêm trước hôn Khánh lên xe hoa, Thâm Tâm tổ chức tại tòa báo Bắc Hà một tiệc thịt chó, uống Mai quế lộ, mời Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính và Vũ Trọng Can tham dự. Họ say sưa ngâm thơ, làm thơ, cười đùa cho đến khuya rồi lăn ra ngủ trên đất.

Trái với mọi dự đoán, Khánh rất hạnh phúc với chồng. Người đau khổ là Tuấn Trình Thâm Tâm. Vừa nhớ thương đơn phận, vừa bị mặc cảm của người nghệ sĩ nghèo bị người yêu bỏ rơi, lại còn bị mấy thằng bạn chê nhạo, đùa bỡn, nhất là Vũ Trọng Can.

Vì một chút tự ái văn nghệ, Tuấn Trình đã thức suốt đêm, theo lời anh thuật lại, để làm bài thơ *Hai sắc hoa ty gôn*, ký tên TTKh, với thâm ý cho Trần Huyền Trân và Vũ Trọng Can tin là của Khánh làm ra để thương tiếc mối tình tan vỡ. Muốn giữ tính cách bí mật, Tuấn Trình nhờ cô em họ chép lại bài thơ, dán kín bao thơ và nhờ cô này mang thư đến tòa báo.

Tất nhiên là giọng thơ lãng mạn của Tuấn Trình hoàn toàn khác với lời tâm sự trong bức thư cuối cùng của Khánh báo tin sắp lấy chồng. Cô Khánh không biết làm thơ. Và theo lời Tuấn Trình, cô ghét những bài thơ của Thâm Tâm. Sau khi nhận được bức thư cuối cùng của Khánh, trong thư Khánh tỏ ý không bằng lòng Tuấn Trình đã mượn tên cô để làm thơ kể chuyện tình duyên cũ trên báo, có thể làm hại đến cuộc đời của cô. Trong lá thư phản đối đó, Khánh xưng tôi chứ không xưng em nữa. Thâm Tâm lấy lại những lời, những chữ trách móc

giận dữ của Khánh trong thư để làm *Bài thơ cuối cùng* ký tên TTKh, với những câu:

*Trách ai mang cánh “ti gôn” ấy
Mà viết tình em được ích gì?*

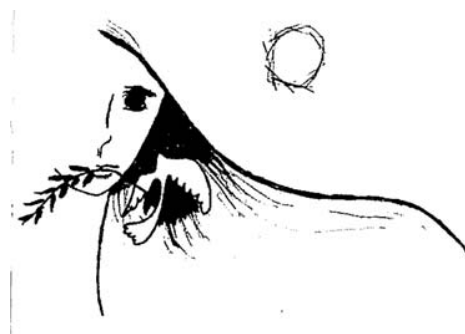
*Bài thơ đan áo nay rao bán
Cho khắp người đời thóc mách xem.
Là giết đời nhau đấy biết không?
Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung
Giận anh em viết dòng dư lệ
Là chút dư hương điệu cuối cùng.
Từ nay anh hãy bán thơ anh
Còn để yên tôi với một mình*

Rồi để đáp lại *Bài thơ cuối cùng*, Thâm Tâm làm bài *Dang dở* tặng TTKh, cũng là bài thơ kết thúc niềm đau của mối tình dang dở:

*Nhưng anh biết cái gì xưa đã chết,
Anh càng buồn càng muốn kết thành
thơ,
Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,
Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.*

Huyền thoại *Hai sắc hoa ty gôn*, sở dĩ được những tên tuổi nổi tiếng của thi ca đương thời phụ họa và đứng vững lâu dài trong lòng người đọc, bởi nó chở những đớn đau chân thực của một người tình, dù viết dưới bàn tay trá hình của Thâm Tâm. Và cũng nhờ tài năng của Thâm Tâm mà chúng ta có được hai hình tượng mới: *người ấy* và *hoa ty gôn*. Tính mơ hồ bóng gió của *người ấy* và cái chết thảm khốc của *Antigone* ẩn trong một chùm hoa nhỏ, xinh như mộng, càng làm tăng thêm chất bí ẩn thâm lạnh của tình yêu, liệm thêm sự bí mật của những chữ TTKH.

Thụy Khuê



NÓI VỚI ANH

Năm đó em đang học năm đệ nhị, nhỏ bạn cùng lớp rủ em tham gia đoàn văn nghệ sinh viên. Mỗi cuối tuần trong khuôn viên trường Quốc Gia Âm Nhạc em tập hát, tập múa.



Ở đó em đã gặp anh, anh nói giọng Bắc có pha chút âm hưởng Huế, anh đàn piano, anh đàn guitar, anh hát nhạc tình. Em ngỡ ngàng, lạc lõng trong chiếc áo dài trắng giữa các anh chị sinh viên lịch lãm ăn mặc hợp thời trang. Em quý mến kính phục anh như một người anh em chưa bao giờ có. Những buổi chiều em không phải đi học thêm anh đến nhà thăm em, anh ngồi nói chuyện suốt buổi chiều cho đến khi trời tối, anh nói với em về tình hình đất nước, về cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn. Nghe em nói chuyện "xuông đường" anh khuyên em đừng để người lớn dùng chiêu bài yêu nước lợi dụng tuổi trẻ đầy nhiệt huyết. Anh học Y khoa, anh say sưa nói về ước vọng cứu người giúp đời, làm dịu nỗi

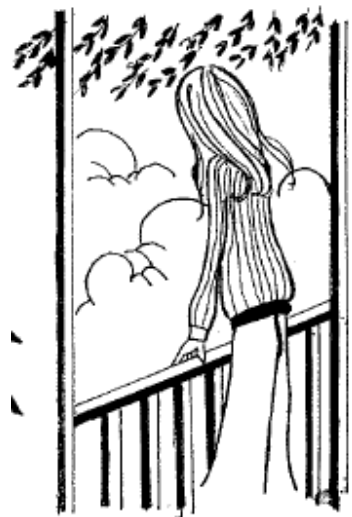
đau nhân loại. Em mở tròn mắt nhìn anh. Sao anh bận khoản nhiều vậy, sao anh suy tư nhiều quá. Sao anh không sống như những người bạn em, như những anh chị sinh viên em quen biết, họ vô tư đi dạo phố cuối tuần, đi nghe nhạc uống cà phê, đi bal de famille quay cuồng theo điệu nhạc thâu đêm suốt sáng...

Buổi tối làm Văn Nghệ ở sảnh đường Viện Quốc Gia Âm Nhạc, em nhìn lên sân khấu nghe anh hát "Con Đường Cái Quan" em bỗng nhận ra mình đang khóc. Nỗi xúc động chân thành dào dạt trào dâng từ trái tim chưa một lần biết rung động. Sau khi trình diễn, anh đứng nói chuyện với em ở hành lang sân thượng, gió mát dịu dịu thổi mang theo mùi hoa Dạ Lý Hương nồng nàn, mùi Dạ Lý Hương kỷ niệm em mang theo mãi mãi trong những năm tháng sau này. Anh lại nói về những mơ mộng xa xăm, những khắc khoải về thời cuộc, những ý nghĩ vờ vụn, những câu chuyện không đầu không đuôi. Em đứng bên anh, thật gần mà sao thấy xa xôi, một nửa khuôn mặt anh chìm trong bóng tối, tim em bỗng đập thật nhanh trong một thoáng ước ao anh sẽ cầm lấy tay em.

Em trở về khung trời nhỏ bé của em, với bài vở với bạn bè hồn nhiên đùa giỡn, với những trang nhật ký viết dở dang, với thế giới tình yêu của Chu Tử, Mai Thảo, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Thị Hoàng. Anh vẫn đến thăm em, đều đặn, thủy chung, cả đến ngày mùng một

Tết, anh là người khách đầu tiên "xông đất" nhà em, và anh ở lại suốt ngày mùng một nói chuyện với em, hoặc giúp mẹ những việc nhỏ nhặt trong nhà. Em cảm thấy bình yên, hạnh phúc, mặc dù em không định nghĩa được tình cảm của anh đối với em và em cũng không dám bày tỏ tình cảm của mình.

Rất nhiều những lần em cùng anh đi làm công tác từ thiện, anh đứng trên chiếc GMC phân phối quà cứu trợ, em thấy anh cao lớn, vững chãi và tự tin quá. Khi đến thăm cô nhi viện ánh mắt anh dịu dàng, triu mến nhìn em khi em bỗng em bé mồ côi trên tay, mình nhìn nhau cười, nụ cười như nói lên muôn ngàn lời thương mến. Lời thương mến cho em, cho anh hay cho đứa bé bất hạnh trên tay em?



Em rời trường Gia Long, vào đại học, anh vẫn tiếp tục đến thăm em, vẫn tiếp tục theo đuổi lý tưởng phục vụ nhân sinh, anh chưa một lần xác nhận tình cảm anh với em.

Những đứa bạn em nói chuyện về người yêu của nó, em nói chuyện về anh, nhưng không biết phải trả lời sao khi bị chất vấn "anh là người yêu của mi hả"... Anh không đưa em đi dạo phố, đi ăn, đi xem phim như những người yêu của bạn em. Anh không biết là em từ chối tình cảm của những người con trai khác để chờ anh ngỏ lời.

Mùa hè đỏ lửa, anh vào quân ngũ, anh ra trường làm bác sĩ

quân y, anh không còn liên lạc với em. Em không hiểu vì sao. Em quay quắt nhớ thương anh nhưng kiêu hãnh ngất trời và tự ái cao như trái núi đã ngăn em đi tìm anh. Em đi lấy chồng, xếp vào lòng những kỷ niệm thời con gái.

Thời thế đảo điên, em lao vào cuộc mưu sinh để tồn tại như bao người đàn bà Việt Nam khác. Em nghe tin anh gục ngã vì bản tính khảng khái, không chịu khuất phục đầu hàng. Em

âm thầm khóc thương anh, khóc cho vận nước, khóc cho quê hương Việt Nam đã mất đi một người con ưu tú.

Anh, cho đến bây giờ, em vẫn chưa đặt tên được cho tình cảm của anh đối với em. Hôm nay em xin thắp nén hương lòng tưởng nhớ anh, xin cho em được nói với anh một lần, anh là mối tình đầu không trọn của em.

Minh Sơn GL 71



Cái Duyên Quan Họ

Dấu đi một nửa nụ cười,

Chỉ khoe một nửa...

cho người lao đao

Hé ra một góc gém đào,

Hương đời tuyết trắng ủ sau lụa mềm...

Mi cong

rũ nhẹ

làm duyên

Nửa đời mắt liếc

làm phiền nhân gian.....

Thanh Bình - GL 75



NGƯỜI DÂN SÀI GÒN ĂN TẾT QUÝ TỶ 2013 RA SAO?

Khác với mọi năm, năm nay Tết Quý Tỵ đến với người dân Sài Gòn một cách âm thầm, lặng lẽ... Đường phố với những ngày cuối năm vẫn nhộn nhịp nhưng là cái nhộn nhịp của đời thường. Mọi năm, từ đầu tháng Chạp, bước chân ra đường trong bầu không khí se lạnh, người dân đã có cảm giác một mùa Xuân mới sắp về, đang về. Năm nay, thời tiết thay đổi đột ngột, mưa nắng thất thường, nên hoa mai – biểu tượng của Tết – nở rất sớm. Do đó, những ngày cuối năm mai đở về rất ít, khắp các ngã đường mọi năm, lan, cúc, thược dược, mận đình hồng, hướng dương... đua nhau khoe sắc thì năm nay cũng về chậm và tương đối không nhiều.

Và nói về Tết ở Sài Gòn thì mọi người đều nghĩ ngay đến chợ hoa Nguyễn Huệ. Nó là biểu tượng không thể nào quên nếu ai đó đã sống và hưởng ít nhất một cái Tết ở đây. Nơi đây là cả một rừng hoa, rừng người; người và hoa, đất và trời hoà quyện vào nhau làm một, sự giao hoà đến độ thăng hoa giữa “thiên thời, địa lợi, nhân hoà” mà không một giá trị vật chất nào, tiền của nào có thể dàn dựng được cảnh quan ấy, không khí Tết dân tộc truyền thống đẹp đẽ ấy. Chợ hoa Nguyễn Huệ sở dĩ tồn tại vì đó là nơi lý tưởng để thưởng ngoạn hội hoa, đi dạo chợ hoa Tết không những là một nét văn hoá của người dân Saigon mà còn dành cho khách du lịch trong và ngoài nước thưởng ngoạn. Sau này cho Chợ hoa được chuyển về Công viên 23-9 là ga xe lửa Sài Gòn trước đây, và con đường Nguyễn Huệ mỗi dịp Xuân về lại mang tên mới là Đường Hoa Nguyễn Huệ. Đương nhiên, Đường hoa được kết bằng hàng trăm loại hoa đẹp, tiêu biểu, độc đáo và gắn với những hoạt động xã hội. Năm nay là năm thứ mười kỷ niệm Đường hoa Nguyễn Huệ nên việc xây dựng rất công phu và hoành tráng. Chủ đề của Đường hoa năm nay là “Trái tim Việt Nam” với các phân đoạn: Xuân trên cao /Xuân đồng bằng /Xuân biển đảo. Ban Tổ Chức đã rất thành công khi đưa làng quê Việt Nam vào Đường Hoa để khơi gợi ký ức của người dân về cội nguồn, quê hương, đất nước.

Tối 28 Tết, dạo quanh Đường hoa Nguyễn Huệ sẽ thấy không khí tung bừng nhộn nhịp, muôn hoa khoe sắc giữa một không gian khoáng đạt.



Những công chào to lớn rực rỡ, những con Rắn-biểu tượng năm Quý Tỵ, quần lầy nhau thành hình trái tim, những con thú kết bằng hoa một cách công phu tỉ mỉ, những khu nhà sàn, những cánh đồng lúa xanh tươi... Trên cao, hàng ngàn, hàng vạn ngọn đèn đủ màu sắc kết thành những cung đường hoa lung linh, diễm ảo. Những chiếc áo dài, những chiếc nón lá, những đoá sen hồng... tất cả đã tạo nên một khung cảnh vô cùng lộng lẫy. Khách du xuân được đắm chìm trong khung cảnh thơ mộng khiến họ thích thú, ngỡ mình như lạc vào cõi thần tiên mà quên đi phần nào nỗi muộn phiền của cuộc sống.

Ở hội Hoa Xuân Tao Đàn, ngoài việc trưng bày, giới thiệu các loài hoa lạ đẹp, thú quý, cá kiểng còn có những cuộc thi tay nghề, cắm hoa, kết thú, bày mâm cỗ rất công phu và đầy sáng tạo.



Nhiều hình thức thể hiện khác nhau hoạt động mừng Xuân, triển lãm bộ sưu tập trang phục các dân tộc Việt Nam, các tác phẩm đoạt giải các hội thi chim, hoa, cá kiểng...Nhưng nhìn chung

người dân Sài Gòn có vẻ không vội vàng gì trong việc sắm Tết. Đã đến đầu tháng Chạp mà ít ai mua sắm ngoại trừ một số ít người có thu nhập cao, có thân nhân ở nước ngoài hay những người có máu mặt. Còn người dân lao động bình thường cũng vẫn đầu tắt mặt tối, chạy ăn từng bữa lo gì sắm Tết. Và lại bây giờ hàng bán tràn ngập, ăn đến đâu mua đến đó. Mồng hai đã có chợ rồi, có thiếu gì đâu.

Chuẩn bị Tết thì vậy còn người dân Sài Gòn đón Tết ra sao? Tín hiệu nào cho giao thừa năm nay? Kể từ khi thực hiện việc cấm đốt pháo nổ cho đến nay, thời khắc giao thừa đã bao lần trôi qua trong âm thầm lặng lẽ. Ai cũng hiểu lợi ích lớn lao và lâu dài của việc cấm đốt pháo nhưng nguyện vọng của người dân là vẫn nên có một tín hiệu khác để báo hiệu giây phút thiêng liêng này. Vào những năm sau này người dân Sài Gòn đã đón giao thừa bằng pháo hoa làm tín hiệu, thể kết hợp thêm tiếng chuông của nhà thờ, tiếng trống... nhưng dấu ấn giao thừa đâu chỉ được tạo nên bằng tín hiệu súng, tiếng trống, tiếng chuông... thay cho âm thanh rộn rã, dòn tan của tiếng pháo năm nào!

Trong mấy ngày Tết, các khu du lịch vui chơi như Đầm Sen, Thảo Cầm Viên, Suối Tiên... tràn ngập khách tham quan, vì họ chẳng biết đi đâu trong khi túi tiền eo hẹp và thiếu phương tiện đi xa. Đầm Sen vẫn là nơi thu hút khách nhiều nhất. Nằm trong một vùng rộng lớn, ngay trung tâm thành phố, thoáng đãng với nhiều công trình hiện đại, với nhiều khu vui chơi giải trí độc đáo mới lạ, nhất là về đêm, Đầm Sen rực rỡ, lung lẫy, chói sáng cả một vùng trời.

Cách trung tâm Sài Gòn gần hai mươi cây số về hướng Bắc có Khu Du Lịch Suối Tiên. Tương truyền trước kia nơi đây có Tiên hiện ra nên gọi là Suối Tiên, là nơi thu hút nhiều khách du lịch từ phương xa đến, từ khắp các tỉnh thành trong Nam ngoài Bắc. Sáng 23 Âm Lịch, tôi đi chợ chuẩn bị đưa Ông Táo nhưng không khí Tết vẫn còn trầm lắng, chẳng có gì nhộn nhịp như mọi năm. Ngay cả những xe chở hoa tươi đổ về Thành phố cũng thưa thớt. Hình như họ cũng đã tiên liệu được những khó khăn của đời sống người dân và tình trạng ế ẩm cùng những phí tổn nặng nề họ phải gánh chịu. Bên kia đường bà chủ tiệm vàng đang ngồi lướt web. Trước cổng chợ, hai ba bác xích lô ngồi thần thờ đợi khách. Các bà nội trợ vội vã, lo toan, chẳng thấy ai

ăn mặc đẹp đẽ, sang trọng, hớn hờ, tươi vui. Dòng xe cộ thì cứ nối đuôi nhau trên con đường dài và hẹp; những chiếc mũ bảo hiểm xa trông như những con sò đủ màu sắc lấp lánh dưới ánh nắng chói chang của mặt trời. Ai cũng vội vàng, cũng lo âu, cũng căng thẳng, ai cũng lo sợ tai nạn giao thông, nạn cướp giết có thể xảy ra cho mình bất cứ lúc nào.

Trên đây là toàn cảnh bức tranh Xuân Quý Tỵ 2013. Đó là bức tranh màu xám ảm đạm u buồn trên khung nền kinh tế non yếu của một đất nước bị ảnh hưởng của cục diện kinh tế đen tối toàn cầu. Trong khi đó thiên nhiên ngày càng khắc nghiệt, cuộc sống ngày càng khó khăn. Có ai lắng nghe tiếng thở dài trong mỗi con người trên bước đường mưu sinh? Nhưng như một quy luật của tự nhiên, năm cũ sẽ trôi qua, năm mới sẽ đến. Trong niềm hân hoan, hy vọng, người dân đang mong chờ để được đón mùa Xuân tươi sáng, ấm áp hơn, một tương lai tốt đẹp, rạng rỡ hơn...

Saigon, Xuân Quý Tỵ 2013
Như Uyên
(GS Lê Thị Hồng Mận)



NHỚ MÁ

Ngày còn nhỏ, khoảng 7-8 tuổi, tôi chưa hiểu được tại sao chữ "mẹ" lại luôn luôn đi đôi với chữ "hiền". Theo sự suy nghĩ non nớt của tôi lúc đó, không phải chỉ có "mẹ hiền" mà còn có "mẹ dữ" nữa. Bằng chứng là Má tôi. Một lũ 8 đứa con, đứa nào cũng "xếp de" mỗi khi Má nổi trận lôi đình, chạy tán loạn đi tìm chỗ trú ẩn như đàn chim trước cơn bão tố. Mới ngần ấy tuổi mà tôi đã có ý định "cảm hóa" Má, để Má... bớt dữ. Tôi đem một câu chuyện về mẹ hiền đăng trên báo Tuổi Xanh kể cho Má nghe. Má hình như hiểu được ý của tôi, hỏi lại: "Còn Má là *mẹ dữ* phải không?" Tôi cũng khá khôn ngoan để không trả lời, chỉ im lặng! (lúc đó tôi cũng ngạc nhiên là sao Má không "kí đầu" hoặc phét vào mông mình mấy cái về cái tội hỗn hào như vậy?).



Bao nhiêu năm đã trôi qua... Khi bắt đầu phải sống xa mẹ, nhất là khi mẹ đã qua đời tôi mới hiểu hết chữ "Mẹ hiền". Có ai đó đã so sánh "Mẹ là Bò Tát" tôi thấy thật không ngoa chút nào. Ngoại trừ một thiểu số người mẹ bệnh hoạn về tâm trí không kể, hầu như bà mẹ nào cũng thương con với tấm lòng Bò Tát, một tình thương chỉ cho đi chứ không đòi lại, một tình thương vô vụ lợi, nhuộm màu từ bi của Đức Bò Tát Quan Thế Âm. Chữ "mẹ hiền" có lẽ được thoát thai từ chữ Hán Việt "từ mẫu", mà chữ "hiền" chưa lột tả được hết ý nghĩa của chữ

Má tôi thật sự là một mẹ hiền. Phải nuôi dạy một lúc 8 đứa con, nếu Má không dùng kỷ luật cứng rắn thì làm sao "điều binh khiển tướng" được! Tôi nhớ anh Tư được Má giao trọng trách "chặt cây roi" (chặt một tàu lá chuối ngoài vườn, tuốt bỏ lá, chỉ lấy xống lá). Những đứa khác không có nhiệm vụ thì mau mau chạy đi lánh nạn, nếu không sẽ bị vạ lây! Riêng phần tôi may mắn có một chứng bệnh: mỗi lần lo sợ hay uất ức là tôi lăn ra xỉu làm Má sợ lắm, vì vậy mà tôi chưa bị Má đánh đòn bao giờ!

Ngoài việc chăm sóc các con, Má tôi còn có hàng trăm công việc không tên phải giải quyết mỗi ngày, nào đi chợ, nấu cơm, giặt giũ..., lại

còn kiêm luôn cả việc dạy học vỡ lòng, làm toán, viết chính tả khi chúng tôi còn ở bậc tiểu học. (vậy mà lũ trẻ có biết gì đâu công khó của Má, ngoài việc ăn học, còn nghịch ngợm phá phách như quỳ, "bày binh bố trận" - như Má thường nói!). Với bọn bè công việc như vậy mà Má vẫn tìm được một vài giờ rảnh rỗi để làm các loại bánh mứt đã học hồi còn thiếu nữ. Những món đó trong ký ức mới ngon làm sao, có lẽ cả đời còn lại này tôi cũng không ăn được thứ nào ngon như vậy...

*Cánh cò công nắng công mưa,
Mẹ tôi công cả bốn mùa gió sương...*

Hai câu thơ thư pháp này tôi đã được Cậu Mợ Út tặng khi về chịu tang Má, vẽ lên thật đúng hình ảnh của Má, đã lấy thêm nhiều nước mắt khi tôi nhớ về Má...

Má còn kiêm luôn cả nghề y tá, y công, chăm sóc cho các con khi trái gió trở trời. Ngoài cơm nước cho người khỏe, Má lại tất tả làm thêm món cháo thịt băm, nôi súp legume cho người bệnh. Thời đó dễ hạ sốt, người ta thường dùng thuốc aspirin hay thuốc gì đó, làm người bệnh đỏ mồm hôi để giảm nhiệt. Má hầu như thức trắng

đêm để thay quần áo thường xuyên cho chúng tôi. Có những lúc chập chờn thức giấc, tôi thấy Má còn thức, khi thay quần áo, đo thân nhiệt, lúc đắp mền, hoặc sấm soi bắt từng con muỗi... Tôi có tật không uống được thuốc viên, cứ bị mắc lại ở cổ chưa loét làm tôi sợ, cứ cầm viên thuốc hoài không chịu bỏ vào miệng. Má lại kiên nhẫn cực kỳ, ngồi hàng giờ dỗ ngon dỗ ngọt, chờ tôi uống xong viên thuốc! Sau này uống thuốc viên được rồi tôi vẫn còn “nhõng nhẽo”, không tự mình kiểm thuốc, bao giờ Má cũng phải đưa thuốc, đưa nước tận tay tôi mới uống. Má ơi, đối với các con của con, con chưa làm được một người Mẹ tuyệt vời như Má! Từ khi sống xa Má, mỗi khi bị cảm cúm phải tự mình đi tìm thuốc, tôi thường khóc thầm một mình, tủi thân và nhớ Má vô cùng...

Tình thương con của Má thật vô bờ bến. Không phải Má thương một mình tôi mà Má thương các anh chị em khác còn nhiều hơn tôi nữa. Biết bao đêm tôi đã khóc vì ganh tỵ, tự nghĩ rằng Má không thương tôi bằng tôi thương Má. Đúng là tôi chỉ nghĩ đến mình. Tôi quên là tôi chưa làm được gì cho Má để biểu lộ tình thương với Má. Tôi cứ hết học ở trường lại đến nhà bạn, hết đi Nha Trang lại đi Đà Lạt... vui chơi cùng chúng bạn. Mỗi sáng thức dậy, tôi mỉm cười với mình trong gương, nhắm tính một chương trình “ăn học” cho cả ngày. Ngoài giờ học trong giảng đường, phòng thực tập, tôi và mấy đứa bạn lê la trong hành lang trường để cùng nhau ôn bài, làm bài. Đời sinh viên thật là vui tươi với đầy ắp tiếng cười rộn rã. Tôi đã quên đi Má đang vò vố ở nhà một mình vì Ba đi Học Tập, các anh chị thì ở riêng, hoặc đi làm, đi học không có nhà.

Rồi tôi lại theo “tiếng gọi thanh niên”, thoát ly gia đình theo các chiến dịch “Đánh Tư Sản mại bán”, “Chiến dịch dọn sạch lòng lề đường”, “Chiến dịch đổi tiền” v.v... Sau này nghe Nghĩa kể lại, khi được tin tôi đang bị tập trung ở trường Hùng Vương, Má bảo Nghĩa chở Má đến trước cổng trường và gào khóc: “trả con tôi lại cho tôi!”... Những chuyện tội lỗi ngập đầu này tôi không muốn kể nữa, nó làm tôi đau thắt ở trái tim. Tôi lại là một con nhỏ rất cứng đầu, ngang ngạnh. Tôi từng hành diện là khi Má và tôi giận nhau, không nói chuyện (thật ra chính tôi là người giận Má chứ không phải “giận nhau”) bao giờ Má cũng làm lành trước. Bây giờ tôi mới hiểu tình thương của một bà mẹ đã khiến Má dẹp hết tự ái, sẵn sàng tha thứ mọi lỗi lầm ngu dại

của con mình, hy sinh mọi thứ để con được hạnh phúc...



Ngày Má mất, tai nạn lớn nhất đời tôi đã xảy ra! Tôi lơ ngơ xách va li về nước như người mộng du. Tôi không thể tin được điều đó đã xảy ra. Vào phòng Má, hơi hướm của Má vẫn còn đây. Cái hộp nhỏ đựng phấn và miếng bông gòn mà tôi đã quá quen thuộc vẫn còn đó. Trước kia mỗi buổi tối tôi vẫn thường giúp Má xoa phấn bột sau lưng vì chứng ngứa ngáy, khô da của tuổi già. Quần áo của Má vẫn xếp ngăn nắp trong tủ và các bộ đang mặc treo sau cánh cửa. Tất cả mọi thứ vẫn còn nguyên mà Má đã đi đâu? Tôi có cảm tưởng Má vẫn ngồi ở một góc phòng ăn, lặng yên nghe các anh chị em tôi trò chuyện... Trong đầu tôi cứ vang lên câu hỏi “Tại sao?” mà tôi không hiểu tại sao tôi lại hỏi tại sao và tại sao cái gì?

*Trong khi con ngồi, mẹ bỏ con đi
Trong khi con nằm, mẹ bỏ con đi
Mẹ bỏ con đi ...Mẹ bỏ con đi...
Đường xa vạn dặm....*

Chắc ai đã từng mất Mẹ mới thấy thấm thía mấy lời hát ngây ngô này của nhạc sĩ TCS. Mất Mẹ rồi con chỉ còn là đứa trẻ thơ bơ vơ không nơi nương tựa... Mất Mẹ rồi tôi không còn chỗ dựa. Mất Mẹ rồi tôi không còn ước mơ. Đó là giấc mơ được sống chung với Má ở xứ Úc này. Được chở Má đi chơi, đưa Má đi chợ. Được cùng Má ngắm hoa đào, hoa mận nở rộ khi mùa xuân đến, hoặc ngắm lá ngô đồng vàng, lá phong đỏ ối của mùa thu rụng đầy trên đường yên tĩnh. Khi đêm về là giờ phút tôi yêu thích nhất. Đó là lúc tôi đắm mình trong các giấc mơ, thấy Má vẫn sống, vẫn cùng tôi chuyện trò tâm sự, những câu

chuyện đầu Ngô mình Sở mà sáng khi thức dậy tôi vẫn còn tiếc nuối, muốn nằm nướng để kéo dài thêm thời gian bên mẹ...

Rồi mùa Vu Lan đầu tiên sau khi Má mất đã về. Theo lệ thường gia đình nhỏ của tôi lại tham dự lễ “Bông hồng cài áo” do Cộng Đồng tổ chức. Mới năm ngoái tôi còn nhớn nhoe cài bông hồng đỏ thắm trên áo. Sao lúc đó tôi chỉ thấy vui và nhớ về Má mà không có sự tự hào, hãnh diện khi cài bông hồng đỏ. Tôi xem đó như sự đương nhiên. Còn bây giờ nhìn những người cài bông hồng đỏ, lòng tôi dâng lên sự ganh tỵ lạ lùng. “Sao tôi phải cài bông hồng trắng?” Lần đầu tiên tôi thấy ghét cái tục lệ cài bông hồng này. Tại sao người ta lại nhẫn tâm chà đạp lên nỗi đau của tôi khi bắt tôi cài bông hồng trắng? Tôi sẽ không bao giờ có gan cài lên ngực áo bông hồng trắng. Nó không có ý nghĩa gì ngoài việc nhắc tôi đã mất cả bầu trời. Tôi còn mất cả quê hương nữa vì tất cả đều xa lạ từ khi không còn Má, xa lạ ngay cả ngôi nhà tôi đã sống từ nhỏ với đầy ắp kỷ niệm, chỉ vì bây giờ không còn bóng dáng Ba Má vào ra...

Nhớ Má, bắt chước Thầy Nhất Hạnh tôi nhìn bàn tay mình. (Tôi nhớ rất rõ bàn tay, bàn chân của Má. Đôi bàn tay sần sùi, chai sạn, đôi bàn chân với các ngón móp méo thật ăn khớp với nhau). Bàn tay tôi không giống y chang như của Má, nhưng bên trong bàn tay này, bên trong cơ thể này, giòng máu của Má của Ba đang chảy. Tôi và anh chị em tôi chính là hoá thân của Ba và Má. Giống như những bông hoa đã oằn mình đón đầu, dâng hiến phần hương cho cuộc đời, rồi tàn tạ theo lẽ vô thường. Nhưng hạt phần đã nảy mầm, lớn lên sần sùi tươi tốt, chúng lại nở những bông hoa giống y như mẹ. Đó là sự tiếp nối. Khi mùa xuân về khu vườn nhà tôi đầy bông hoa dại. Có một cây cúc dại không biết từ đâu bay về, mọc lên từ kẽ nứt của sân xi măng, nó nở những bông hoa nhỏ xíu thật dễ thương. Đến mùa hè cây hoa khô héo rồi chết đi, mặc dù tôi ra sức tưới tẩm. Vậy mà đến mùa xuân năm sau, một cây cúc dại lại mọc lên ngay chỗ cũ khiến tôi ngỡ rằng chính cái cây năm trước đã tái sinh. Chúng tôi chính là tái sinh của Ba Má. Rồi các thế hệ nối tiếp lại sẽ là tái sinh của chúng tôi...

Tôi biết cũng như tôi, các anh chị em tôi ai cũng đều yêu thương Má, cũng đều có cảm giác hụt hẫng, mất mát quá nhiều khi mất Mẹ, cũng đều

ray rút hồi hận vì một vài lỗi lầm mình đã gây ra, làm cho mẹ buồn lòng. Nguyên xin tất cả các người con yêu mẹ, hãy yêu mẹ ngay khi mẹ còn sống. Khi Mẹ mất rồi, hãy nhớ đến Mẹ trong tâm trạng thật bình yên, đừng dằn vặt, xâu xé lòng vì hồi hận, bởi vì tất cả lỗi lầm của chúng ta đã được Mẹ tha thứ từ lâu lắm rồi..., bởi vì Mẹ vẫn hiện diện trong từng mạch máu li ti của chúng ta

Xuân Hiệp

12A2 GL 73

Chuyện Cười

Chí lý

Tí, 5 tuổi, đang nguệch ngoạc với cây bút chì và tờ giấy.

Mẹ hỏi:

-- Tí vẽ gì đó?

-- Tí viết thơ mời bạn đến ăn sinh nhật

Mẹ:

-- Nhưng Tí đâu biết viết?

-- thì bạn Tí cũng đâu biết đọc!

Vài ngày sau mẹ đón Tí ở trường mẫu giáo thì một bé chạy ra khoe tờ thư

-- Cô ơi Tí mời con đi ăn sinh nhật nè.

Mẹ ngạc nhiên thấy thư viết rất rõ ràng nên hỏi Tí

-- Ai viết thư dùm Tí vậy?

-- Chị Nga viết!

- Nhưng Tí bảo là bạn không biết đọc mà?

Tí:

-- Nhưng mẹ của bạn biết đọc! Tí hỏi rồi!

Bố Tôi – Một Kỷ Niệm



Ly Băng

Hôm ấy là ngày thi vô trường trung học của tôi. Lúc ấy tôi mới 11 tuổi, vừa xong tiểu học tôi ghi danh thi vào trường nữ trung học Gia Long. Bố tôi chở tôi đằng sau chiếc vespa của người, vội vã chạy tới trường Gia Long để kịp giờ thi. Nhưng khi tới nơi thì mới biết là chúng tôi đã tới nhầm trường. Tuy rằng tôi thi vào Gia Long, nhưng trung tâm thi lại là ở trường nữ trung học Trưng Vương. Thế là bố con vội vã chờ nhau tới Trưng Vương. Tới nơi cũng vừa kịp giờ thi. Nhớ khi tôi sửa soạn bước vào phòng thi, bố đã vuốt tóc tôi và nói: “Đừng sợ con ạ. Thi đậu hay rớt cũng không thành vấn đề. Nếu không vào Gia Long được thì bố cho con vào học một trong những trường bố dạy, hoặc về học tiếp ở Regina Pacis ... con muốn chọn trường nào bố cho con học trường đó”. Thế là tôi tinh bơ, hiên ngang bước vào phòng thi, chẳng mấy may lo sợ. Tôi ngồi đó, nhìn những đứa bé gái khác trong phòng thi. Đứa nào cũng lo lắng ra mặt. Còn tôi thì tinh queo vì đã có bố trấn an, có rớt cũng chẳng sao. Tôi tỉnh đến nỗi khi đề luận được đưa ra, tôi có cảm tưởng như không phải là mình đang thi, mà là đang viết chuyện, đang sáng tác. Tôi hăng say viết. Rồi đến khi thi toán, vì không lo lắng nên tôi rất là sáng suốt, giải bài nào cũng được. Tôi vừa giải bài, vừa

viết nắn nót, trình bày cho thật đẹp. Khi thi sử địa, tôi hơi bị khựng vì tôi không thuộc bài. Tuy rằng đã được học luyện thi, nhưng vì tật lười, ham chơi nên 300 bài học tôi chỉ thuộc có một số ít bài. Nhưng tôi có nhớ mang máng những sự kiện lịch sử và địa lý đã được học trong lớp, nên tuy tôi không trả lời những câu hỏi trong bài thi được một cách chính xác, nhưng dựa theo kiến thức hạn hẹp của mình, tôi cũng đã “tán hươu, tán vượn”, trả lời tất cả những câu hỏi. Tôi viết thật nhiều, kể lể dài dòng, “thêm mắm thêm muối”, hy vọng rằng người chấm thi không cho 10 điểm thì cũng thấy tôi viết nhiều mà cho tôi 5 điểm cũng không đến nỗi. Có lẽ nhờ lên mẹ đọc bao nhiêu chuyện từ chuyện trình thám Z28 tới tuổi hoa xanh tới hoa tím yêu đương lãng mạn nên tôi đã có đầu óc tưởng tượng phong phú, và đã tận dụng mang ra xài. Sau khi thi xong, tôi ung dung ra về. Bố tôi đón tôi ở cổng trường. Bố cũng chẳng hỏi tôi là tôi làm bài như thế nào, chỉ mỉm cười vuốt tóc tôi, rồi cho tôi đi ăn kem trước khi về nhà. Và tôi, tôi cũng chẳng suy nghĩ gì thêm, chỉ nghĩ rằng nếu mình có rớt cũng chẳng sao, vì đã được bố trấn an như thế.

Mùa hè tiếp tục trôi. Tôi đi bơi, đánh banh đùa với chúng bạn hàng xóm. Rồi tháng 8 tới, các trường học bố tôi dạy đã bắt đầu năm học mới. Kết quả cuộc thi vẫn chưa được công bố. Bố tôi đã ghi danh cho tôi học một trong những trường bố tôi dạy là trường Lê Bảo Tịnh vì các anh của tôi đều học ở đó. Tôi không muốn trở lại Regina Pacis vì chương trình trung học sẽ được chuyển tiếp qua chương trình Việt, và cũng vì xa nhà. Lần đầu tiên tôi được học trường Việt Nam. Tôi học mê man, hăng say, môn nào cũng được điểm cao. Tôi không còn phải lo đọc và phân tích những văn phẩm Notre Dame de Paris, Les Misérables của văn hào Pháp nổi tiếng Victor Hugo, mà bố tôi đã bao nhiêu lần nói với tôi rằng quá khó cho trình độ tiểu học, dù rằng cho chương trình Pháp.

Tôi nhớ rõ ngày tôi được biết kết quả cuộc thi. Hôm đó anh em chúng tôi đang đi bơi ở hồ tắm trong bộ Tổng Tham Mưu. Bố tôi bước vào, với gọi tôi tới. Tôi bơi tới, đứng dưới nước, bố tôi trên bờ. Bố ngồi xuống nói với tôi: “Con đậu rồi...” Tôi hỏi: “Đậu gì, bố?” Hỏi xong tôi mới sực nhớ tới cuộc thi trung học. Tôi hỏi lại: “Đậu vô Gia Long hả bố?” Bố tôi trả lời: “Ừ, con đậu cao lắm. Nhất là về luận văn. Bài luận con viết chắc khá lắm...” Tôi nhớ lúc đó tôi chẳng mừng chẳng vui, chỉ nghĩ rằng rồi sao đây, bây giờ tôi phải học trường nào? Và tôi cũng biết tại sao tôi đậu cao, là nhờ câu nói trấn an của bố tôi. Còn bố tôi thì cũng rất tỉnh, không có vẻ mừng hoặc vui thái quá, mà chỉ có một vẻ hài lòng nhẹ nhàng pha lẫn chút hãnh diện.

Sau một tháng học tại Lê Bảo Tịnh, tôi được xếp hạng nhất. Tôi có nhiều bạn và được các thầy cô cưng chiều. Vì vậy, tôi không muốn rời ngôi trường này. Lý do là Gia Long học buổi chiều, tôi đã xin bố cho tôi đi học cả 2 trường: tiếp tục đi học ở Lê Bảo Tịnh buổi sáng, và Gia Long buổi chiều. Tôi nghĩ chắc chắn là sẽ được, vì thông thường thì bố mẹ nào thấy con hiếu học cũng đều cho con học, càng nhiều càng tốt. Thế nhưng bố tôi lại không. Bố tôi suy nghĩ đắn đo, sau cùng bố không muốn cho tôi đi học 2 buổi như vậy, vì tôi sẽ vất vả và sẽ mệt. Bố khuyên tôi chọn một trong hai trường. Bố cũng nói rằng tôi nên vào Gia Long, vì đó đã là nguyện ước của tôi ngay từ ban đầu. Tôi đã từ giã mái trường bố dạy, các bạn và các thầy cô, để bắt đầu năm học mới tại ngôi trường Gia Long cổ kính.

Ngày đầu tiên vào Gia Long, tôi xúng xính trong chiếc áo dài trắng mẹ mới đặt may. Tôi vén vạt áo dài ngồi lên yên xe vespa của bố, để bố chở tôi trường. Đó là lần đầu tiên tôi được mặc áo dài để đi học. Tôi có cảm tưởng như mình đã là một thiếu nữ, không còn là cô bé mặc đầm nhong nhèo bố mỗi khi bố chở đi học. Lúc tới nơi, bố dẫn tôi tới tận trong sân trường, và chờ tới khi tôi vào lớp bố mới trở ra đi về. Tôi ngồi trong lớp, nhìn theo dáng bố bước đi, mà lòng rộn lên một nỗi thương. Bố tôi đó. Bề ngoài là một Giáo Sư nghiêm nghị ít nói, nhưng bên trong lại là một người cha đầy tình cảm. Tôi đã có thật nhiều những kỷ niệm đẹp thời thơ ấu trong ngôi trường Gia Long cổ kính này, nhưng có một kỷ niệm mà tôi không

bao giờ quên được. Đó là lần bố chở tôi trường để thi, và câu nói trấn an của bố, câu nói đã củng cố tinh thần tôi và cho tôi một sự tự tin để vững an làm bài thi.

Tôi tiếp tục lớn lên trong tình thương của bố, của mẹ, của gia đình, trong sự che chở của Thiên Chúa. Và tôi đã bao nhiêu lần xin Chúa nhận lấy bố tôi như một món quà quý nhất của tôi để Ngài che chở và yêu thương. Ngài đã nhận lời nên bố vẫn còn ở với chúng tôi cho đến bây giờ.

Bây giờ bố tôi đã già, đã hơn 80 tuổi. Tuy rằng sức khỏe đã sa sút nhiều, nhưng bố vẫn còn rất minh mẫn. Hằng ngày bố tôi vẫn viết báo, viết sách, chơi piano, nói chuyện với mẹ tôi, với con cháu. Lâu lâu chúng tôi tụ họp cùng bố mẹ và gia đình đi ăn ở ngoài. Tôi hy vọng rằng bố tôi sẽ tiếp tục ở với chúng tôi thêm nhiều năm nữa, để chúng tôi tiếp tục là những người con may mắn vẫn còn có cha, có thêm thật nhiều những kỷ niệm đẹp với bố. Tôi hy vọng rằng bố tôi biết rằng chúng tôi thương bố biết là chừng nào.

Bố ơi, bố có biết rằng chúng con thương bố không? Thương thật nhiều, bố ạ.

Tặng bố,
nhân ngày Father's day - June 19, 2012

Ly Bằng
Houston, Texas





Bonheur, où es-tu ?

GS Dương Ngọc Nữ

Si tu ne trouves pas le Bonheur,
C'est peut-être que tu le cherches ailleurs,
Ailleurs que dans tes souliers,
Ailleurs que dans ton foyer.

Selon toi, les autres sont plus heureux,
Mai toi, tu ne vis pas chez eux.
Tu oublies que chacun a ses tracasseries,
Tu n'aimeras sûrement pas mieux son cas.

Comment peux-tu aimer la vie,
Si ton cœur est plein d'envies?
Si tu ne t'aimes pas,
Si tu ne t'acceptes pas?

Le plus grand obstacle au bonheur, sans doute,
C'est de rêver d'un bonheur trop grand.
Sachons cueillir le bonheur au compte-gouttes,
Ce sont les plus petites gouttes qui font les océans

Ne cherchons pas le bonheur dans nos souvenirs,
Ne le cherchons pas non plus dans l'avenir.
Cherchons le bonheur dans le présent,
C'est là et là seulement qu'il nous attend.

Le bonheur, ce n'est pas un objet,
Que l'on peut trouver quelque part, hors de nous.
Le bonheur, ce n'est qu'un projet,
Qui part de nous et se réalise en nous.

Phỏng dịch

Hạnh Phúc ở nơi nào, hạnh phúc ời ?

Bạn mãi miết trên đường tìm hạnh phúc,
Bạn mơ màng nó ở đâu đâu.
Nơi nào đó, chớ không là trong đôi giày thích hợp,
Cũng không dưới mái nhà êm ấm thương yêu.

Ô kìa! Xem người ta hạnh phúc,
Nhưng bạn hiền, bạn có sống cùng họ đâu?
Bạn quên rằng trong đời, ai cũng có nỗi khổ riêng,
Nếu rõ được, bạn chẳng bao giờ thích cảnh của họ.

Làm sao bạn biết thiết tha đời sống,
Khi tim buồn cứ chất mãi lòng tham.
Khi mà bạn không hề biết yêu mình để sống,
Và cũng thường than vãn số phận.

Chớ ngại khổ nhọc trên đường tìm hạnh phúc,
Đó là ước mơ một hạnh phúc quá lớn lao.
Hãy tận hưởng hân hoan từng giọt nhỏ,
Bao la đại dương biển cả,
Là do muôn ngàn giọt nhỏ li ti.

Hạnh phúc không là trong kỷ niệm,
Cũng không đâm chồi hé nụ ở tương lai.
Hạnh phúc ư? Đây phút giây hiện tại,
Chính phút giây này, hạnh phúc nở hoa.

Hạnh phúc không phải món đồ gia dụng,
Mà chúng ta tìm thấy bên ngoài.
Hoa hạnh phúc là hoài bão,
Từ tâm ta và nở ở vườn lòng.



Không còn giàn hoa hoàng anh rũ vàng, không còn những vệt nắng lóa dội từ mặt nước hồ bơi rọi qua kẽ rào, con đường không “xôn xao theo lời ru của gió” mà chỉ là từng chuỗi bụi mù nổi tiếp theo nhau. Ngày xưa chiếc mini đỏ vẫn thường đi trên đường Đoàn Thị Điểm ngang căn nhà ấy với viền môi hoa cười, dưới trời nắng những cụm mây xanh ngát tựa như không bao giờ có thể mưa. Ngày nay vẫn Sài Gòn nhưng người ta bung kín hết mặt mây, hào nhoáng và tăm tối, nguy nga và điêu tàn xen lẫn nhau giữa giòng quen lạ, cơn nắng bây giờ sao gay gắt quá như muốn thiêu đốt hết ký ức của những mùa phượng rơi xa cũ.

Khi vào đệ thất Gia Long thì tôi đã qua gần hai năm học ở Trung Tâm Văn Hóa Pháp, đã biết phát âm chữ r, chữ e chữ u rất chuẩn, biết yêu những ô vuông cửa xe điện ngầm của Paris, yêu những vùng đồi thoải thoải thấp thoáng vài cô hái táo tóc bím vàng óng với tạp dề điểm hoa li ti đỏ mà tôi chỉ được nhìn qua sách vở phim ảnh. Tựu trường đệ lục Dung KĐ được ba mẹ cho đi học thêm tiếng Pháp giống như tôi. Khi Dung đã thành một trong những học sinh giỏi Pháp văn của lớp Chín 12 cũng là lúc Dung biết khoe đôi chân thon dài mái tóc màu nâu vàng tự nhiên uốn kiểu xì-tôn, bận rộn với những buổi hẹn hò trên chiếc lambretto trắng của L và không còn cặp kè lê la với tôi ở TTVHP nữa.

Tôi thấy P lần đầu tiên khi xe của ba P dừng phải một bộ hành ngay trước cửa Đoàn Thị

Điểm, đám con gái áo trắng đang tập diễn hành gần đó. Dung Lý Toét kêu Thanh ơi mày tới nói giùm, xe ông Tây dừng người ta kia. Thằng chột làm vua, tôi xi xô vài câu tiếng Pháp với ba P và chú tài xế rồi chiếc xe lăn bánh, chậm đủ để tôi thoáng thấy cặp mắt xanh thẳm của P. Tôi chẳng nghĩ ngợi gì sau đó, chỉ biết buổi sáng nắng cao trời rất gió và cây phượng sân trường đang luống cuống nở hoa.

Tôi thấy lại ánh mắt P trong rạp hát nhỏ ở TTVHP sau một buổi chiếu phim. P hỏi tôi phải là cô học sinh hôm ấy, giới thiệu tên, rồi bàn tán phê bình phim vừa xem. Ba P sang VN vì công vụ mà cũng để lánh xa Paris chờ lành vết thương của một cuộc ly dị, và hai ba tháng nữa P sẽ phải trở về Pháp cho kịp mùa tựu trường. Tôi có chút thích thú khi được nói chuyện với một “thằng Tây” dễ nhìn. Và có trời mới biết P đã nghĩ gì về tôi.

Rồi tôi gặp P ở TTVHP thường hơn. P dạy tôi bài hát trẻ thơ, mà trí tưởng tượng phong phú của tôi cho rằng chắc P muốn gửi gắm chút tâm trạng. Que la vie est belle belle. Que la vie est belle près de toi. Moi je t'aime toi tu m'aimes et l'on aime tout les deux.

Tôi dạy lại P bài hát của cô Việp năm đệ lục

J'ai des parents qui ne sont pas du tout assortis
Papa est petit et très mal bâti. Tandis que

maman est grande, jolie et fait du sport.
Mon père avec ma mère a toujours tort.

Cám ơn trời đất P đã không nghĩ bài có liên quan chút gì đến tâm tình của tôi.

Tôi và P bắt đầu toa rập nói dối đi sớm về trễ để cùng nhau thơ thẩn quanh những con đường vùng TTVHP hay lang thang dưới những tầng lá to cao trong bệnh viện Grall. P thích chuyện chị em học tú, chuyện ma trên lầu chuông trường Gia Long, và thích coi tôi chơi dờ bút từng cánh bông móng tay liếm chút nước miếng rồi dán lên đầu ngón tay. Tôi thường nhặt mấy trái me chín ăn tuy không chua lắm cũng nhăn mặt để được cười vang với P. P hay gật đầu nói hiểu hiểu khi tôi lúng túng lục lọi trong óc tìm một chữ thích hợp.

P cho tôi xem vài tấm hình gia đình không biết vô tình hay cố ý để cho tôi biết gia đình P rất giàu. P nói nhà P có hồ bơi, Paris không gần biển và nhà cửa chật chội nên dân Paris rất thích đi bơi hồ và biển.

Nhà ba P đang mượn ở SG cũng có hồ bơi. Buổi trưa đáng lẽ đi bơi ở hồ Cửu Hòa trên đường Trần Hưng Đạo như những mùa hè trước, tôi đến nhà P nhưng ngại không thay đồ bơi mà chỉ ngồi thọc chân xuống hồ vọc vọc. Trong vương sân rộng của một villa cổ kính nước hồ xanh lơ lóng lánh giàn hoa hoàng anh vàng ngả lên dãy rào cao làm bằng những nhánh cây khô bện vào nhau, tôi tưởng mình là một nhân vật của truyện Duyên Anh hay Tuổi Hoa – truyện về những cô bé tóc thắt nơ hồng ở trong biệt thự sang trọng có lối vào lót sỏi cuội trắng, có bà vú già vắt cho ly nước cam tươi mỗi buổi trưa... Chúng tôi giồn tan kể nhau nghe đủ thứ trên đời, từ những món ăn ngon lạ tới những câu thành ngữ ca dao của nước mình dù lúc ấy có lẽ cả hai đều biết rằng mình đang không hề thật sự quan tâm đến chuyện ăn uống lẫn văn chương.

Phượng đã rơi rất nhiều. P hẹn gặp mùa hè năm sau vì ba P có tới ba năm công vụ ở Sài Gòn. Tôi khoe P bằng Diploma TTVHP vừa cấp. Với nó và tú tài hạng Bình, học bổng Sorbonne chỉ sẽ còn là những thủ tục hành chánh. Ánh nhìn

trừu mến và tay siết rất chặt ngày P ra đi không đủ cho tôi hiểu rõ tôi và P đã là gì của nhau, hay chỉ là tôi chóa mắt với cái sang giàu của gia đình P rồi mơ mộng.

Chiến tranh ngày càng khốc liệt của mùa hè đỏ lửa 1972 khiến mất tôi mấy lần súng húp khóc cùng bạn bên chiếc quan tài phủ cờ vàng ba sọc đỏ có anh nó nằm trong đó. Cũng do ảnh hưởng chiến tranh ba của P quyết định về Pháp sớm hơn dự định, P nói vậy trong một bức thư, và như thế sẽ không có chuyện P trở lại Sài Gòn. Tôi hẹn gặp P năm 1975 tại Sorbonne. Tôi còn chép tặng P một bài thơ dăm dớ tội nghiệp nào đó, và phỏng dịch cho P hai câu thơ Cửa sổ nhà em vẫn mở. Lòng em đã khép nụ quỳnh.

Quà Noel của P gởi cho tôi năm đó là một hộp sô cô la. Cái hộp nhôm có in chùm hoa hồng nổi cộm lên rất đẹp được tôi gìn giữ nhiều năm, ôm chặt như sợ vượt mất đi dù có lẽ chỉ là những điều không tưởng.

Mùa phượng năm sau như lệ thường tôi đi bơi ở Sở Cửu Hòa, và gặp H, con trai của Di Năm bạn học cũ của Má thời Áo Tím. Nhà H trên đường Nguyễn Hoàng sau vườn bông Đại Hàn. Chúng tôi cũng tình cờ học chung lớp Toán Lý Hóa ở trường Thăng Long đường Hồng Thập Tự. Tôi và H hay cùng đi bộ về sau những buổi bơi, H rẽ vô nhà H trước và tôi tiếp tục hướng về đường Nguyễn Thiện Thuật. Vài ba lần H đến TTVHP đón tôi đi ăn kem uống nước ở Brodard. H có mời tôi dự một buổi dạ vũ sinh nhật chị của H. Tôi còn nhớ rõ cái cảm giác lạc lõng trong buổi tối đó dưới ánh đèn lu-mi-nơ chớp choáng lên những bộ soa-rê đủ màu đủ kiểu. Rồi H không còn lên TTVHP tìm tôi nữa và tôi cũng chẳng buồn để ý. Tôi phí khá nhiều thì giờ thắc mắc sao thơ của P bây giờ đã thừa thớt.

Tháng 12 nhận được từ P một cánh thiệp, tôi tự nhủ thiệp Noel có hình ông già Noel là phải rồi làm sao có thể là hình hoa hồng, và hài lòng với giải thích đó. Cả năm sau tôi không nhận được gì từ Pháp ngoài một ông Noel nữa. Tôi cũng không còn đi học ở TTVHP. Tôi làm nhiều bài thơ bằng tiếng Pháp chỉ một mình tôi đọc.

Phượng lại rơi, tôi bận rộn học thêm Toán Lý Hóa chuẩn bị cho kỳ thi Tú Tài, cho niên học cuối cùng dưới mái trường Gia Long yêu dấu. Màu vàng hoa hoàng anh và xanh lơ của nước hồ bơi vẫn khi ẩn khi hiện, dường như rõ nét hơn trong những buổi chiều mưa về bất chợt hay những đêm thâu vắng lặng.

Mùa Xuân năm 1975 lớp 12B3 của Gia Long và của Petrus Ký tổ chức buổi tiệc tất niên chung, do đều có trường lớp cùng là Tổng Thơ Ký. Nhà N được chọn làm địa điểm. Tôi gặp N ở đó và cả hai cùng nhớ ra rằng đã được Nghĩa Lác giới thiệu với nhau năm ngoái tại nhà chị tôi trong chung cư Nguyễn Thiện Thuật, vào những ngày cận Tết. Lúc ấy tôi đang phụ chị Ba dọn dẹp nhà, chắc trông thật thảm hại và dơ bẩn trong bộ đồ bộ cũ xem dính đầy bụi (mà tôi thì vốn dĩ cũng chẳng yêu kiều gì) nên N biến mất tiêu sau bữa đó.

Món quà đầu tiên từ N sau buổi họp mặt tất niên là trái ổi xá lị to tướng N mang đến nhà nhét vào tay tôi chiều ba mươi Tết.

Hiệp Định Paris năm 1973 không ngăn được tham vọng nhuộm đỏ miền Nam. Trong khi chúng tôi vô tư ngây thơ ngỡ chiến tranh đã chấm dứt, ngỡ sẽ không còn phải khóc thêm một cái quan tài phủ cờ nào nữa thì bên kia bờ Bến Hải vẫn không ngừng âm mưu.

Biến cố Tháng Tư 1975 đã đốt trụi những mầm xanh ngọt mật, đem đến cho người miền Nam những hệ lụy thể lương những quãng đời dài mệt mỏi. Ba tháng cuối cùng của bậc trung học chúng tôi như lạc trong đại ngàn gió thốc, im lặng khóc những bên bờ tường đã rất gần nhưng sẽ không bao giờ tới được nữa. Dưới lớp vỏ hân hoan tay vỗ theo nhịp những bài ca sắc máu là trường lớp của tôi buồn thiu buồn thiu. Hồng Hà lớp tứ 11 năm nào bỗng khoác màu khăn đỏ choét thành đồng chí Sáu Hà xa lạ. Chúng tôi học hệ Tú Tài nhưng ra trường với mảnh bằng Tốt Nghiệp Trung Học Phổ Thông. Bạn bè thừa dần bởi cây cột đèn rồi cũng muốn đi.

Tôi cất P, cất Sorbonne, cất viễn ảnh tung tăng cắp sách tản bộ trong vườn Luxembourg vào cái hộp có hình chùm hoa hồng, buồn bã xếp lại

đời mình theo vận nước nghiệt ngã. Đời trôi theo những buổi tối ăn mớ bánh ít thay cơm, bánh ít Má gói cho tôi đi bán dạo nhưng chẳng ai mua, theo những mùa phượng nắng vẫn rất cao có tôi bên dưới xếp hàng chực chờ xum xoe gói đường gói bột ngọt cùng vài ký gạo đen đui đầy sạn.

Tay của N ấm và rộng cho tôi nhiều ấm áp trong những năm tháng đất trời đảo lộn thời bao cấp. Đôi lần - khi tôi không còn mới nữa - N bỏ quên tôi đi chơi với những người con gái khác nước mắt tôi rơi trên hộp sô cô la lòng thầm hỏi đời mình đã có thể ra sao, nếu và nếu.

* * *

N đang ngâm mình trong hồ bơi bên tầng phượng già sau nhà, mái tóc bạc óng ánh nắng, tôi vừa nhún nhảy theo một điệu nhạc quen thuộc vừa nói với N rằng nếu tôi đang ở trong một câu chuyện cổ tích có bà tiên ban cho mình những điều ước thì tôi sẽ ước cái giàn giây leo eo sèo chết tiệt kia biến ngay thành giàn hoa hoàng anh.

N nói có ước thì ước giàn hồng leo rũ từng chùm xuống, sẽ đẹp hơn.

Tôi cười ừ thì chùm hoa hồng cũng được.

Cũng đều có bóng dáng những mùa phượng của một thời rừng rực tuổi thanh xuân.

Nguyễn Nhật Thanh GL 75



PHƯỢNG ĐỎ - PHƯỢNG TÍM

*Trường quê tôi có hàng phượng nên thơ
Lúc hè về hoa tung bùng rộ nở
Tuổi học trò vẫn vương hoa phượng đỏ
Nhặt hoa rơi ép vào vở, mộng mơ...*



Phượng Vĩ – Flamboyant .



Nhớ lại thuở quê nhà Việt Nam thân yêu, khi sân trường tôi rực rỡ một trời Hoa Phượng đỏ trên nền lá xanh tươi, là chúng tôi nôn-nao vì biết sắp được nghỉ hè. Thật thế, Phượng vĩ là biểu tượng gắn liền với tuổi học trò, do mùa nở hoa của nó từ khoảng tháng 4 đến tháng 6, trùng với thời điểm kết thúc năm học; mùa chia tay của học sinh với nhiều kỷ niệm buồn vui, vì thế người ta còn gọi nó là **"hoa học trò"**.

Phượng vĩ được người Pháp du nhập vào cuối thế kỷ 19 các thành phố lớn như: Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn. Gọi là "phượng vĩ" vì lá, nhất là lá non, trông giống hình vẽ đuôi chim phượng. Hiện nay Phượng Vĩ được trồng từ Bắc vào Nam trên vỉa hè, công viên, trường học. Thành phố Hải Phòng có rất nhiều phượng vĩ, nên còn được gọi là **"thành phố Hoa Phượng Đỏ"**.

Hình ảnh cây **Phượng Vĩ** theo đuổi tôi từ trường làng đến trường trung học. Y như có trường học là có cây phượng.

Trường tiểu học quận Cái Bè quê tôi, có một hàng phượng vĩ, dọc theo bờ rào, đối diện với dãy lớp học. Hàng phượng này làm dáng cho

trường với tàn lá xanh tươi quanh năm, tạo bóng râm mát cho học sinh vào giờ ra chơi.

Gần cuối niên học, hàng phượng đua nhau trở hoa đỏ thắm. Hoa phượng vĩ lớn, với 4 cánh tỏa rộng màu đỏ tươi hay đỏ hơi cam, còn cánh hoa thứ năm mọc thẳng, cánh hoa này lớn hơn một chút so với 4 cánh kia và lốm đốm màu trắng và vàng, hoặc cam và vàng, có khi trắng và đỏ. Trái của phượng vĩ khi già màu nâu sậm, hạt ăn bùi và ngon.

Hè về... rồi bãi trường. Dù nghỉ hè, tôi vẫn thường đi ngang qua hàng phượng, ngắm những chùm hoa đỏ rực yêu đời, như nhựa sống tràn đầy của tuổi trẻ. Tôi vào sân tìm những cánh hoa rụng đẹp đem về ép vào vở. **Tôi yêu hoa phượng từ đó.**

Lên Sài Gòn vào trung học Gialong, tôi vẫn còn có duyên với cây phượng vĩ. Qua bao nhiêu thế hệ cây phượng này chứng kiến biết bao lời tâm tình giữa những mái đầu xanh, những tà áo trắng núp nắng dưới tàn cây. Khi hoa phượng lộng-lẫy khoe sắc đỏ trên cành là lúc những cuốn lưu bút được chuyển đi giữa học sinh ghi lại mối dây thân-ái thắm-đậm tình bạn, kỷ niệm ấm lòng trước khi chia tay nhau vào ngã rẽ cuộc đời...

*Dưới phượng đỏ, mái đầu xanh chụm lại
Thì-thầm trao những mảnh vụn tâm tình
Hoa phượng đỏ như tuổi hồng say nắng
Bước vào đời, thơ thới nhẹ hành trang...
BV*

Phượng Tím – Jacaranda

Tên khoa học: *Jacaranda mimosifolia* (giống lá hoa trinh nữ), hay *Jacaranda ovalifolia* (lá hình trứng), hoặc *Jacaranda acutifolia*, gốc Châu Mỹ, họ chùy (Bignoniaceae) là một cây gỗ cao 10-15m, lá kép hai lần nên có vẻ giống cây phượng vĩ khi chưa có hoa. Cây thích hợp với khí hậu nhiệt đới, và cận nhiệt đới. Tán lá toả rộng 7 đến 10 thước. Phượng tím, có loại hoa tím phơn phớt hồng ; có loại hoa tím phơn



phớt xanh, màu tím lãng-mạn, thơ mộng nên loại này được trồng nhiều nhất. Hoa hình chuông, dài từ 4, 5cm, có lông tơ, mọc thành từng chùm. Cánh hoa mỏng-mạnh, nhẹ tựa hoa giấy. Hoa không hương, nhưng gỗ lại toát ra hương nồng ấm.. Từ lúc hoa nở đến rụng lối 5, 6 ngày, nhưng hoa chùy lại tiếp tục nở nên kéo dài khá lâu có thể 4 đến 6 tháng tô điểm những con đường tím đẹp ngát-ngây!

Bây giờ Đà Lạt ~~cũ~~ có phượng tím do kỹ sư Lương văn Sáu, hội viên hội hoa hồng Pháp, tốt nghiệp trường canh nông ở Versailles trở về nước năm 1962 trồng cho được cây Phượng Tím.

Hoa Phượng Tím với màu sắc diễm-ảo đã làm rung động biết bao thi sĩ, nhạc sĩ. Úc châu ở Nam bán cầu nên bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông ngược với các nước nằm phía Bắc bán cầu. Ở Úc vào tháng 9, 10, 11 khi **hoa phượng tím lung linh khoe sắc là báo hiệu mùa Xuân đến**. Mùa hoa nở, ta chỉ thấy toàn hoa là hoa, không thấy lá đâu.

Sydney có nhiều phượng tím, cả thành phố như một bức họa tím nên thơ, một khoảng trời tỏa hương nhẹ nhàng. Tím rực rỡ mê hồn, tím nên thơ quyến rũ! Brisbane là thành phố đồi núi, nên từ những con dốc cao nhìn xuống bìa rừng phía thấp, ta thấy cả một vùng chập-chùng phượng tím. Dọc hai bên đường Thành phố Grafton các nhánh phượng giao nhau như một cổng chào. Tùy theo ánh nắng, mỗi giờ hoa phượng có màu tím khác nhau, nên thơ, quyến rũ, đẹp vô cùng.

Mỗi năm, vào mùa hoa nở, thành phố Grafton tổ chức *Mùa Hội Hoa Phượng Tím - Jacaranda*

*Chào Úc châu, chào mùa Hoa Phượng Tím
Tím một trời biên-biểu giữa hồn tôi
Tím một chiều cơn gió lướt qua đồi
Trước hoa tím cho áo dài em tím
Cho thâm cỏ non đang xanh hóa tím
Tím chân nghe một dáng ngọc tuyết trần
Mái tóc thề tím ngát tuổi thanh xuân
Tôi chợt thấy cuộc đời đầy diễm phúc...
Chào Sydney, đầu mùa Hoa Phượng Tím
Tím một trời bát ngát giữa đời tôi...
Ph.Vũ*

Hoa Phượng Tím, cũng là hoa học trò ở Cali. Mùa hoa nở thường vào tháng năm, tháng sáu, cũng sắp sửa là mùa chia tay của học sinh, trùng với thời điểm kết thúc năm học. Mùa hoa phượng tím ở Cali cũng đẹp vô cùng với những chuông hoa lung linh tắm nắng ban mai. Màu tím rực lên thanh cao, êm êm, dịu dàng, gọi nhớ...

*Trời Cali tràn đầy hoa phượng tím
Tím không gian một thuở xuân thì
Mây lãng đã đưa ai về trường cũ
Thơ tình đầu màu mực tím trinh nguyên....
Trên lối đi tràn đầy hoa phượng tím
Bước chân ai giẫm nhẹ thăm hoa mềm
Thoáng qua rồi tắm chân tình quyến luyến !
Xót tình đầu... hoa phượng tím rơi rơi...
BV*

Khi đến thành phố Prétoria, Nam Phi (Afrique du Sud) vào Xuân, tôi như chìm ngập vào một khung trời tím. Prétoria, được mệnh danh là «**thành phố Hoa Tím Jacaranda**». Những con đường, công viên, ngõ phố ngập tràn một màu tím biên-biểu Jacaranda dưới nền trời trong xanh nắng ấm, ánh sáng tuyệt vời, gia bức tranh thiên-nhiên diễm-tuyệt! Các nhánh phượng hai bên đường giao nhau kết thành một vòm trời tím nhạt. Khi hoa rụng mặt đất công viên phủ đầy những cánh hoa, trông như một thảm nhung xinh xinh màu tím. Bước khẽ trên thảm hoa này, mình có cảm giác nhẹ tênh như một «fakir» tọa thiền trên thảm, bồng-bềnh trôi theo áng mây.

*Jacaranda mùa hoa tím nở
Tím cả vòm trời, tím cả lối đi
Tôi yêu hoa tím trong niềm nhớ
Tho-thẩn lặng nhìn hoa tím rơi...BV*

Vào tháng năm, nếu ta dạo chơi Paris, ngược nhìn tháp Eiffel ngạo nghễ vươn mình trong không gian; thì gần chân tháp, tầm mắt ta lại bị lôi cuốn bởi một làn sóng lụa tím đẹp mê hồn, lung linh theo gió lay. Đó là hàng phượng Jacaranda thẳng tắp trở đầy những chuông hoa tím. Trước cái mỹ quan này, ta thấy một tương

phản thú vị, giữa một tháp sắt thép sừng sững, vững chắc và những cánh hoa, sắc màu thơ mộng, gợi nhớ, gợi thơ, thật mong manh!

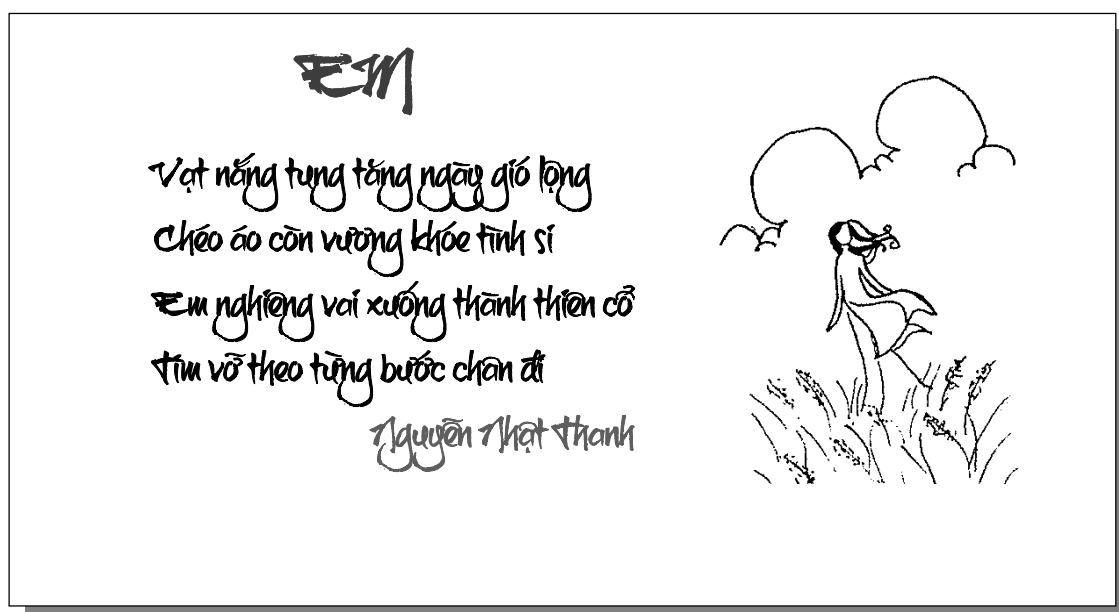
*Áo Tím ngày xưa tím ngát lòng
Giờ chừ thấy tím vẫn thương mong
Em ơi thuở ấy yêu màu Tím
Biết mấy buồn đưa em lấy chồng...
T.Võ*

Tôi yêu Phượng Tím vì màu hoa vừa dịu-dàng vừa mê-hoặc. Trên cành, hoa đã tím, rụng xuống đất, không héo, không phai, vẫn tím để tiếp tục tô điểm «*cho thảm cỏ non đang xanh hóa tím*», cho gốc phượng thêm xinh. Có lẽ vì thế người ta bảo: **màu tím này là màu tím thủy chung!!**

Màu bàng bạc của **Hoa Phượng Tím Jacaranda**, cho ta một không gian thật đẹp và lãng-mạn. Màu tím phối phai như phiên-phiên một chút xanh, tưởng như họa sĩ pha hai màu ấy hòa với cả hồn thơ tạo thành màu đặc biệt luyện-nhớ, **màu của Phượng Tím!**

*Sắc tím khiến lòng tôi da-diết mãi
Loài hoa từng níu giữ bước chân tôi.*

Trần Bạch Vân



TÌNH YÊU TUỔI HỌC TRÒ

Nguyễn Thị Mỹ



Ngày mới nhập học lớp Đệ Tam, trong niên khóa mới tôi được xếp vào ngồi gần cuối lớp, chỉ còn có hai hàng bàn sau lưng tôi là đụng vách tường cuối phòng. Tôi khá cô đơn vì ngồi trong cùng, chỉ có một bạn ngồi bên trái tôi là Bạch. Bởi vậy Bạch trở thành người bạn duy nhất của tôi trong lớp. Bạch cho biết vì đau nặng nên đã nghỉ hết một năm học, hôm nay mới bắt đầu đi học trở lại. Tôi cảm thấy thương Bạch và gần gũi Bạch hơn. Còn Bạch vì tính tình khá kín đáo và không thích kết bạn nên hầu như không có bạn khác ngoài tôi. Gia đình Bạch khá giả, tan học có xe hơi đón về. Nhà Bạch gần nhà tôi. Mỗi lần đi học tôi đều đón xe bus ở trạm trước cửa nhà Bạch.

Thình thoảng buổi tối tôi ghé nhà Bạch chơi. Có lẽ vô tình tôi không biết có ai đó ở trong nhà đang ngắm nhìn khi tôi đang “ba hoa chích chòe” với Bạch ngoài sân. Tôi đoán thế vì sau đó vài hôm, với sự xếp đặt khéo léo của Bạch và anh Thạch, tên anh trai của Bạch, tôi được ngồi

ăn kem với anh Thạch ở một tiệm kem trên đường Tự Do. Tôi còn nhớ chiều hôm đó nắng nhạt, tôi với chiếc áo dài trắng học trò, hồi hộp, vụng về múc từng muỗng kem, nhưng lạ chưa, cứ muỗng nào đưa vào miệng cũng rút ra ngoài một nửa. Tôi luống cuống lau những vết kem trên áo, trên tay. Anh nhìn tôi mỉm cười và rút袖子 xoa lau sạch từng vết kem dính tùm lum quanh miệng tôi. Tôi kín đáo ngó trộm anh: thật đẹp trai, da trắng, mắt một mí rất đa tình. Tiệm rất đông khách nhưng tôi đâu nhìn thấy ai ngoài anh. Tôi cười luôn miệng. Ăn xong chúng tôi ra về. Anh đưa tôi đến bến xe bus. Mỗi lần qua đường anh đều nắm chặt cổ tay tôi dắt đi. Đường như tay anh lạnh buốt khi chạm cổ tay tôi và cảm thấy anh cũng đã “mến mộ” tôi rồi. Còn tôi, có lẽ tôi đã yêu anh. Một “coup de foudre” tức là mới gặp nhau lần đầu đã yêu ngay, tôi đang ở trong trường hợp này đây. Trên đường về nhà lòng tôi rộn rã như bước trên chín tầng mây xanh, không ngớt nghĩ về anh.

Sau đó anh thường tới thăm tôi. Nhưng hình như anh không thoải mái khi bắt gặp cặp kính trắng của Bố tôi. Rồi một lần anh rủ tôi đi ciné. Tôi vui mừng lắm nhưng không hiểu sao lại từ chối. Rồi tôi hối tiếc... Phải chi mình nói “Yes, I will”. Hay phải chi anh rủ luôn nhỏ Bạch đi cùng thì tôi đâu có lý do gì mà từ chối. Tôi từ chối anh đến lần thứ ba mà nhỏ Bạch vẫn không hiểu để đến rủ tôi đi ciné cùng nó và anh...

Rồi một ngày anh không đến nữa và nhỏ Bạch chẳng hiểu sao cũng không đến lớp. Tôi định đến nhà hỏi thăm Bạch để nhân tiện nhìn thấy anh. Nhưng bản tính nhút nhát lại thêm tự ái nên tôi nhất định không đến nhà tìm Bạch. Đã vậy tôi lại còn không thèm đón xe bus ở trạm trước nhà anh nữa... Tôi nhớ anh quá... Tôi không còn sức lực để học nữa. Mỗi lần mở sách ra chỉ thấy toàn là hình bóng anh... Tôi lại nghĩ lung tung về anh rồi đứng dậy chạy ra ban công nhìn xuống đường, ao ước nhìn thấy anh đâu đó... Có lẽ đối với anh tôi chỉ là nụ hoa trang điểm.

Nhưng trong mắt tôi anh là tất cả. Mắt anh là mắt hết... Tôi vẫn đi học nhưng với nỗi buồn u ẩn trong tim... Cho đến một ngày có người bà con biết được tôi học không trôi nữa nên giới thiệu cho tôi đi làm thư ký trong sở ngoại kiều. Tôi bằng lòng ngay với hy vọng quên được mối tình vô vọng kia.

Đúng như tôi mong muốn những ngày tháng bận rộn với việc làm giúp tôi khuây nguôi... Cuối cùng gặp được một “cao thủ võ lâm” nên tôi tạm quên anh. Nhưng đó chỉ là bên ngoài mà thôi. Từ sâu thẳm trong lòng mối tình đầu với hình bóng anh vẫn tồn tại với tháng năm. Bây giờ nó đã trở thành một kỷ niệm đẹp để khi rảnh rỗi bên

con cháu tôi có thể kể cho chúng nghe như những câu chuyện thần thoại tuổi thơ.

Ngày xưa... ngày xưa đó ta đã gặp một hoàng tử... chàng đánh thức ta dậy sau nhiều năm ngủ vùi bên sách vở nhà trường... Có thể các cháu sẽ hỏi: “Thế hoàng tử đó đâu?” “Cháu ơi vì sự ngây thơ khờ dại của ta nên vị hoàng tử đó đã lạc sang vườn hoa khác mất rồi nên ta không còn có thể gặp lại chàng nữa....

Nguyễn Thị Mỹ

Đệ Nhị B1-GL 63

Đâu Đóa Mai Vàng ?!...

*Trường xưa, nào dễ vào quên lãng?
Nay dẫu xa rồi luôn nhớ thương!
Đánh rơi, lạc mất xuân thì cũ...
Trời đã sang mùa, tuổi chớm thu!*

*Luôn giữ trong tim màu hoa ấy,
Vàng hương hoa sứ, ngát sân trường...
Phượng cũ dường như luôn trẻ lại,
Mỗi khi hè đến vẫn không phai!..*

*Nhật từng cánh phượng sân trường cũ,
Đi dưới hương hoa sắc thắm vàng...
Cứ ngỡ như thời còn cắp sách,
Nghe chình đâu đó tiếng cười vang...*

*Cũng tà áo trắng bay trong gió,
Cùng màu hoa cũ sân trường xưa...
Mà sao tôi vẫn đi tìm mãi,
Đâu đóa mai vàng xưa tuổi thơ?!*

NTKC (61-68)



Viết Cho Anh

Thế là hơn 3 thập niên em đã xa anh rồi T. ơi, mọi người ở đây đã sửa soạn để mừng xuân mới. Còn em thì vẫn không vui được T. ạ. Mỗi lần năm hết Tết đến, em cảm thấy trống vắng và nhớ anh thêm, T. ơi! Đêm nay, em ngồi đây và nhìn lên trời cố tìm lại hai ngôi sao sáng và đẹp nhất mà ngày xưa anh thường ví là hai vì sao của chúng mình, vậy mà ác thay, em chỉ nhìn thấy một ngôi sao nhỏ bé lẻ loi ở một vùng trời đen thẫm. Ngôi sao đó là em phải không T.? Hai vì sao của chúng mình tan biến rồi tan như chuyện chúng mình tan vỡ phải không anh??? Nhớ ngày đầu mới quen nhau vào giáng sinh 73 ở party nhà Bảo Châu, hôm ấy anh nổi nhất, có khối người mê vì anh hát hay; đàn giỏi; đẹp trai; lại ở ngoại quốc mới về, còn em chỉ là một cô bé tầm thường. Vậy mà anh đã đề ý mời em cùng hát với anh bản “Mùa Đông Paris”. Em bảo là không biết hát, chỉ thích ngâm thơ thôi. Rồi chúng mình cùng thi nhạc giao duyên bài “Áo Lụa Hà Đông”, Anh bảo giọng ngâm em buồn thảm quá, ngược lại em nói “giọng anh hát nhạc buồn thật hay”. Tối hôm đó anh tình nguyện đưa em về, chúng ta thân nhau từ đó... Rồi anh đến nhà em thường hơn để làm thân với những người thân trong gia đình em. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn mà anh đã chiếm được trọn cảm tình của ba mẹ, anh chị và mấy đứa em. Cha mẹ đôi bên đã bằng lòng, chỉ chờ em ra trường là làm lễ cưới. Noel 74 bạn bè đã biết mỗi tình hạnh phúc của mình, bạn em bảo em sung sướng thật, mỗi tình đầu êm đẹp như giấc mơ.

Em nhớ có hôm anh bận việc ở sở đến đón em trễ, em bắt phạt anh phải chờ em và lũ bạn tung cánh chim tình về trường Gia Long ngày xưa, để thưởng thức lại miếng ngon đậu đỏ bánh lọt và bò bía Gia Long, mà nhà văn Từ Kế Tường đã ca tụng rất chi tiết trong truyện “Mùa Áo Vàng”,

bắt anh đợi cả lũ ăn xong, sau khi trả tiền rồi đưa tất cả về từng nhà, vậy mà anh vẫn vui vẻ làm theo không một tiếng thở than. Lúc ấy anh dễ thương chỉ lạ và tội nghiệp anh ghê vậy.

Những kỷ niệm đông đầy tình yêu đó giờ đây mất cả rồi T. ơi, em một mình ngồi ôm tiếc nhớ, anh xa rồi vượt khỏi tầm tay. Tuần trước em phải đi xem văn nghệ của một hội người ngoại quốc ở đây mời. Văn nghệ mà dùng chữ phải nghe có vẻ ép buộc quá phải không hở anh, mà thực vậy giọng nói khó mà hấp dẫn được. Ngồi nhìn thiên hạ hát lại nhớ về Sài Gòn, nhớ lại những buổi hát du ca ở sân trường Đại Học Văn Khoa, nhớ lại ngừng đêm party Noel ở nhà các bạn, anh hát giúp vui 5 bản một lần vẫn chưa thấm mệt, phải chỉ có anh ở đây nhỉ?! Dù sao đi bên anh, em vẫn cảm thấy hãnh diện và sung sướng.

Chắc hẳn lúc em đi rồi, anh luôn ngâm nga “sao ra đi mà không bảo gì nhau, để anh gọi tiếng thơ buồn vọng lại”, bài thơ áo Lụa Hà Đông mà anh và em cùng thích, em thuộc nằm lòng và lúc nào ở đâu em cũng thường ngâm T. ơi, đây là chút dư âm còn sót lại của mối tình chúng ta làm sao em quên được hở T.

Trước khi ra đi em có điện thoại đến nhà anh đôi ba lần nhưng chỉ gặp mẹ anh, mẹ bảo anh trực ở sở, tình thế lúc bấy giờ lộn xộn, nhiều nơi nội bắt xuất ngoại bắt nhập làm em hoảng sợ. Lúc đầu em không định đi, nhưng giọng mẹ và anh Ba của em cương quyết quá em không dám cãi lại vì em chỉ là con gái yếu đuối, lệ thuộc vào gia đình. Mẹ bảo em đi trước rồi anh sẽ đi sau, nhưng em biết là anh cũng khó lòng mà đi được vì anh còn kẹt mẹ già và các cháu.

Vậy mà sang đến đảo Guam và đảo Wake, em vẫn hy vọng anh sẽ sang, em tình nguyện làm ở Hội Hồng Thập Tự là chỉ mong tìm tin tức của anh và gia đình. Ngày nào em cũng lật cuốn sổ dây côm, chỉ thấy những tên xa lạ chi chít, sao không thấy tên anh?! Em không mơ ước cao xa, chỉ ước những mẫu tự A.B.C... ghép lại thành tên anh Nguyễn H. T., cuối cùng rồi em cũng tuyệt vọng. Ngày tháng trôi qua anh vẫn biệt biệt. Mỗi ngày em lần mò ra bãi biển, nước mắt tuôn rơi, ngó về bên kia đại dương hun hút tìm bóng dáng anh đến tối mịt mới về, nhìn lên bầu trời đen thẫm thấy chỉ còn 1 ngôi sao lẻ loi nằm buồn cô lẻ T. ơi.

Ngày xưa bạn bè cho rằng em sung sướng và hạnh phúc nhất, em hãnh diện khi nghe khen về anh. Anh có lối nói chuyện làm mềm lòng

người, đàn hay hát giỏi, thông minh. Mỗi tình đầu em dành cho anh tưởng như sẽ bền chặt và đẹp mãi, nhưng trời không chịu lòng người trọn vẹn, nên bắt em phải xa anh. Tội qua em nghe lại hai cuộn băng anh đã hát tặng cho em, kỷ niệm duy nhất mà em còn giữ được, còn bắt em nhớ đến anh mãi mãi, còn làm khổ em những tháng ngày còn lại, mà sao anh chỉ hát những bài “Nghìn Trùng Xa Cách”, “Dang Dở”, “Chuyện Tình buồn”, “Biệt Ly” đây có phải là điềm báo trước cho sự chia ly của mình không hở T.?! . Bây giờ mỗi lần đi ngang qua đường Duy tân (trường em) và đường Hai Bà Trưng (sở anh), anh có nhớ đến em không anh? Có nhớ những kỷ niệm của chúng mình, con đường tình mà ngày nào cũng ghi dấu chân của chúng mình, riêng em thì lúc nào cũng nhớ anh da diết. Cây có cội, nước rồi cũng sẽ về nguồn, còn em chắc cũng sẽ về Việt Nam yêu dấu, tìm gặp lại anh

một lần dù biết rằng mọi chuyện đã đổi thay, chúng ta chẳng còn là T. và K. thuở trước. “Trên đường đi lễ xuân đầu năm, qua một năm ...gió chiều thắm vương bao nhớ nhung, người yêu thoáng qua trong giấc mộng...” nghe lại những bản nhạc này, càng làm em cảm thấy nhớ anh nhiều hơn T. ơi! Nhớ những ngày đầu năm anh chở em đi Lăng Ông Bà Chiểu để xin quẻ xăm xấu hay tốt cho chuyện tình chúng mình, chở em đi chợ Hoa Nguyễn Huệ.... Lại một cái tết tha hương nữa đến, anh đang làm gì đấy hở T.? còn em cảm thấy cô đơn và buồn rày rứt, em sẽ ở vậy để chờ ngày hội ngộ cùng anh T. ơi , và em sẽ giữ mãi chỗ đứng cho anh trong tim em cũng như sẽ tôn anh là thần tượng tuyệt vời của em. Hài lòng chưa hở T. yêu quý .

Viết thay cho một người chị
Quế Hương GL71

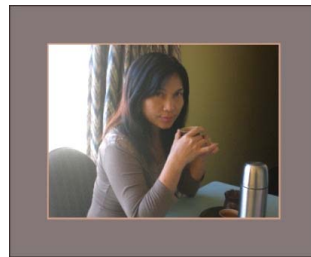
Hoa theo gió

...mở lòng ra với gió
Thổi tình yêu lồng lộng khắp trần gian
Dài theo tóc
...trăm hạt mềm ôm tóc
Bỏ Thiên Đường mưa theo dấu tình nhân...
Bờ thưa vắng, biển trời giăng mây xám
Đồi ngả nghiêng, điệu luân vũ cuồng quay...
Ai bước vội
....và mặc ai trú đợi
Ta bên nhau..
hồn lảng...
tình sâu....
Biển dạt dừ
...mưa trắng
..sóng bạc đầu....
Tay em lạnh...
...tìm tay anh ngủ trọ...
Nụ hôn khẽ...
hay tình mưa đang tỏ?
Chuông Giáo Đường quên Chúa, đứng lặng câm...

Mưa Biển



Christ Church Cathedral,
Newcastle tháng 6/2011
Thanh Bình GL75



Từ bao giờ có vài loại lễ lạc trong năm mà hề nhắc đến, một số người thường ít nhiều cho rằng nguồn gốc là đèn từ Tàu. Đồng ý Tàu là một trong vài nước có nền văn minh văn hoá sớm nhất thế giới, nhưng không nhất thiết ta phải tin rằng lễ Tết Trung Thu chỉ mới bắt đầu có từ thời Đường Minh Hoàng và nhập vào nước ta.

Có nhiều học giả Việt Nam đã chứng minh Tết Trung Thu bắt nguồn ngay từ nước Việt. Theo một số sách sử thì Tết Trung Thu ở Việt Nam đã có từ xa xưa và đã được khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ. Thêm nữa theo văn bia ở chùa Đọi, thì ngay từ đời nhà Lý, Tết Trung Thu đã được tổ chức ở kinh đô Thăng Long với các hội đua thuyền, rước đèn, múa hát... Đến đời vua Lê chúa Trịnh thì Tết Trung Thu đã được tổ chức quy mô và linh đình lắm.

Về mặt ý nghĩa thì theo phong tục trong dân gian, đây là dịp thân nhân bạn bè biếu xén quà bánh qua lại để mừng trăng tháng Tám. Trong dịp này cha mẹ, tùy khả năng, mua quà bánh cho các con thơ, biểu hiện tình yêu thương một cách cụ thể. Tình yêu gia đình, gia tộc cứ thế gắn bó keo sơn từ đời này sang đời khác.

Vì vậy, dù luân lạc đến đâu người Việt Nam vẫn luôn luôn giữ truyền thống tổ chức hoặc tham dự Tết Trung Thu vào ngày rằm tháng 8 âm lịch thường rơi vào thượng tuần tháng 10 dương lịch.

Ở Úc cũng thế. Chẳng năm nào mà cộng đồng Việt Nam không mừng Tết Trung Thu. Nhưng mỗi khi chữ Trung Thu vang lên đây đó, chúng ta đôi khi có một cảm giác mà chẳng có chữ nào diễn tả chính xác cho bằng chữ rất bình dân của người miền Nam: “trật chĩa”. Quả thế, có lẽ chẳng có cộng đồng người Việt nào lại ăn Tết Trung Thu vào mùa Xuân như chúng ta.

Chúng ta là những người sinh sống ở Úc, vùng đất thuộc Nam Bán Cầu, giờ này đang ảm áp hương Xuân, đang “Thiều quang chín chục đã ngoài... ba mươi,”. Trong khi ở tuốt phía trên kia, các nước như Anh, Đức, Pháp, Mỹ đã vào Thu, đang sửa soạn đón vàng trăng sáng nhất, to nhất trong năm, được gọi một là “tuần trăng tháng Mười” hay “tuần trăng Thọ Săn,” có nghĩa đây là mùa săn bắn sau cùng của một năm, vì sau tuần trăng này, mặt đất sẽ từ từ lan tràn giá lạnh và băng tuyết để đi vào mùa của thế giới u minh. Thật thế, điển hình như ở Mỹ, cuối tháng Mười lễ Halloween được tổ chức rất tốn kém cho các trẻ em vui chơi, và tất nhiên cả người lớn nữa, để các em làm quen với khái niệm về thế giới bên kia qua y phục và hình thù ma quỷ; kể đến tháng Mười Một thì người Thiên Chúa Giáo khắp nơi sẽ tổ chức trọng thể lễ Các Đẳng Linh Hồn và tiếp theo là lễ Các Thánh.

Các nước Tàu, Đại Hàn, Nhật và Việt Nam có tổ chức tết Trung Thu. Thời gian này trời đất bắt đầu se lạnh, lá bắt đầu đổi màu. Cả tháng trước đó, khi vàng trăng thượng tuần tháng Tám to như cái nia chưa nhú lên thì ngoài các cửa hàng, người ta đã bày bán những bánh nướng bánh dẻo thơm lừng. Bánh hình lục súc lồi cuốn những đôi mắt trẻ thơ. Trà ngon rượu quý các loại để các cụ ông nhắm tính tiền... giã trong bốp. Đèn lồng, đèn kéo quân, đèn ông sao, con tôm, con cá... đủ kiểu đủ màu khiến các bà mẹ phải quan tâm. Những tụ điểm múa lân, múa sư tử, văn nghệ quần chúng, văn nghệ cộng đồng được sửa soạn để mọi người hưởng thêm một tết Trung Thu. Vì nhiều nhu cầu mà phải có tết Trung thu. Nào là nhu cầu tinh thần đến vật chất, nhu cầu truyền thống đến thương mại. Cho nên dù thời khí mùa màng có khác, không chỉ riêng ở Việt Nam mà gần như ở bất cứ đâu có cộng đồng Việt Nam, tết Trung Thu

danh nghĩa là Tết Nhi Đồng dành cho trẻ em; vẫn được tổ chức rộn rã. Nói thế chứ người lớn cũng không tự bỏ quên họ bao giờ. Họ còn có lắm cuộc vui phức tạp hơn trẻ em nhiều. Tao nhân mặc khách chỉ dùng với nhau một mỹ từ nghe rất khiêm tốn là đề “Thường Trăng”.

Việc tổ chức Trung Thu để nam phụ lão ấu “Thường Trăng” ở Úc phải nói rằng đình đám hơn bất cứ nơi nào khác có người Việt. Ngay tại Mỹ, nước có đông người Việt nhất, thế mà qua hơn ba thập niên, chúng ta phải hãnh diện nói rằng chỉ ở Úc mới có những sinh hoạt mừng tết Trung Thu quy tụ được nhiều chục ngàn người mà điển hình là ở Melbourne và đặc biệt ở Sydney. Lý do Tết Trung Thu đông vui như vậy vì chỉ ở Úc, chính quyền, tức Hội Đồng Thành Phố, mới trực tiếp đứng ra tổ chức. Cộng đồng các sắc tộc tham dự bằng các gian hàng và các sân khấu trình diễn văn nghệ quần chúng.

Một bản tin loan trên báo Chiêu Dương, một tờ báo địa phương của người Việt, có thể giúp đồng bào không ở Úc hình dung ra quang cảnh Tết Trung Thu ở Sydney:

“Chương trình Tết Trung Thu sẽ được Hội Đồng Thành Phố Fairfield tổ chức tại Trung Tâm Thương Mại Cabramatta vào chủ nhật 27/9 từ 11 giờ sáng đến 8 giờ tối... Các con đường chính tại Cabramatta sẽ bị phong tỏa để thiết lập các gian hàng và khán đài phụ diễn văn nghệ, múa lân, biểu diễn võ thuật, phát bánh trung thu và lồng đèn cho trẻ em cùng các chương trình thi thố vui nhộn, được phát giải thưởng.

Thị trưởng thành phố kiêm dân biểu Cabramatta, ông Nick Lalich sẽ chính thức đọc diễn văn khai mạc vào giữa trưa. Lễ hội Tết Trung Thu tại Cabramatta cũng sẽ được các đài truyền hình số 9 và SBS tường trình trực tiếp... Thị trưởng tiên đoán lễ hội Tết Trung Thu sẽ quy tụ trên 80 ngàn khán giả tham dự.”

Con số trên 80 ngàn người đến tham dự Tết Trung Thu hẳn làm đồng bào các nước khác giật mình. Mà đúng như thế, cứ năm nào trời quang mây tạnh con số đều luôn suýt soát như vậy.

Gần như năm nào chương trình phát thanh Việt ngữ SBS ở Sydney cũng tham dự. Anh chị em cũng sẽ có một gian hàng và một sân khấu văn nghệ góp vui. Chương trình này được trực tiếp truyền thanh. Phần văn nghệ kéo dài một tiếng.

SBS Việt ngữ giới thiệu tới khán thính giả nhiều tiết mục âm áp, vui nhộn với các ca khúc về mùa thu, trăng thu, tình thu. Các thiếu nhi múa hát, đồ vui có thưởng... Rồi các quà tặng cho các em được phân phát như bánh trái, áo thun có huy hiệu SBS được trao người thắng cuộc. Những tiết mục ấy đã quy tụ số khán giả tới gần một ngàn người. Đứng trên sân khấu nhìn xuống ta sẽ khám phá ra điều này: thành phần hiện diện đông nhất lại là người lớn chứ không phải trẻ em. Trai thanh gái lịch chiếm đến 4/5; còn thiếu niên nhi đồng chỉ chiếm khoảng 1/5.

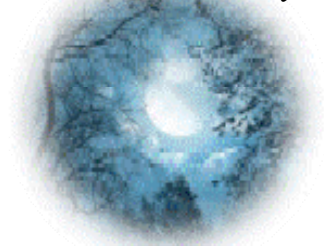
Sao người lớn đông thế? Nếu có ai đó thắc mắc thì cũng dễ trả lời: không có người lớn thì ai đưa trẻ em đi, mà không có trẻ em thì làm sao có Tết Nhi Đồng cho người lớn được dịp... này kia nọ mà thưởng trăng!

Đầu thế kỷ 20, một học giả người Pháp là P. Giran đã đưa lý do từ đâu người Á Đông có Tết Trung Thu. Theo ông, người Á Đông vừa thực tế lại vừa thơ mộng. Họ đã coi mặt trời mặt trăng như một cặp uyên ương. Cặp uyên ương này chỉ được xum vầy ái ân mỗi tháng một lần vào cuối tuần trăng. Sau đó, từ già hơi ảm của chàng, nàng Trăng mãn nguyện ra đi và dần dà lại nhận được ánh dương quang của chàng để nàng từ từ sáng lên, từ Trăng Non đến Trăng Tròn, bắt đầu một chu kỳ mới. Và nàng Trăng mỗi năm một lần, xuất hiện sáng nhất, đẹp nhất là vào trung tuần tháng Tám Âm Lịch.

Theo sách “Thái Bình Hoàn Vũ Ký”, người Lạc Việt, tổ tiên ta, khi mùa Thu về, khi con Trăng tháng Tám như cái mâm đồng rực sáng trên trời thì họ mở hội mừng để trai gái giao duyên. Ứng nhau thì tiến tới việc hôn nhân. Như vậy mùa Trung Thu là mùa của thành hôn. Phải chăng đây chính là lời giải thích rõ ràng hiện tượng đã viết ở phần trên, theo đó tiếng là lễ Nhi Đồng, nhưng thành phần trai thanh gái lịch đã chiếm đến 4/5 dân số trong hội Tết Trung Thu năm nay?

Sydney Mùa Trăng rằm tháng Tám 2011

Tuyết Lê –GL 73.





Hồ Truyền và Nguyễn Thị Dương (GL 71)

Từ sân bay Sydney sáng 16 tháng 4 / 2012, sau 2 chuyến đi thật dài kể cả thời gian chờ đổi 2 chuyến bay và chuyến taxi bị kẹt trong dòng xe dày đặc từ sân bay London Heathrow phía Tây Luân Đôn, cuối cùng cũng đến nhà con gái Thúy Anh của chúng tôi ở Mile End E3 Đông Luân Đôn chiều 17 tháng 4. Chúng tôi mất cả thấy 36 tiếng đồng hồ cho cuộc hành trình.



LONDON và SYDNEY

Tạm coi nội thành London hình tròn, bán kính chừng 20 km, chia làm 6 vùng: Trung Tâm, Đông, Tây, Bắc, Tây Nam, Đông Nam. Địa chỉ nhà ở London có mã vùng sau số nhà và tên đường, thí dụ London E3 là vùng nhà Thúy Anh.

Ngoài vùng trung tâm, khu dinh cơ Hoàng Gia Anh và các cơ quan chính quyền trung ương cùng các đại học lớn và các đại công ty, 5 vùng còn lại chủ yếu là các khu dân cư có cấu trúc tựa tựa như các vùng Kensington, Coogee, Kingsford, chỉ khác là mật độ nhà dày đặc hơn,

cao tầng hơn; ít khoảng trống, ít vườn tược hơn. Cũng dễ hiểu vì London có bề dày lịch sử 2000 năm so với 200 năm của Sydney¹.

Cảm giác đầu tiên khi dạo bước trên 1 đường phố London nội thành là đường phố sạch, ngăn nắp tuy mọi thứ rất xưa cũ. Ai đã coi các phim Anh cổ điển, như Oliver (Mark Lester đóng vai chính) đều biết những khu nhà ổ chuột, những cống rãnh xưa cả ngàn năm bần thiêu đến ghê rợn của “thế giới ngầm” London cách nay 1 vài trăm năm. Ngày nay chỉ còn trong văn thơ Anh hay trong Tư Bản Luận của Marx-Engels.

Cảm giác thứ hai là tỷ số dân gốc Ấn Hồi, đặc biệt là dân Bangladesh. Có rất nhiều vùng tỷ số này còn cao hơn cả tỷ số dân gốc Ấn Hồi ở Auburn NSW hay dân gốc Lebanese ở Lakemba Sydney. Đây là di sản của lịch sử mấy trăm năm Đế Quốc Anh. Họ cũng chiếm rất nhiều chỗ trong chính quyền địa phương và Quốc Hội Anh, tỷ lệ cao hơn ở Úc rất nhiều.

Sẽ rất thiếu sót nếu không nhắc đến hệ thống vận tải công cộng (Public Transport System PTS) cực kỳ hiệu quả ở London. Tàu điện ngầm (dân London gọi là TUBE vì có hình ống) dày đặc cả không gian và thời gian. Xe buýt đỏ 2 tầng cũng hiệu quả như thế. Và cả hệ thống xe đạp cho thuê rẻ (30 phút đầu miễn phí) rất được giới trẻ ưa chuộng. Có thể so sánh PTS của London và Sydney qua 2 links sau đây

<http://www.tfl.gov.uk/>

<http://www.cityrail.info/>



Mua 1 thẻ pre-paid 20 bảng (pound, đơn vị tiền Anh) dạng credit card có thể dùng trung bình

¹http://en.wikipedia.org/wiki/History_of_London

cho các hình thức PTS suốt 1 tuần. Thẻ này là smart-card, ra vào, lên xuống công, cửa kiểm soát chỉ cần quét (scan) vào 1 cột kiểm soát. Ai đã đến Singapore, Hongkong hay các thành phố tân tiến đều biết loại thẻ này.

Năm nay 2012, nước Anh có 2 sự kiện lớn từ tháng 5 đến tháng 8: Diamond Jubilee (60 năm trị vì của Nữ Hoàng Elizabeth II) và Olympic London. Chúng tôi may mắn đến London vào mùa này, cuối xuân, đầu hè và nhà con gái lại gần khu Olympic chính Stratford (như Homebush ở Sydney năm 2000), cây cảnh vừa đâm chồi, đường sá, xa lộ, shoppings, buildings và stadiums còn mới coóng.

Cuộc sống tiểu gia đình con gái chúng tôi ở London thực là năng động và bận rộn. Cứ vài tháng lại đi nước ngoài, chủ yếu là đi Mỹ và Âu Châu. Còn đi về nhà chồng ở Cornwall, cách London khoảng 500 km bằng xe lửa cũng vài tháng 1 lần. Đưa thẳng MAX con trai đầu mới 19 tháng tuổi đi tập bơi, đi nhà trẻ, playgroup gần như hằng ngày hoặc 2 lần 1 ngày!

Có chuyện phải nói là bố hay mẹ hay cả 2 hai thân nhân ông bà phải ở lại sinh hoạt với trẻ. Mới trong tháng 5, gia đình con gái vừa từ Mỹ về, tuần sau đi New York, tháng 6 đi Thụy Sĩ và Cornwall... Rồi tháng 12/ 2012, ngay hai tháng sau khi sinh đứa con thứ 2, vợ chồng Thúy Anh sẽ đi Ấn Độ dự đám cưới bạn trả lễ! Cũng như 1 năm trước tháng 3/ 2011, khi Max mới hơn 4 tháng, Thúy Anh bỗng con đi 1 vòng Mỹ (DC, SanFran), Úc, Hongkong.

ĐI CHƠI TRUNG TÂM THÀNH PHỐ LONDON



Hôm nay chúng tôi sẽ tham quan khu CBD gồm Westminster, Hyde Park, Buckingham Palace....

Khu CBD này sát bờ sông Thames, sông hẹp như sông Seine Paris chứ không rộng như sông Hương ở Huế hay sông Parramatta ở Sydney. Trong 1 diện tích không lớn hơn CBD Sydney, vô số dinh thự kiểu Gothic cổ kính cao vút dày đặc tích lũy từ 2000 năm, rất may không bị chiến tranh tàn phá. Số lượng dinh thự này bằng cả 100 lần con số ở Sydney, cũng là 1 thành phố Úc có giá trị lịch sử. Một lần nữa, phải khen chính quyền địa phương đã dành ngân sách không nhỏ thuê người bảo trì, làm cỏ, dọn rác, chăm sóc rest rooms, toilets liên tục, nên đường phố, công viên sạch bóng, hiếm thấy rác dù ở một xó xỉnh nào.

Bây giờ là cuối Xuân, đầu Hè ở Bắc Bán Cầu. Khách du lịch đông như đi trẩy hội. Các nước Âu Châu có lợi thế là rất gần nhau nên chỉ cần dùng xe bus, xe coach hay xe con tư nhân cũng có thể đi khắp Âu Châu, trừ vùng Viễn Đông của Nga thì hơi xa, phải đi máy bay hay xe lửa tốc hành.

Có vô vàn các đoàn du lịch đến Luân Đôn từ Nga, Ba Lan, Pháp, Đức, ... cả Nhật và Trung Quốc xa xôi chen chúc đông như kiến. Qua đây mới thấy kỹ nghệ du lịch là ngành hái ra tiền mà không cần đổ mồ hôi sôi nước mắt. Hầu hết các nơi tham quan đều miễn phí, chỉ có vào toilet phải mất 50 xu. Du khách khỏi lo mang tiền xu vì có nhân viên ở mỗi toilet đổi tiền, cái turnstile canh cửa cũng biết thổi tiền lẻ.



SO SÁNH ĐỜI SỐNG Ở LONDON VÀ SYDNEY

Gia Long Tuyết Lê Sydney có hỏi vật giá London. Nôm na là vật giá London đắt hơn Sydney khoảng 50 %. Tuy nhiên, người Anh hay người Úc qua Anh ở sẽ không cảm thấy đắt đỏ vì họ được trả lương lớn, thường là bằng y như ở Úc, nhưng bằng đồng bảng Anh. Thí dụ một cô y tá ở Úc lãnh 900 AUD mỗi tuần, qua

Anh lãnh 900 pounds, khoảng 1350 \$ AUD mỗi tuần.

Tôi nghĩ hệ thống An Sinh Xã Hội ở Anh tốt hơn ở Úc. Nhất là *public housing*, bên này gọi là *social housing* hay *council housing* vì do Council quản lý chứ không do chính quyền tiểu bang như ở Úc. Tôi thấy social housing rất nhiều và nhìn qua không khác các khu nhà tư nhân.



Ngoài ra theo tôi biết thì chính phủ Anh có hai loại nhà dành cho người nghèo. Đó là *Social housing*, tạm dịch là nhà xã hội, đã nói ở trên, và *Affordable housing*, nhà thuê giá rẻ. Hai loại này khác nhau, dù mới nghe tưởng là một thứ. Tiền thuê nhà xã hội rất thấp vì được chính phủ trợ cấp rất nhiều, còn nhà thuê giá rẻ đôi khi được cho thuê đến 80% giá cả thị trường. Nếu giá thuê nhà tăng cao thì số lượng người xin trợ cấp sẽ tăng cao và khi đó số tiền trợ cấp của nhà nước cũng sẽ tăng theo để người nghèo có nơi ăn ở thoải mái. Mặt khác chính quyền Anh luôn luôn nghĩ đến an sinh xã hội, cụ thể là giúp người nghèo tậu được nhà cửa cho chính họ, đồng thời cũng sẽ giảm thiểu được ngân sách dành trợ giúp người khốn khó. Theo một bảng tính toán gần đây của đảng *Luân Đôn Xanh* (*The London Green Party*) thì nếu chính quyền London hỗ trợ cho người nghèo mua khoảng 256,064 căn nhà thì tiền trợ cấp cho người nghèo có thể giảm xuống còn khoảng £750m mỗi năm.

Viết những dòng này khi đang du lịch Anh trong 3 tháng, tôi luôn nghĩ đến Việt Nam quê hương thứ nhất của tôi và so sánh với các nơi tôi đã đến, đang đến và sắp đến. Tôi hy vọng trong tương lai đất nước tôi sẽ có được những ngày tươi sáng, dân tộc tôi sẽ vượt qua được những lầm than. Bởi vì một dân tộc cần cù, thông minh với truyền thống hiếu học cầu tiến thì đêm đen dù có kéo dài nhưng cũng sẽ có lúc dân tôi vượt

qua. Tôi tin rằng dân tôi xứng đáng được sống trong hạnh phúc ấm no và văn minh không kém bất cứ dân tộc nào trên thế giới.

Hồ Truyền và Nguyễn Thị Dương (GL71)

CHUYỆN THẬT ĐỜI TÔI

Một buổi chiều, bầu trời xám, mây xám ngang trời, mưa phớt nhẹ, mặt đường vẫn khô ráo. trên chiếc xe honda; tôi đi trên xa lộ Đông Tây.

Tôi chạy xe với tốc độ một con rùa, khoảng 20km/g. Do trực giác tôi biết có một chiếc xe đang theo đuôi. Qua kính chiếu hậu - Đó là chàng trai trẻ - trẻ lắm & cao to.

Phản xạ - tôi tăng tốc 30km/g - Chàng có bám sát tôi (sự việc xảy ra # 30").

Sợ, sợ, sợ quá! Thôi thì liều ba-bảy cũng liều; tăng lên 50km/g.

Chàng thì nhất quyết bám sát. Lần này thì chết, chết chắc rồi! CHẾT- không phải vì sự đeo đuôi của chàng; mà vì không làm chủ được tốc độ.

Đèn đỏ. Thắng gấp, xe tôi dừng lại - xe chàng cập sát xe tôi.

Chàng nhẹ nghiêng người qua tôi; thủ thỉ bên tai tôi như sợ ai nghe thấy:

CÔ CÔ; CÔ MẶC ÁO TRÁI.

Bài này có tựa đề là "ÁO TRÁI"

Ngô Thanh Giang GL73.



NGÕ HÀNG QUÀ

Tặng Trâu Già



Đi hết biển có thể tới Âu tới Mỹ, hay về lại Việt Nam, nhưng không bao giờ về được phố xưa tôi đã sống, hẻm nghèo một thuở đã lớn lên.

Ấu thơ tôi ở hẻm đường rầy, khoảng giữa đường Trần quý Cáp và Hồng thập tự. Có bao nhiêu cái hẻm ăn thông ra đường rầy tôi không biết được, chỉ biết xoay lưng về phía đường rầy thì đi đến giữa, ngoặt tay trái sẽ ra tiệm چاپ pho Hòa Phú đường Trần quý Cáp, và đi tới cuối (hay đầu hẻm, sao biết được đâu là đầu đâu là cuối !!) sẽ ra ngõ hàng quà.

Gọi vậy, vì ngõ đó toàn bán quà sáng. Đứng từ mặt đường Trần quý Cáp ngó vào ngõ bên tay trái là tiệm cà phê hủ tiếu của Tàu. Sáng sớm nhiều bác ghé vào uống cà phê sữa đổ ra đĩa, ăn cái bánh tiêu hay dầu cháo quẩy. Lâu lâu một lần tôi được ba dắt ra đó ăn xiu mại há cảo thì nhớ đời. Ngồi ngay trước cửa tiệm là gánh bánh mì giò chả của bà mất lời. Chả bò của bà rất thơm thia là và mỡ thái hột lựu, tiêu hột. Ông ngoại dầy tôi nói rằng *bà bán cho cháu 3 đồng bánh mì 7 đồng chả*, vì nếu mua 10 đồng bánh mì chả thì ổ bánh mì dài ngoằng mà chả thì chỉ có một vài miếng. Tôi say sưa ngó bà xẻ khúc



bánh mì, nhét mỡ chả bò thái vuông ngón tay, rắc vài hột muối tiêu chút xì dầu rồi gói nó vào tấm giấy cellophane (tôi không nhớ tiếng Việt gọi là gì?) Tôi thường ăn từ từ sợ hết!!!

Cùng dầy đi lần vào trong có hàng cháo huyết, mì giò heo, bánh canh giò heo, và bánh thiếp lá dứa. Tôi không còn nhớ gọi vậy đúng không, bột đặc sệt trộn dừa và lá dứa, quét một muống trái đều lên tấm gang tròn đen bóng trên lò than. Năm phút sau miếng bánh chín dòn nâu một mặt, mặt kia vẫn xanh ngát thơm lừng. Lâu lâu có món xôi ống tre hay xôi bánh phồng.

Cũng từ mặt đường Trần quý Cáp ngó vào tay phải là bà cụ già bán chuối nếp nướng. Chuối bọc xôi nếp, gói trong lá chuối vắn xoắn 2 đầu, để lên bếp than nướng. Trẻ con ngồi chờ hồ chờ lâu ơ là lâu mới nướng chín được vài trái chuối. Mở ra, lấy cái muống xẻ bụng chan vô một muống nước cốt dừa có bột bán. Ngon chết luôn. Xế xuống chút xíu là hàng bánh khọt bánh xèo, bánh cuốn. Còn hàng gì nữa thì tôi quên rồi. Qua khỏi hàng quà là phong tên nước, 4 bể có thùng để sẵn chờ hứng. Hẻm của tôi ở bên tay phải. Buổi sáng tôi ra đầu hẻm chỗ phong tên, quẹo trái ra hàng quà. Buổi chiều mát tôi ra hẻm quẹo mặt, chỗ này hơi có khúc quanh rồi thẳng ra Hồng thập tự, xem xếp ghé đầu bày hàng cháo lòng, một dầy. Có những hôm tôi xuống cuối hẻm, ra đường rầy ngồi chơi chờ xe ô tô ray phun khói chạy tới thì chạy ủa vào lễ các nhà ven đường rầy. Có hôm tôi ra đầu hẻm đứng tựa hàng rào xem ông nọ cột tóc sau gáy mặc bà ba trắng ngồi đàn vọng cổ cho một cô bé cỡ 6-8 tuổi, răng to và hở, hát 6 câu. Cô hát rất nhịp nhàng theo tiếng đàn và nhịp gõ song la, giọng trong trẻo. Sau này lớn hơn, biết xem cái lương thấy Hữu Phước đóng vai cậu gì đó trong “Con gái chị Hằng,” và thấy bức hình Thanh Nga mặc áo dài đeo xuyên tay, dắt em Hương Lan tóc bum bê áo cộc trắng, răng to và hở, thì tôi bâng khuâng không biết phải đúng người xưa. Ở đó tôi chưa được 5 tuổi, chưa biết ăn quà. Ấy vậy mà tôi đã đến trường cây đa (không biết có học được chữ nào hay chỉ cho cô giáo hi mũi !!!).